

nguyễn thị hậu

Cách nhau chỉ một giấc mơ

tạp bút



cách nhau
chỉ
một
giấc mơ

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP. HỒ CHÍ MINH THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Nguyễn Thị Hậu, 1958-

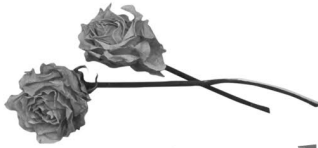
Cách nhau chỉ một giấc mơ : tạp bút / Nguyễn Thị Hậu. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2015.
270 tr. ; 20 cm.

1. Văn xuôi Việt Nam -- Thế kỷ 21. 2. Văn học Việt Nam -- Thế kỷ 21. 3. Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) -- Văn minh -- Tiểu thuyết. I. Ts.

1. Vietnamese prose -- 21st century. 2. Vietnamese literature -- 21st century. 3. Hochiminh city (Vietnam) -- Civilization -- Fiction

895.92284 -- ddc 23
N573-H37

nguyễn thị hậu



cách nhau
chỉ
một
giấc mơ

Tạp bút

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Phần I

GIỮ HÔN ĐÔ THỊ

ADN của một đô thị

ADN có thể được hiểu một cách đơn giản là nơi chứa mọi thông tin chỉ dẫn cần thiết để tạo nên các đặc tính sự sống của mỗi sinh vật; Nếu ta coi đô thị như một cơ thể sống thì bản sắc của mỗi đô thị giống như ADN, cũng nhờ quá trình “trao đổi chất” mà bản sắc ấy có thể biến đổi và di truyền.

Bản sắc văn hóa của đô thị hình thành từ cấu trúc, tính chất và chức năng của nó, và trên hết, cộng đồng dân cư đã duy trì và (làm/góp phần) biến đổi nó. Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh chẳng hạn, cái gì có thể coi là ADN của

đô thị này? Có lẽ cần bắt đầu từ việc nhận dạng những đặc trưng của đô thị, từ cảnh quan tự nhiên đến văn hóa của cộng đồng.

Sài Gòn là đô thị sông nước

Sông Sài Gòn là giao thông đường thủy quan trọng nhất, cảng Sài Gòn là cửa ngõ thông thương với nước ngoài. Hệ thống kênh rạch dày đặc là những con đường huyết mạch để vận chuyển lúa gạo và các loại nông sản, hàng hóa khác từ đồng bằng sông Cửu Long lên Cảng Sài Gòn để xuất khẩu. Thương cảng Sài Gòn, từ góc độ lịch sử có thể coi là đặc điểm chủ yếu của đô thị Sài Gòn.

Hệ thống sông rạch làm nên cảnh quan “trên bến dưới thuyền” của Sài Gòn: những con sông, kênh rạch với những bến sông nổi tiếng sinh hoạt buôn bán, cảnh quan văn hóa đặc trưng: sông - bến chợ - phố chợ ven sông - làng ven sông - giao thông đường thủy - ghe thuyền - cầu qua sông...

Hiện nay đại lộ Đông Tây được xây dựng đã đáp ứng nhu cầu giao thông và mang lại vẻ hiện đại cho thành phố, nhưng trả giá cho việc này là dọc hai bên sông - cũng là dọc theo đại lộ, những dãy nhà phố buôn bán biến mất, những tòa cao ốc đã và đang mọc lên. Vẻ đẹp cổ xưa “trên bến dưới thuyền” sầm uất mà hồi giữa thế kỷ XX vẫn còn được ghi nhận đã không còn nữa.

Sài Gòn là đô thị của sự đa dạng văn hóa

Sài Gòn có một hệ thống sông lớn và có cửa biển Cần Giờ nên đây là một cảng thị từ rất sớm, cũng là nơi có sự giao lưu mạnh mẽ với các quốc gia khác qua đường biển. Từ thế kỷ XVII nhiều cư dân từ nơi khác đến khai phá vùng đồng bằng sông Cửu Long. Sự hình thành đô thị Sài Gòn là quá trình tụ cư và hội nhập văn hóa nhanh chóng của người Việt, người Hoa với những tộc người bản địa. So với Hà Nội hay Huế thì di tích lịch sử ở Sài Gòn không nhiều, niên đại muộn, đặc trưng kiến trúc-trang trí thể hiện sự giao lưu văn hóa đậm nét. Từ những con người của Sài Gòn và sống-ở-Sài Gòn, Sài Gòn đã dung nạp, tiếp nhận tất cả các yếu tố văn hóa khác nhau: phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, tiếng nói, ẩm thực, trang phục... Và quan trọng là Sài Gòn không làm thay đổi những nét văn hóa riêng của từng cộng đồng người, vẫn nuôi dưỡng tất cả để tạo nên sự phong phú đa dạng của văn hóa Sài Gòn.

Quá trình lịch sử và hoàn cảnh xã hội đã tạo nên tính cách “người Sài Gòn” có thể là đại diện cho “người Nam Bộ”: Người Sài Gòn có tính thực tế cao nhưng không bị chuyển thành sự tư lợi mà ngược lại là cơ sở cho tính cộng đồng cao, việc xã hội, “việc nghĩa” được coi là chuyện bình thường. Vì vậy dễ dàng chia sẻ, đùm bọc người tứ xứ nhập cư.

Sài Gòn được xây dựng theo kiểu đô thị phương Tây

Lấy sông Sài Gòn làm chuẩn các đường phố ngang dọc chia đô thị Sài Gòn (vốn trải dài ven sông, kênh rạch) thành những ô vuông, trong đó là các công sở, biệt thự, trường học, bệnh viện và các công trình công cộng khác. Những công trình kiến trúc dành cho công sở cho đến nay vẫn còn giữ được công năng, cảnh quan khu trung tâm thành phố là những con đường với hàng cây cao vút, những biệt thự mang vẻ đẹp của kiến trúc cổ điển đã trở nên quen thuộc, là một phần không thể thiếu của thành phố, là “dấu ấn Sài Gòn” đối với người đi xa và người đến Sài Gòn. Đến Sài Gòn ai cũng phải đến Nhà thờ Đức Bà, Bưu điện, Nhà hát Lớn, Ủy ban nhân dân, khu Eden, thương xá Tax, chợ Bến Thành... và khu trung tâm Nguyễn Huệ - Lê Lợi - Hàm Nghi. Đó là nơi “lắng hồn” đô thị Sài Gòn.

Đặc biệt, khu vực trung tâm (văn hóa, chính trị, kinh tế) thể hiện tính chất ADN của đô thị rõ ràng nhất. Chính ADN giúp xác định giá trị văn hóa cho những di sản trong khu vực đó, đồng thời mang lại giá trị kinh tế cho các công trình cổ và mới. Sự thay đổi không gian lịch sử cần được cân nhắc và thực hiện hết sức cẩn thận, nếu làm đúng cũng sẽ giúp cải thiện không gian lịch sử và trở thành giá trị mới cho thế hệ hiện tại, giúp gia tăng bản sắc và cảm nhận tích cực về nơi chốn. Quá trình biến đổi không gian

lịch sử nên được xem là một cơ hội để phát huy tiềm năng kinh tế và văn hóa của khu vực. Sự biến dạng của đường Đồng Khởi và khu vực vòng xoay Nguyễn Huệ - Lê Lợi là một “thất bại” trong việc bảo tồn gìn giữ “không gian lịch sử” hơn một trăm năm của thành phố!

Lịch sử của mỗi đô thị cũng như chuỗi vòng xoắn ADN kéo dài vô tận mà trong đó sự “phát triển” kinh tế là sức sống mới từ những tế bào nhân đôi nhưng “bảo tồn” văn hóa lại giữ vai trò cấu trúc ổn định của chuỗi vòng xoắn. Khi cấu trúc này bị phá vỡ, đô thị không còn bản sắc riêng có của nó.

Một đô thị không có bản sắc riêng thì nó sẽ biến mất trong ký ức cộng đồng, sớm hay muộn mà thôi.

Sài Gòn 24.12.2014

Đi tìm tám bảng chỉ đường

Đi đến đâu tôi cũng hay để ý đến bảng tên đường, và cùng với nó là những bảng báo giao thông.

Ví dụ, cách đây vài năm tôi đến Huế, đi trong khu vực Thành Nội tôi hỏi cậu lái xe của cơ quan: này, bảng tên đường ở đây có gì là lạ nhỉ? Cậu ta buông ngay một câu đầy vẻ “ngoạ ngoắt”: thành phố thì nhỏ xíu đường thì ngắn ngủn nhưng bảng tên đường thì to đùng, có khi to nhất nước! Ừ thật, là vì trên bảng tên đường có thêm biểu tượng “Di sản văn hóa thế giới” khá lớn nằm ở một góc.

Gần đây, một vài đô thị đã có sáng kiến là bảng tên đường còn kèm theo “lý lịch” vắn tắt của nhân vật được đặt tên đường. Chưa kịp vui với sáng kiến hữu ích cho du lịch và cho việc biết/nhớ lịch sử của người dân thì đã phải buồn (cười) vì cái bảng “Tiểu sử đồng chí Ngô Thời Nhiệm (Bính Dần 1746 - Quý Hợi 1803)” không biết ở thành phố nào mà cư dân mạng tung lên Facebook.

Có lần đi qua khu Phú Mỹ Hưng (quận 7, TP. Hồ Chí Minh), cả bác tài taxi và tôi đều không biết đường cần đến nằm ở đâu. Đô thị mới, tuyến đường chính mỗi bên năm, sáu làn xe cùng dải phân cách dải suốt đường. Anh lái xe lúng túng vì không tìm thấy bảng chỉ dẫn trước khi đến giao lộ. Đến sát giao lộ phải chạy chậm tìm bảng tên đường, khi nhìn thấy thì không kịp chuyển làn đường, đành đi quá lên rất xa mới quay lại được. Đường thì rộng thênh, đầu đường, giao lộ thường là những tòa nhà lớn, bảng tên đường bé xíu nếu sơ ý chút thôi thì không nhìn thấy, chưa kể nhiều đường nhỏ còn không có tên đường (hay là chưa có bảng tên đường?). Sau một hồi hỏi thăm nhiều lần mới tìm ra đường cần đến, bác tài taxi cần nhắc: làm được những con đường lớn vậy mà không làm nổi cái bảng tên đường. Tôi cười, an ủi bác tài: tại vì người làm đường và người làm bảng tên đường khác nhau, bác ạ.

Tinh thần “tiết kiệm” mấy cái bảng báo như thế có ở nhiều nơi trong nước, không hiếm lần chúng ta ngỡ ngác bản khoản thậm chí hốt hoảng vì không biết phải đi đường nào trước những giao lộ bùng binh hay chạy hoài

không thấy nơi mình muốn đến. Mà ghé xe vô hỏi thì thế nào cũng gặp tình trạng mỗi người chỉ đường một kiểu! Không muốn nhưng cứ nhớ đến các nước khác, ngay Thái Lan hay Singapore thôi, trên đường thành phố hay xa lộ hệ thống bảng báo cũng rất hoàn chỉnh, theo quy định gần đến giao lộ có những bảng báo theo khoảng cách nhất định, treo ngang đường trên cao vừa tầm khoảng cách cho lái xe nhận ra. Trên đó gồm các thông tin: làn đường nào chạy tốc độ bao nhiêu, đi thẳng đến đâu, rẽ thì đến đâu, cách bao nhiêu thì chuyển làn đường để rẽ phải, rẽ trái, quay đầu xe... Vì vậy xe chạy không cần giảm tốc độ vẫn có thể nhận biết cần theo đường nào để đi cho đúng, giảm thiểu tai nạn do người tham gia giao thông bị động khi chuyển làn đường.

Tôi rất thích những cái bảng tên đường ở Boston (Mỹ) vì tôi ở đây có bốn ngày thăm thú nơi này nơi kia mà toàn đi bộ, thi thoảng mới đi xe bus. Bảng tên đường ở các giao lộ thường được treo cùng với bảng chỉ dẫn giao thông (đường một chiều/cấm xe hơi/cấm đậu xe/đường có trường học...), vừa có chữ, có ký hiệu lại vừa có hình vẽ “tả thực”, nếu không biết chữ Anh thì cũng hiểu nội dung bảng báo. Tôi nói đùa với bạn: nhìn bảng chỉ dẫn thế này, không khéo có ông cán bộ giao thông nào ở nhà mình sang đây “tham quan học tập kinh nghiệm” lại về báo cáo “người Mỹ nói chung là không biết đọc!”.

Nhưng thật, dù là người “không biết đọc” thì vẫn có lúc phải ra ngoài đường chú nhì? Trẻ em nhìn thấy những

bảng báo như thế mỗi ngày, sau này khi đủ tuổi, các em học Luật giao thông thi lấy bằng lái xe chắc chắn sẽ dễ dàng hơn. Những tấm bảng chỉ dẫn như thế giúp người ta đi đúng đường đúng luật. Bởi vì nếu không được thông báo, cảnh báo một cách rõ ràng thì người tham gia giao thông có nhiều khả năng vi phạm luật, nguy cơ xảy ra tai nạn cũng sẽ tăng. Lúc đó có truy trách nhiệm về ai thì cũng đã muộn.

Nhưng trên hết, đó là sự quý trọng tính mạng con người và tinh thần thượng tôn pháp luật, từ việc nho nhỏ là những tấm bảng chỉ đường.

Lại nhớ câu “chốt hạ” của bác tài taxi sau khi nghe câu chuyện của tôi: “nhà mình á, có khi người ta không muốn có bảng báo rõ ràng, vì như vậy còn làm ăn gì được nữa!”.

Sài Gòn 16.6.2014

Từ ô cửa sổ máy bay

Đi máy bay tuyến ngắn hay dài tôi đều thích ngồi cạnh cửa sổ, vì suốt chuyến bay gần như không bao giờ tôi ra khỏi chỗ ngồi. Ngồi cạnh cửa sổ luôn được yên tĩnh, có thể quay mặt nhìn ra bên ngoài để tránh những câu chuyện nhạt nhẽo của người ngồi bên, hoặc giả vờ ngủ trong cái cảm giác rất thật là mình đang bay trong không gian, vì ngay bên cạnh, chỉ cách ô cửa nhỏ, luôn là bầu trời bao la.

Ngoài kia, khi là bầu trời xanh đến không thể xanh hơn, khi là những đám mây trắng bồng bênh rong chơi, khi là những tia nắng ban mai nhẹ nhàng nhô lên từ đường chân trời xa thẳm, khi là hoàng hôn đỏ rực ngay dưới cánh máy bay...

Ngoài kia, khi là bầu trời đầy mây xám nặng nề, những ánh chớp lóe lên giật dữ, những hạt mưa tạt vào ô cửa nghe như tiếng va chạm của những viên đá nhỏ khi khuấy ly cà phê đá.

Ngoài kia, có khi là bầu trời đầy sao. Dải Ngân Hà vắt ngang sáng rực, những ngôi sao xa lấp lánh tinh nghịch. Ngôi sao nào là bản mệnh của mình, tôi hay tự hỏi và hình như, mỗi chuyến bay đêm tôi lại tìm ra cho mình một ngôi sao mới. Ngoài kia, thi thoảng là chuyến bay trong ánh trăng mười sáu, tròn trặn, sáng rõ, phô phang hết vẻ đẹp như gái một con khiến ai nhìn cũng khó mà đưa mắt đi nơi khác.

Ngoài kia, có khi phía dưới là biển mênh mông, có khi là sông dài uốn khúc, khi là rừng xanh núi cao, khi là thành phố lấp lánh ánh đèn như những vì sao đêm, khi là lô nhô nhà với đường với xe hiện ra ngày càng rõ... Khi ấy tôi biết mình đang kết thúc một chặng đường, tạm biệt không gian để trở về mặt đất.

Mặt đất, có khi là một nơi xa lạ bỗng trở nên thân quen vì có người đang chờ tôi ở đó; nhưng thường là tôi trở về nơi đã quá quen thuộc... Sài Gòn của ba mươi chín năm cuộc đời tôi. Thành phố hiện dần dưới ô cửa sổ. Từ lần đầu tiên tôi nhìn thấy nó đến nay đã thay đổi quá nhiều. Những mảng xanh của đồng lúa, của vườn cây, của những xóm làng ngoại ô miệt Gò Vấp, Hóc Môn, Củ Chi... đã biến mất. Thay vào đó là những ô phố lộn xộn cao thấp chen chúc nhau như hàm răng mọc lệch. Hơn một năm

nay tuyến đường Vành đai từ sân bay Tân Sơn Nhất đến Thủ Đức như cái niềng răng khổng lồ đẩy những ngôi nhà ven đường mới xây ngay hàng thẳng lối. Hy vọng vài năm nữa trên máy bay nhìn xuống sẽ thấy những tuyến đường vào thành phố như vành môi mềm mại tươi cười khoe hàm răng đều đặn. Cuộc chỉnh răng nào mà không đau đớn, khi cần phải nhổ bớt đi hoặc trồng lại những cái răng quá xấu. Chỉnh trang một đô thị cũng vậy, quy hoạch giải tỏa đền bù xây mới... cần một bàn tay “nha sĩ” khéo léo và có y đức, để thành phố có thêm “những vành môi, những hàm răng” đẹp. Tiếc rằng ở thành phố này quy hoạch đô thị chưa tạo ra nhiều cảnh quan đẹp, thậm chí có những công trình như “chiếc răng giả” trông không đúng chỗ.

Thành phố của tôi. Ở dưới đó còn có một không gian khác nối liền những con người bất chấp khoảng cách xa vời đến đâu. Nhưng, mối quan hệ giữa những con người hoàn toàn không phụ thuộc vào không gian thật hay ảo, mà do những điều khác quyết định, đôi khi, chẳng liên quan gì đến khoảng cách địa lý. Những ngày tháng Tư đã qua, tháng Năm đang đến, khoảng cách giữa những con người “bên này bên kia” từ ba mươi chín năm trước đang dần thu hẹp, bởi những con người thế hệ sau 1975 đã khoan dung hơn khi nhìn về quá khứ nhưng cũng nghiêm khắc và đòi hỏi cao hơn khi hướng tới tương lai.

Đấy là điều mà tôi thường ngẫm ngợi, khi nhìn ra bên ngoài ô cửa sổ máy bay.

Sài Gòn 19.5.2014

Cách nhau chỉ một giấc mơ

Vài năm gần đây nhiều người Sài Gòn có thói quen rủ nhau đi cà phê, thư giãn, mua sắm ở ngoài trung tâm thành phố, họ rủ nhau qua Phú Mỹ Hưng, khu đô thị mới trẻ trung và thoát gập, ta thấy nó mang dáng vẻ của một Singapore bởi sự quy hoạch hạ tầng “đâu ra đấy”, vẻ hiện đại của những công trình kiến trúc và nếp sống “văn minh đô thị” của cộng đồng dân cư.

Hai mươi năm trước, Phú Mỹ Hưng bắt đầu được khởi công xây dựng. Lúc đó ít người Sài Gòn biết về khu đô thị mới này, bởi nó ở phía nam thành phố, một vùng lầy

trũng ngập nước triều, kênh rạch chằng chịt. Ngày nắng hơi phèn bốc lên cháy da, ngày mưa mờ mịt đi cạnh nhau không nhìn rõ mặt. Những mái lá nghèo, những cây cầu dừa cầu tre lắc lẻo, “đám lá tối trời” trải dài theo kinh rạch ngút mắt không lọt nổi một tia nắng mặt trời giữa trưa... Cách trung tâm Sài Gòn - chợ Bến Thành khoảng sáu, bảy cây số thôi mà chỉ cần đi qua kinh Tẻ ta như lọt vào một thế giới khác, từ nơi đây nhìn về quang sáng rục lên phía trung tâm thành phố là cả một giấc mơ.

Chỉ trong vòng gần mười năm hình hài của một thành phố mới đã hiện lên rõ nét. Đầu tiên là con đường chính Đông - Tây thênh thang mười mấy làn xe, trên dải phân cách những hàng cây xanh được trồng cùng lúc với sự khai sinh con đường đã tỏa bóng mát. Một bên đường thi thoảng có những hồ nhỏ đầy hoa sen hoa súng, vốn là những đoạn còn lại của con rạch dài trước đây, được nạo vét lại, trồng cỏ trên bờ thả cá dưới hồ. Ngày nghỉ nhiều người đến đây thả câu ngả mình trên cỏ nghe cá đớp mồi mà chẳng quan tâm đến việc con cá nào đang cắn mồi kéo chiếc cần câu.

Trong phố, những tòa nhà kiến trúc đẹp và hiện đại được xây dựng với tốc độ chóng mặt. Rồi khu công sở văn phòng, thương mại dịch vụ, khu dân cư trung cấp cao cấp... cùng nhau bắt đầu một cuộc sống mới. Trong những khu phố luôn có một công viên nhỏ, thảm cỏ xanh, bụi hoa thấp, vài trò chơi vận động cho trẻ em... Không khó để nhận thấy nét duyên dáng và chín chu trong quy hoạch

tổng thể ở Phú Mỹ Hưng. Những khu phố khác nhau xen kẽ là giải pháp thông minh nhằm tích hợp trong một không gian không quá rộng lớn đầy đủ cả môi trường tự nhiên và cấu trúc hạ tầng dịch vụ đô thị với tất cả những tiện ích hiện đại mà không làm cho đô thị trở nên chật hẹp bức bối, vẫn thoáng đãng và bình yên.

Lang thang trên những con đường, những khu phố hay ngồi lặng lẽ trong một quán cà phê, quán bar ở Phú Mỹ Hưng, bạn có thể cảm nhận được sự đa dạng là yếu tố đặc trưng văn hóa ở đây. Đa dạng trong thành phần cư dân đến từ nhiều nơi trong và ngoài nước, đa dạng trong giao tiếp, trong giáo dục, trong ngành nghề, trong ẩm thực, trong các lễ hội hoành tráng nhưng vẫn mang tính nhân văn và truyền thống. Với sự đa dạng văn hóa, Phú Mỹ Hưng thực sự trở thành một trung tâm văn hóa, là địa chỉ kết nối giao lưu của nhiều nền văn hóa khác nhau.

Nhìn chung dân cư sinh sống ở Phú Mỹ Hưng đều thuộc thành phần khá giả, cùng với nhiều Việt kiều và công dân nước ngoài đến làm việc tại TP. Hồ Chí Minh thuê nhà sống tại đây. Trong quá trình cộng cư đã có sự tiếp biến, giao lưu về văn hóa giữa các cộng đồng, trở thành một đô thị mới “đa văn hóa” như đặc điểm truyền thống nổi trội của Sài Gòn từ hàng trăm năm nay.

Tuy có nhiều trường học, quán ăn dành cho những “tiểu cộng đồng” nhưng các cộng đồng dân cư không ẩn mình trong không gian văn hóa riêng như các “tiểu văn hóa” khác tại các đô thị lớn, mà hầu như không có sự

ngăn cách đáng kể nào trong việc hòa hợp và thích nghi với nhau giữa các “tiểu cộng đồng” cư dân. Điều này có lẽ bắt nguồn từ một nền tảng kinh tế - văn hóa “đô thị văn minh hiện đại” của Phú Mỹ Hưng, được xác định rõ ràng khi bắt đầu quy hoạch, xây dựng và quá trình phát triển hơn hai mươi năm nay.

Cảnh quan đô thị với những không gian công cộng thiết kế, xây dựng mang vẻ đẹp giản dị mà tiện lợi là một yếu tố thu hút những người trẻ đến đây tổ chức những sinh hoạt cộng đồng. Giữa khung cảnh một bên là những tòa nhà nhiều màu sắc kiểu dáng rất hiện đại với bên kia vẫn là dòng sông nước lặng lẽ xanh in bóng dừa nước, một bên là những quán cà phê quán bar quán ăn với bảng quảng cáo bằng nhiều ngôn ngữ và bên kia thấp thoáng chiếc ghe tung chài mỗi sớm, làn khói bếp mong manh mỗi chiều... Sự tương phản này như một tác phẩm của “nghệ thuật sắp đặt”, vẻ lộng lẫy không làm lu mờ mà làm cho nét đẹp đơn sơ giản dị nổi bật hơn lên. Sống ở Phú Mỹ Hưng người ta cảm nhận rõ ràng giá trị của môi trường tự nhiên bởi nó làm cho môi trường nhân tạo trở nên đáng sống và sống đẹp.

Tại Phú Mỹ Hưng cảnh quan tự nhiên được giữ lại, “bảo tồn” như những “điểm nhấn” trong một đô thị hiện đại. Tuy nhiên cũng cần gắn kết Phú Mỹ Hưng với thành phố hiện có về không gian văn hóa, để văn hóa Phú Mỹ Hưng không lẻ loi, cách biệt với văn hóa “Sài Gòn ba trăm năm”. Không gian văn hóa nào có thể kết nối đô thị mới

với thành phố Sài Gòn còn lưu giữ nhiều dấu tích của hơn một trăm năm phát triển?

Chính là không gian văn hóa của cộng đồng dân cư trước đây từng sống tại khu vực “Nhà Bè nước chảy chia hai...”. Họ đã sinh sống trong môi trường thiên nhiên tại đây và đã có những ứng xử thế nào với thiên nhiên, ứng xử thế nào trong xã hội? Cảnh quan tự nhiên đầm lầy sông nước như thế thì chắc hẳn nơi đây cũng là nơi “văn hóa sông nước” thấm đẫm trong sinh hoạt, lối sống...

Có lẽ hiểu được điều đó nên đi trên những con đường, qua những tòa nhà sang trọng có khi ta bắt gặp một vài cảnh quan thôn dã như vườn chuối, dòng kinh cây cầu, khu vườn hoa lá đơn sơ, ngôi nhà gỗ mái ngói cổ xưa... mà những người thiết kế đã cố gắng “phục dựng” lại. Trong sự đa dạng văn hóa của Phú Mỹ Hưng hiện tại, sự hiện diện của văn hóa truyền thống là một điều đáng quý, là một nét độc đáo trong bức tranh văn hóa đa dạng của khu đô thị này. Chính điều đó làm nên một Phú Mỹ Hưng “như bên Tây” nhưng vẫn là một Phú Mỹ Hưng của Sài Gòn, của Việt Nam.

Nhiều năm trước trong chúng ta mấy ai có thể hình dung ra một đô thị văn minh hiện đại như thế mọc lên giữa vùng hoang hóa ngoại ô Sài Gòn hoa lệ? Còn giờ đây, giữa những vùng sâu vùng xa và những khu đô thị mới như thế này cũng chỉ cách nhau một giấc mơ...

Mong lắm thay ngày giấc mơ đó trở thành hiện thực.

Sài Gòn 17.12.2014

Chợ Tết

Nhà tôi ở vùng Phú Nhuận. Gần nhà, giữa xóm lao động và vài chung cư của công chức có một chợ nhỏ hình thành từ lâu rồi, có đến hơn sáu bảy chục năm. Chợ nhỏ nhưng cũng đủ thú hàng hóa: trong nhà lồng là những sạp vải vóc quần áo giày dép đồ khô nhang đèn... Bên ngoài, trên bốn con đường nhỏ là khu vực bán đồ tươi sống: thịt cá tôm cua ếch, rau xanh, đậu hũ, rồi người ta dựng thêm hàng dù, dưới đó là mấy hàng quần áo con nít, vớ tất đồ lót, hàng “xuất khẩu”, chén bát bằng nhựa, hàng đồ khô hành tỏi nấm... Mặt tiền chợ là mấy quầy mỹ phẩm, vàng bạc, mấy hàng hoa tươi... rồi những hàng khác theo nhau mọc lên bao quanh

nhà lồng, có thêm vài cửa tiệm uốn tóc, cắt may sửa quần áo, tiệm bánh ngọt, nơi rửa xe máy, nơi gửi xe... chợ nhỏ thành “chợ lớn” hồi nào không hay, nhất là vào ngày chủ nhật và lễ Tết.

Bình thường chợ chỉ bán vào buổi sáng. Từ khoảng 5 giờ là xe ba gác, xe máy chở thịt cá rau xanh đã chạy ào ào vô chợ. Những nhà quanh chợ hoặc mở cửa hàng, cho thuê mặt tiền cũng lục tục dọn hàng. Đến khoảng 10 giờ sáng thì chợ vắng dần, đến trưa thì tan chợ, chỉ còn mấy quầy mỹ phẩm, quầy vàng bạc (kiêm đổi tiền “chui”) và những nhà bán hàng đồ khô thì mở cửa cả ngày.

Một năm chỉ vài ngày giáp Tết là chợ tấp nập suốt ngày, chỗ gửi xe máy đông nghẹt, chờ gửi chờ lấy xe lâu gần bằng đi chợ.

Năm nay được nghỉ Tết sớm hơn mọi năm, chợ tết cũng tấp nập sớm hơn. Từ sáng 28 Tết những con đường quanh chợ tết đã không còn chỗ chen chân. Hàng trái cây rau xanh hàng đồ gốm bình bông tiền vàng mã... Hoa vàng khắp nơi, ừ, Tết phương Nam mà thiếu cúc vàng mai vàng thì cũng giống như Tết miền Bắc mà thiếu cảnh đào, đầu còn là Tết.

Và bánh tét bánh chưng cũng tràn khắp nơi: bánh tét Trà Vinh, Cần Thơ nếp xanh màu lá dứa có trứng vịt muối bù bù cùng miếng mỡ mềm rục, bánh chưng Bắc vương vẫn được ép trong nilon hút chân không, để lâu vẫn mềm, không lại gạo không thiu trong tiết trời nắng phương Nam. Giò chả thịt nguội các loại, dưa cải kim chi

dưa kiệu dưa món... từng hũ nhỏ lớn xếp cao hình tháp bên cạnh những hũ tôm khô từng con đều nhau đỏ au, nhìn đã thấy những cuộc nhậu tung bùng.

Đi chợ tết những bà nội trợ thường đến ngay những quầy hàng quen, mua hàng ngày Tết khỏi trả giá, chỉ có hỏi giá, lựa hàng rồi tính tiền. Có than mắc hơn thì cũng nhận được câu trả lời như nhau “Tết mà”! Sáng 29 Tết còn được dặn, bữa nay chị mua đi, nếu không đặt cọc cho em, chứ tới mai là lên một, hai giá nữa đó. Khủng hoảng lạm phát gì không biết, lương chậm thưởng ít đâu không biết, chợ tết vẫn đông nghẹt, vẫn mua bán ào ào... Những gói quà biếu chủ yếu cũng là đồ ăn uống: bánh mứt kẹo rượu cà phê... Đúng là dân Việt mình “ăn Tết” thật.

Trưa 30, chợ vắng dần, chỉ còn mấy anh chị công nhân vệ sinh dọn dẹp hàng đồng rác. Chợ sẽ nghỉ ngơi đến sáng mừng Ba sẽ lác đác có người bán hoa, bán thức ăn tươi nấu bữa ăn cúng tiễn ông bà.

Hai mẹ con đi chợ về tay xách nách mang. Bên đường một bà già ngồi bán mấy loại trái cây mỗi thứ vài trái, chắc là hái từ vườn nhà lên chợ bán kiếm tiền ăn Tết. Con gái nói: mẹ, hỏi mua giùm bà đi mẹ, chắc không nhiều tiền. Ủ, mấy trái mận, bốn năm trái xoài, vài trái hồng xiêm... chỉ hai chục ngàn, không biết có đủ tiền xe ôm cho bà về tận Hóc Môn? Thôi, con biếu thêm cho bà vài chục, bà về sớm ăn Tết với con cháu.

Gần cổng chợ có đoạn đường xe lửa chạy qua. Trưa 30 Tết đoàn tàu vẫn miệt mài chạy, vẫn còn những hành

khách cuối cùng về miền Trung hay ra miền Bắc sum họp với gia đình. Sài Gòn có hơn hai triệu người nhập cư, cũng gần chừng ấy người về quê vào dịp đó, để lại Sài Gòn những ngày vắng vẻ, yên tĩnh hơn, bắt đầu từ khi tàn phiên chợ tết.

Sài Gòn, chiều 30 Tết Giáp Ngọ 2014

Có còn ai nhớ nhà đèn

Người Sài Gòn không mấy ai không biết đến địa danh Chợ Quán. Chợ Quán nguyên là tên một xứ đạo hình thành vào khoảng cuối thế kỷ XVIII. Nhà thờ Chợ Quán xây dựng từ 1887 đến 1896 - một trong vài nhà thờ xây dựng sớm nhất và đẹp nhất tại Sài Gòn. Dần dần khu vực này phát triển thành một phần của đô thị Sài Gòn mở rộng hồi cuối thế kỷ XIX, địa danh Chợ Quán gắn liền với hai công trình dân sinh khác, đó là nhà đèn Chợ Quán và nhà thương Chợ Quán.

Hỏi người Sài Gòn: nhà đèn Chợ Quán ở đâu thì chắc hẳn sẽ nhận được câu trả lời, nó ở kế bên nhà thương

Chợ Quán. Hỏi tiếp, vậy chớ nhà thương Chợ Quán ở đâu, thì nghe: cứ kêu taxi hay xe ôm chạy tới vùng Chợ Quán hỏi thì ai cũng biết! Hóa ra hai cái “nhà” này nằm kế nhau trên đường bến Hàm Tử (cũ), nơi giáp ranh quận Một và quận Năm, quay mặt ra sông Bến Nghé - con sông thông thương giữa sông Sài Gòn, vùng Bến Nghé với vùng Chợ Lớn và đi về miền Tây.

Vậy tại sao không gọi nhà đèn Chợ Quán là nhà máy điện Chợ Quán (như nhà máy điện Yên Phụ ở Hà Nội)? Có lẽ phải trở về lịch sử chiếu sáng đô thị Sài Gòn. Từ năm 1867 ở Sài Gòn, chủ yếu là khu trung tâm quận Nhất hiện nay, đã có đèn thấp sáng đường phố bằng dầu dừa, nhưng chỉ gần ba năm sau, 1870, đã có đèn thấp sáng bằng dầu lửa. Đèn dầu lửa sử dụng liên tục mấy chục năm. Đến đầu thế kỷ XX bắt đầu có đèn điện chiếu sáng từng khu vực rồi mở rộng sang vùng Chợ Lớn. Vì vậy, gọi là nhà đèn là vì nhà máy làm cho đèn điện cháy sáng, kể cả đèn điện ở trong nhà lẫn đèn điện ở ngoài đường. Người Sài Gòn giải thích giản đơn như vậy.

Nhiều người, cả tôi nữa, vẫn cho rằng nhà đèn Chợ Quán là nhà máy điện sớm nhất Sài Gòn, có khi sớm nhất nước, nhất Đông Dương. Nhưng hóa ra không phải! Sài Gòn có nhà máy điện đầu tiên vào khoảng năm 1897 nhưng nó ở vào vị trí Công ty Điện lực trên đường Hai Bà Trưng phía sau Nhà hát Lớn bây giờ. Sau đó có thêm một vài nhà máy điện nhỏ khác nhưng chỉ cung cấp điện cho từng khu vực. Nhà đèn Chợ Quán xây dựng vào năm

1922 với công suất đủ cho nhu cầu của Sài Gòn - Chợ Lớn và một số thị trấn phụ cận như Lái Thiêu, Thủ Dầu Một, đồng thời từ lúc này hầu hết các đường phố Sài Gòn - Chợ Lớn đều được chiếu sáng bằng điện của “nhà đèn” Chợ Quán nên tên gọi này được nhiều người biết và nhớ cho đến nay, khi nhà máy đã đi vào quá khứ hơn chục năm.

Nhà đèn Chợ Quán nằm kế sông Bến Nghé, cũng như nhà máy điện Yên Phụ ở Hà Nội nằm cạnh bờ đê sông Hồng. Con sông là đường vận chuyển than - nhiên liệu chính của máy phát điện. Sau này nhà máy có máy phát điện bằng dầu diezen nhưng người Sài Gòn đã quen với những ống khói cao tuôn những cột khói trắng lan nhanh trên bầu trời xanh. Nếu thấy từ phía nhà đèn Chợ Quán những cột khói đen là dân Sài Gòn biết có sự cố, coi chừng mất điện. Hàng ngày vào lúc mười hai giờ trưa, cũng từ đó khói trắng dày hơn, rồi vang lên một hồi còi dài. Thợ thuyền thì gọi là còi tầm (thay ca kíp) còn công chức thì biết đến giờ nghỉ trưa. Từ các nhà máy, công sở người tuôn ra, đường phố tấp nập giữa cái nắng gay gắt và ngay cả trong cơn mưa tầm tã...

Đã lâu rồi trong các đô thị không còn vang lên tiếng còi tầm dù nhịp sống vẫn vội vã như thế. Vắng những tiếng còi tầm, tiếng chuông nhà thờ hay chỉ tiếng chuông đồng hồ thông thả trong từng ngôi nhà, dường như con người ít khi biết giật mình nhìn lại...

Khi đại lộ Đông - Tây (nay là đại lộ Võ Văn Kiệt) đang

xây dựng thì từ đầu năm 2008, khu vực nhà đèn Chợ Quán rộng 6,5 ha được quy hoạch thành Khu phức hợp văn phòng - trung tâm thương mại - khách sạn - căn hộ (gọi tắt là khu phức hợp). Nhà máy điện Chợ Quán đã ngừng phát điện, những tòa nhà đồ sộ hồi nào xây bằng gạch lâu ngày ám khói đen, những ống khói vươn cao không còn nữa, nhà thương Chợ Quán cũng xây mới và đổi tên thành Trung tâm bệnh nhiệt đới.

Cảnh quan nơi này đã thay đổi hoàn toàn. Địa danh Chợ Quán chắc không lâu nữa ít người biết đến, bởi vì thể hệ cư dân gắn liền với địa danh này đã vào lứa tuổi xưa nay hiếm. Ký ức của họ về nhà đèn Chợ Quán mà họ muốn kể cho con cháu có chăng chỉ còn trong trí nhớ, trên vài tấm bưu ảnh. Ngay cả cái tên nôm na “nhà đèn”, “nhà thương”, “nhà giấy thép” (bưu điện) chỉ còn đâu đó trong vài đoạn văn nhớ về xưa cũ. Với những người phải rời chốn này sinh sống ở phương xa, nhớ về Sài Gòn là nhớ những gì gắn bó thân thuộc hàng ngày, con đường góc phố, quán cà phê nhỏ, cây điệp vàng, hoa dẫu hai cánh xoay xoay... tất cả thuộc về đời sống bình thường nhưng cũng là “chứng nhân” của bao thăng trầm của đô thị Sài Gòn.

Là sự trùng hợp hay hữu ý mà nhà máy điện Yên Phụ ở Hà Nội cũng đã tháo dỡ và ngừng phát điện từ năm 1988, thay vào đó là công trình trụ sở Tổng công ty điện lực Việt Nam VNE. Còn ở Sài Gòn, chỗ nhà đèn Chợ Quán nay cũng được quy hoạch “xây dựng công trình khu văn

phòng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh làm điểm nhấn phát triển các công trình xung quanh”. Đối với những trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị thì nguồn điện là năng lượng quan trọng không thể thiếu được cho đời sống và sản xuất kinh doanh, vì vậy nhà máy điện là một trong những cơ sở hạ tầng dịch vụ quan trọng nhất của đô thị. Bởi vậy trong ký ức đô thị của người Sài Gòn luôn hiện diện nguồn ánh sáng từ nhà đèn - như một biểu tượng của nếp sống văn minh.

Khu phức hợp hiện đại thì cũng cần, nhưng vì thế mà phế bỏ chúng tích văn minh đô thị ngót trăm năm thì như vậy lại không phải đạo. Không biết trong tòa nhà hoành tráng kia có góc nào dành cho ký ức về nhà đèn Chợ Quán hay không?

Sài Gòn 2.12.2014

Di sản đô thị Sài Gòn

Di sản đô thị Sài Gòn - phần lớn được biết đến dưới dạng những công trình kiến trúc, xây dựng - là dấu ấn lịch sử, mang đến cho đời sống hiện đại những giá trị của quá khứ, từ phong cách kiến trúc, kỹ thuật và vật liệu xây dựng, mỹ thuật trang trí... Những yếu tố này không tách rời quá trình quy hoạch đô thị vài trăm năm, từ đô thị trung đại thời chúa Nguyễn - triều Nguyễn (thế kỷ XVII - XIX) đến đô thị kiểu Âu - Mỹ từ cuối thế kỷ XIX - trước 1975 với hai trung tâm Sài Gòn và Chợ Lớn, lấy những con sông trong thành phố làm “xương sống” để phát triển hệ thống giao thông và phố

chợ. Trải qua hơn ba trăm năm hình thành và phát triển, Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh hiện còn lưu giữ một số công trình kiến trúc có giá trị tiêu biểu cho công sở, biệt thự, nhà thờ, phố chợ... cùng với cảnh quan đặc trưng của một đô thị sông nước xứ nhiệt đới. Những công trình tạo nên sự đa dạng phong phú của di sản văn hóa đô thị Sài Gòn.

Di sản đô thị gồm, một là những công trình đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, cấp thành phố, hoặc nằm trong danh mục dự kiến sẽ được xếp hạng theo Luật Di sản văn hóa. Hai là những công trình gắn liền với cảnh quan đô thị như những biệt thự, đường phố, cây xanh, công viên... tiêu biểu cho từng giai đoạn quy hoạch và phát triển thành phố. Như vậy bên cạnh những di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng (di tích kiến trúc - nghệ thuật, di tích tôn giáo - tín ngưỡng, di tích nhà cổ, di tích khảo cổ học...), có thể kể đến một số kiến trúc và cảnh quan các khu vực sau:

- Ủy ban Nhân dân Thành phố, những kiến trúc công sở, Nhà hát thành phố và Dinh Thống Nhất, Bưu điện, Nhà thờ Đức Bà... (quận 1).

- Khu biệt thự đường Phùng Khắc Khoan (quận 1), đường Tú Xương (quận 3), cụm biệt thự số 2 Lý Thái Tổ (quận 10).

- Khu vực phố chợ Sài Gòn, phố cổ Chợ Lớn (quận 5), tuyến phố Triệu Quang Phục (quận 5).

- Tuyến phố Lê Thánh Tôn, Đồng Khởi, Nguyễn Huệ, Hàm Nghi, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn.

- Tuyến nhà phố, nhà kho dọc bến Bình Đông (quận 8),
Chương Dương (quận 1).

- Thảo Cẩm Viên, Tao Đàn, công viên cây xanh trước
đình Thống Nhất.

- Khu vực xưởng cơ khí Ba Son, khu vực quân cảng.

- Cảnh quan sông nước và những cầu sắt qua kinh
rạch (Thị Nghè, Chợ Lớn)

Tất cả đã tạo nên bản sắc riêng làm cho đô thị Sài Gòn
khác biệt với nhiều đô thị khác của Việt Nam. Những
cảnh quan kiến trúc trên đã thân thuộc với nhiều thế hệ
người Sài Gòn, trở thành một phần quan trọng của “ký
ức thành phố”. Chính ký ức này đã góp phần quan trọng
trong việc bảo tồn di sản đô thị.

Hệ thống di tích lịch sử văn hóa và di sản đô thị ở Việt
Nam nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng hiện
nay chịu sự chi phối của một số luật quan trọng sau đây
(cùng những Nghị định, Thông tư, Quy định... cụ thể hóa
việc thi hành Luật): Luật Di sản văn hóa (2001, sửa đổi
2009); Luật Đất đai; Luật Quy hoạch đô thị; Luật Nhà ở;
Luật Xây dựng. Đồng thời cũng chịu tác động của nhiều
luật liên quan như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp... Tuy
có nhiều văn bản pháp lý như vậy nhưng trên thực tế, việc
bảo tồn di sản đô thị đang gặp rất nhiều vấn đề nan giải.

Thứ nhất, việc lấn chiếm phạm vi di tích và coi nói,
sửa chữa một số công trình trong khuôn viên di tích.
Những công trình kiến trúc khi xây dựng luôn có một
không gian cảnh quan xung quanh, phù hợp với ý nghĩa

hoặc mỹ thuật của công trình. Mặc dù quan niệm bảo tồn di sản văn hóa có sự thay đổi, bổ sung qua từng thời kỳ nhưng nhìn chung theo hướng bảo tồn rộng hơn ngoài phạm vi cụ thể của di tích ngoài việc bảo vệ tính nguyên vẹn của di tích. Cảnh quan xung quanh di tích không chỉ của di tích mà còn là một phần của cảnh quan đô thị, nhất là những cảnh quan tự nhiên.

Thứ hai, mâu thuẫn phát sinh giữa nhu cầu phát triển kinh tế và bảo tồn di sản đô thị, quá trình hiện đại hóa - đô thị hóa làm phá hủy và tổn hại nhiều cảnh quan đô thị, tự nhiên và nhân tạo. Thời gian qua nhiều công trình cao tầng hiện đại xây dựng ở vùng lõi đô thị Sài Gòn đã làm ảnh hưởng đến cảnh quan kiến trúc tiêu biểu, nhiều công trình cổ ở những “khu đất vàng” đã bị phá hủy để xây công trình mới, nhiều kiến trúc bị chuyển đổi công năng sử dụng nên thay đổi cấu trúc, coi nói, biến dạng...

Thứ ba, hiện nay nhiều công trình kiến trúc có giá trị thuộc sở hữu tư nhân hoặc cơ sở tôn giáo. Tuy nhiên chưa có chính sách để giải quyết tốt, hài hòa lợi ích của việc bảo tồn di sản văn hóa của thành phố với việc tạo điều kiện thuận lợi để chủ nhân tiếp tục sinh sống, tức là chưa làm cho người dân và cộng đồng tham gia vào việc bảo tồn di sản một cách tự giác và nhiệt tình. Khi công trình được công nhận là di sản thì cần mang lại lợi ích vật chất và tinh thần cho chủ sở hữu, nếu chỉ vì lợi ích chung chung của nhà nước là bảo tồn di sản văn hóa thì dẫn đến tình trạng nhiều chủ sở hữu từ chối việc công nhận di tích, hoặc khi sửa chữa công trình thủ tục quá rắc rối khiến

người dân tự động tiến hành làm giảm giá trị của công trình. Kể cả nhiều cơ quan nhà nước đang sử dụng những công trình có giá trị cũng chưa có ý thức tốt về việc này.

Thứ tư, nhận thức và quan niệm về bảo tồn di sản đô thị chưa đồng bộ giữa những ngành, cấp liên quan. Bảo tồn cảnh quan đô thị là một yếu tố của phát triển đô thị bền vững, trong đó điều kiện sống của cư dân đô thị phải được đặt lên hàng đầu, vì cư dân là chủ nhân và cũng là người làm nên sức sống, sự phát triển của đô thị. Do đó người dân cần được biết và hiểu hết giá trị và lợi ích của những di sản đô thị nơi mình đang sống. Như vậy mới có thể phát huy vai trò của cộng đồng trong việc bảo tồn di sản đô thị.

Kinh nghiệm của nhiều nước trong khu vực và trên thế giới cho thấy ý nghĩa quan trọng của di sản đô thị trong quá trình phát triển thành phố ngày càng hiện đại đồng thời làm cho cuộc sống tinh thần của cư dân thêm phong phú và sâu sắc.

Đô thị... của ai?

Một câu hỏi có vẻ vô lý.

Từ nhỏ ta đã được dạy rằng “bông hoa này là của chung”, cho đến điều vĩ đại hơn “trái đất này là của chúng mình”. Vậy thì đô thị đương nhiên là của chung, của chúng mình, việc gì mà phải hỏi?

Nhưng, nếu không xác định rõ ràng cái “chung” ấy cụ thể là ai, và “chúng mình” là những người nào... thì chúng ta cũng chẳng biết cái đô thị thuộc “sở hữu” của chủ thể ấy, sẽ có diện mạo như thế nào.

Thôi thì “nói nhanh cho vương”, đô thị là của thị dân, cũng như nông thôn là của nông dân vậy.

Không biết từ khi nào trong ngôn ngữ hàng ngày và trên văn bản đã mất dần từ “thị dân”? Qua tác phẩm của các tác giả nổi tiếng viết về đời sống đô thị Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX dưới thời Pháp thuộc được dạy ở trường phổ thông, diện mạo “thị dân” hiện lên gồm những người thành thị thuộc tầng lớp bóc lột, tư sản, tiểu tư sản rơm đời, đua đòi lối sống Tây phương, ăn chơi, trí thức “lãng mạn” mơ màng đầu đầu, không thực tế... Nói chung không phải là người lao động, không có những đức tính tốt đẹp như dân nghèo thành thị. Thậm chí thị dân còn là loại “lưu manh giả danh trí thức” như kiểu Xuân Tóc đỏ của Vũ Trọng Phụng. Từ sau dòng văn học hiện thực phê phán này cho đến cuối thế kỷ XX hầu như không thấy bóng dáng thị dân trong văn học mà thay vào đó chỉ còn bóng dáng những-người-ở-thành phố.

Trong thực tế, những-người-ở-thành phố (Hà Nội hay Sài Gòn) vài chục năm nay là sự thay thế lớp thị dân lâu đời phần lớn di chuyển đến nơi khác sau 1954 và 1975. Thị dân mới chưa gắn bó với nơi mình sống, vì vậy, hoặc họ bê nguyên văn hóa lối sống từ nơi khác về đô thị và tiếp tục duy trì văn hóa lối sống ấy, hoặc họ tiếp thu một cách tản mạn những mảnh vụn của văn hóa đô thị còn sót lại, để hình thành một lối sống thị dân tạm bợ, có thể mất đi, biến dạng bất cứ lúc nào, vì bất cứ điều nhỏ nhặt nào.

Cũng như bất cứ đâu, chủ nhân nào tạo ra diện mạo xã hội nơi ấy. Với lớp thị dân mới văn hóa đô thị có còn như

một truyền thống, một bản sắc riêng? Hay truyền thống và bản sắc văn hóa chỉ tồn tại ở nông thôn và nông dân?

Bản sắc và truyền thống văn hóa đô thị thể hiện trong sự hòa hợp, thống nhất của cảnh quan đô thị và lối sống thị dân. Cảnh quan đô thị gồm cảnh quan tự nhiên, quy hoạch - kiến trúc, những di sản văn hóa vật thể... Lối sống thị dân quan trọng nhất là sự thể hiện mối quan hệ thực sự gắn bó với đô thị, những quan hệ với cộng đồng, ứng xử với môi trường của thị dân vừa phù hợp với điều kiện riêng của từng đô thị, vừa là nét văn hóa tinh túy của các vùng miền, đồng thời cũng phản ánh sự giao lưu và hội tụ tinh hoa văn hóa. Tất cả được chọn lọc qua quá trình phát triển và làm nên hồn vía, cốt cách của đô thị đó.

Để gìn giữ truyền thống và bản sắc đô thị, việc bảo tồn di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) đã bắt đầu được quan tâm, thực hiện. Tuy nhiên, việc hình thành và xây dựng tầng lớp thị dân từ góc độ “văn hóa đô thị” thì chưa được chú ý và coi trọng. Nếu không có thị dân đúng nghĩa thì di sản văn hóa đô thị sẽ (trên thực tế là đã) nhanh chóng mai một và biến mất, bởi vì khi thị dân không hiểu biết và tự hào về truyền thống, bản sắc văn hóa nơi mình đang sống thì khó có thể “tuân thủ” một cách tự giác để gìn giữ, làm dày hơn cho văn hóa đô thị.

Mặt khác, chính quyền quản lý đô thị cần tạo điều kiện và phục vụ sao cho những-người-ở-thành phố có thể “an cư lạc nghiệp”, nhờ đó họ sẽ gắn bó hơn vì “thành phố này là của chúng mình”. Nhà quản lý có tri thức, hiểu và yêu đô thị thì sẽ ứng xử với thị dân và văn hóa bằng các

chính sách, luật lệ phù hợp. Mặt khác, thị dân cũng cần có tri thức và bản lĩnh văn hóa để điều chỉnh và “vô hiệu hóa” sự điều hành trái quy luật và làm tổn hại đến truyền thống và bản sắc văn hóa đô thị.

Đô thị, vì vậy là của mỗi thị dân, trước khi nó là “của chung”.

Sài Gòn 3.4.2014

Đừng để thành phố cô đơn...

Bạn hỏi, chị à, nếu nói về một Sài Gòn xưa cũ thì người ta sẽ nhớ những gì? Câu hỏi làm tôi giật mình, bốn mươi năm sống ở Sài Gòn tôi nhớ gì về Sài Gòn “hôm qua” trong sự thay đổi nhanh chóng của ngày hôm nay?

Nhiều người hoài cổ thường sưu tầm bưu ảnh xưa về nơi chốn họ đã từng sống, từng đến, có những kỷ niệm khó quên, thậm chí cả những nơi họ yêu thích mặc dù chỉ được biết qua trang sách hay một bộ phim. Qua bưu ảnh người ta gặp lại những gì đã xa, những gì đã mất, cả nơi chốn và con người. Bưu ảnh là một trong những phương tiện góp phần lưu giữ ký ức đô thị bao gồm cảnh quan

như những con đường, công sở, chợ, công viên, những cây cầu, trường học, bùng binh (vòng xoay giao lộ), tượng đài, nhà thờ, chùa miếu... Những sinh hoạt đời sống như lễ hội, giao tiếp, bán mua nơi chợ búa, hàng rong, cửa tiệm, các dịch vụ, phương tiện giao thông...

Vậy ta hãy bắt đầu hoài niệm về thành phố qua những tấm bưu ảnh về Sài Gòn xưa bạn nhé.

Năm 1862 trong bản quy hoạch Sài Gòn - Chợ Lớn đầu tiên, đô thị mới trong ranh giới từ rạch Tàu Hũ - rạch Thị Nghè - sông Sài Gòn - lên phía bắc đến chùa Cây Mai - đồn Chí Hòa. “Trái tim” của Sài Gòn là khu vực nhà thờ Đức Bà và kế bên nó là Bưu điện trung tâm, phía trước quảng trường nhỏ là đầu con đường chính (nay là đường Đồng Khởi). Từ “tâm” này mở rộng bán kính trên dưới một cây số ta có Tòa thị chính, chợ Bến Thành, bến Bạch Đằng và cột cờ Thủ Ngữ, bến đò Thủ Thiêm, dinh Thống Nhất và vườn Tao Đàn, Thảo cầm viên, cả khu nghĩa địa “tây” Mạc Đĩnh Chi nay đã thành một công viên lớn, có thể kể đến các nhà thờ và chợ khu vực Tân Định, khu vực Chợ Quán... Đây đủ những “thiết chế” chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng của một đô thị hiện đại hồi cuối thế kỷ XIX, những cảnh quan làm nên bản sắc của đô thị Sài Gòn.

Các công trình này được xây dựng vào giai đoạn đô thị Sài Gòn mới hình thành chỉ với khoảng hơn nửa triệu dân. Cũng may, cho đến cuối thế kỷ XX trải qua một thời kỳ chiến tranh và dân số Sài Gòn tăng hơn mười lần, khu vực này gần như không bị biến đổi về cảnh quan. Nó trở

thành những “điểm đến” và “điểm nhớ” của những người Sài Gòn còn ở lại hay đã đi xa.

Ở Chợ Lớn, nếu lấy chợ Bình Tây làm tâm điểm mở rộng ta sẽ có khu phố cổ Triệu Quang Phục chạy dài tới bến Hàm Tử, cùng với Thất phủ Quan Võ Miếu, chùa Bà (miếu Thiên hậu) và nhiều ngôi miếu cổ ngày nay còn khá nguyên vẹn dáng dấp cổ xưa của một “trung tâm” Chợ Lớn dù khu vực thương mại đã dời chuyển qua nơi khác. Vùng Chợ Lớn còn nổi tiếng với các chành, vừa bán sỉ hàng hóa đi các nơi kể cả xuất khẩu. Nơi đây còn là vùng “gốm Sài Gòn” lưu lại di tích vại lò gốm cổ với kênh rạch Lò Gốm. Rồi chùa Cây Mai, lữ Bán Bích, Đại đồn Chí Hòa... những dấu xưa tích cũ nay chỉ còn lưu trong sử sách.

Đi trên đường thành phố hôm nay, đôi khi bắt gặp những nét đẹp xưa tàn phai cô đơn giữa những tòa cao ốc kính xanh đèn màu, ngậm ngùi như khi nhìn thấy những tấm bưu ảnh xưa lọt thỏm trong sạp báo toàn hình các “chân dài” sặc sỡ. Dù vật đổi sao dời, người tóc bạc hay người đầu xanh, ai từng sống ở Sài Gòn đều mong muốn những “cổ tích” xưa được lưu tâm gìn giữ, bởi đó là những nét riêng làm nên “hồn đô thị Sài Gòn”, là nguồn mạch nuôi dưỡng tâm hồn người Sài Gòn, bồi đắp tình yêu Sài Gòn. Bởi vì nếu không có một Sài Gòn “ba trăm năm”, một Sài Gòn “hơn trăm năm” thì có lẽ thành phố hôm nay sẽ trở nên lạc lõng và cô đơn trong ký ức nhiều người.

Sài Gòn 19.12.2014

Cảnh quan đường Tôn Đức Thắng

Cảnh quan đô thị là một khái niệm rộng bao gồm các yếu tố cảnh quan tự nhiên (sông nước, địa hình, thảm thực vật tự nhiên...) và cảnh quan nhân văn (gồm quy hoạch, kiến trúc...), cùng với đó là các hoạt động xã hội có tác động và ảnh hưởng đến cảnh quan như thương mại, dịch vụ... Cảnh quan đô thị khu vực trung tâm luôn được coi là tiêu biểu, điển hình, đặc trưng cho lịch sử phát triển đô thị, đồng thời phản ánh thái độ của cộng đồng và chính quyền đô thị đối với lịch sử và văn hóa của đô thị đó.

Đặc điểm cảnh quan đô thị Sài Gòn, theo ý nghĩa trên, gồm ba yếu tố là: 1. Đô thị sông nước (kênh Tàu Hũ, kênh Đò, kênh Tẻ, sông Bến Nghé, rạch Nhiêu Lộc - Thị Nghè...); 2. Đô thị kiểu phương Tây (Các tuyến đường chính vuông góc hoặc song song với các con kênh rạch quan trọng tạo thành ô bàn cờ, khu vực trung tâm từng ô phố có chức năng chủ yếu như hành chính, thương mại dịch vụ, cư trú... đi cùng với đó là các kiểu kiến trúc phù hợp); và 3. Đô thị đa dạng văn hóa (có thể nhận biết các yếu tố văn hóa Việt - Hoa - Khmer, Pháp... trong di sản văn hóa vật thể và phi vật thể).

Cảnh quan kiến trúc khu vực Đồng Khởi - Tôn Đức Thắng - Hàm Nghi - Lê Thánh Tôn hội tụ đầy đủ cả ba yếu tố trên: sông nước, cây xanh, đường lớn, nhà đẹp, và là khu vực lâu đời nhất của đô thị Sài Gòn thời Nguyễn (Thành Gia Định 1790) và thời Pháp (từ giữa thế kỷ XIX). Đây là “tâm” của khu vực trung tâm thành phố (quận 1 và một phần quận 3).

Đường Tôn Đức Thắng là một trong những tuyến cảnh quan điển hình này. Đây là con đường với cảnh quan bờ sông “trên bến dưới thuyền” dọc bến Bạch Đằng, điểm bắt đầu của các con đường lớn từ bờ sông đến khu trung tâm (Hàm Nghi, Nguyễn Huệ, Đồng Khởi). Trên con đường này có di tích Cột cờ Thủ Ngữ, có bến đò Thủ Thiêm nổi tiếng một thời, có tòa nhà trụ sở Hải quan, khách sạn Majestic, khách sạn Riverside, công trường Mê Linh và tượng danh tướng Trần Hưng Đạo, doanh trại

Hải quân, công xưởng Ba Son, các công trình tôn giáo như Đại chủng viện Thánh Ju, Dòng kín Cát Minh, Tu viện Thánh Phaolô... Đặc biệt những hàng cây xanh hơn trăm năm trên đoạn đường này cũng như ở các con đường nhỏ gần đây như Nguyễn Du, Nguyễn Trung Ngạn, Đồn Đất... làm nên một khoảng xanh rất đặc trưng “Sài Gòn”. Nó hòa hợp tuyệt vời với những công trình tôn giáo còn khá nguyên vẹn ở đây, tạo nên không khí trầm mặc, bình yên, cổ kính giữa một đô thị sôi động đêm ngày.

Dưới lòng đất đường Tôn Đức Thắng còn ẩn chứa nhiều di tích khảo cổ học của cảng thị Bến Nghé. Những năm 1990 - 2000 khi một số công trình bắt đầu xây dựng trên đoạn đường này, Bảo tàng Lịch sử TP. Hồ Chí Minh đã khảo sát tại đây và thu thập được những sưu tập gồm sứ độc đáo, có nguồn gốc từ nhiều nơi, nhiều loại hình kiểu dáng, từ lò quan đến lò bình dân...

Với lịch sử hình thành lâu đời và những di sản văn hóa trên mặt đất, dưới lòng đất như vậy, đường Tôn Đức Thắng mang đặc thù của cảnh quan trung tâm đô thị Sài Gòn, cần thiết phải được bảo tồn và hết sức cân nhắc khi “can thiệp” vào khu vực này. Việc xây cầu Thủ Thiêm từ con đường này chắc chắn sẽ phá hủy cảnh quan và ảnh hưởng lớn đến những công trình kiến trúc ở đây, cũng đồng nghĩa với việc xóa bỏ một phần lịch sử đô thị Sài Gòn!

Nói đến cảnh quan đô thị là nói đến văn hóa đô thị, không chỉ là những thiết chế văn hóa mà còn là lối sống thị dân, với nghĩa vật chất và ý nghĩa tinh thần của khái

niệm “sống”. Chính vì vậy trong những tiêu chí đánh giá “đô thị đáng sống” thì cảnh quan đô thị luôn là một tiêu chí quan trọng. Các quốc gia phát triển trên thế giới hiện nay đều coi việc bảo vệ, bảo tồn cảnh quan đô thị như là một nhiệm vụ trọng tâm của chính quyền đô thị.

Trình độ dân trí và “quan trí” ở một đô thị, có thể nhận biết một cách khá chính xác, bằng thái độ ứng xử và việc bảo tồn di sản văn hóa đô thị. Bởi vì một đô thị văn minh không chỉ có phương tiện giao thông, công trình hiện đại mà còn có và cần phải có cả chiều sâu lịch sử văn hóa.

Sài Gòn 2.10.2014

Gà trong thành phố

Ở thành phố mãi rồi nhìn thấy gà chỉ nghĩ đến thịt gà là thực phẩm, làm các món luộc kho hay chiên hầm, chỉ cố gắng biết phân biệt gà ta “thả vườn” hay gà Tam hoàng hay gà công nghiệp. Chẳng mấy khi nhớ đến tiếng gà trống gáy ban mai, quên hẳn tiếng gà mái cục tác dẫn dắt bầy con tìm mồi...

Cho đến một lần tới thăm nhà người bạn trong chợ Bàu Sen. Hẻm nhỏ tráng xi măng sạch sẽ, buổi trưa vắng người qua lại. Bỗng đâu có tiếng gà gáy, rồi râm ran thêm nhiều tiếng ò ó o nữa. Bước ra cửa, ô, nãy chạy xe vào không để ý, trước cửa nhiều ngôi nhà đặt những chiếc lồng gà trong có một hay hai chú gà trống, choai choai

cũng có mà ra dáng bệ vệ cũng có. Và lúc này đây các chú đang thi nhau đập cánh phạch phạch và vươn cổ gáy một cách sáng khoái. Trong lồng mà vẫn nhớ cũ gáy khi đứng nắng trưa, thương ghê vậy đó. Nghe tiếng gà mà tưởng như đang ở xóm Bàu Sen xưa khi còn nhà lá hẻm đất lầy lội...

Lần khác ngồi cà phê quán nhỏ trên đường Hoàng Sa ven kênh Nhiêu Lộc. Buổi chiều mát mẻ, đường đông xe tấp nập, nước lên đầy bông lục đơn lẻ bình trôi mãi miết. Từ trong hẻm nhỏ mấy người đàn ông xách lồng gà ra bãi cỏ ven kênh, mở lồng thả ra vài chú gà trống. Mấy chú gà được thả ra khoan khoái đập cánh gáy lên vài tiếng lạc lồng giữa dòng người xe qua lại không dứt. Rồi hoàng hôn đến, mấy chú gà lại bị lừa vào lồng và theo chủ đi về “nhà”, đấy là các căn hộ trên chung cư cao tầng bên kia dòng kênh.

Lần khác nữa chạy xe trên đường, phía trước là chiếc xe máy chở một chiếc lồng sắt đầy gà. Bỗng đâu trong hẻm một chiếc xe máy khác lao ra. Chiếc xe chở lồng gà vội tránh nhưng vì chở nặng lên loạng choạng và té xuống đường, nắp bung ra, gà xổng khỏi lồng. Nhiều người vội chạy đến đỡ người lái xe, cũng may bắt được hết mấy con gà. Chỉ lạ là mấy con gà to cổ này chẳng cục tác ồ ồ gì, chỉ ke ke khe khe, cũng chẳng đập cánh bay lung tung mà chỉ nhảy nhót trên đường. Nhìn kỹ hóa ra lũ gà công nghiệp.

Ừ, gà nuôi kiểu công nghiệp làm mất đi nhiều bản năng của loài gà, chúng chỉ còn biết ăn quanh máng,

chỉ biết đi lại trong chuồng chật chội, chỉ biết đẻ trứng mà không còn biết thế nào là ấp trứng... Gà mẹ không còn biết đến lũ gà con thì chắc chúng không biết xù lông bảo vệ lũ con khi có điều quạ? Những chú gà trống cũng chẳng biết ngẩng đầu hùng dũng gáy mà chỉ còn kêu khếch khếch rụt rè. Mà này, lũ gà mái đã được nuôi riêng để đẻ trứng thì liệu bọn gà trống có còn giữ được bản năng duy trì nòi giống?

Mà không thấy người thành phố nuôi gà mái nhỉ? Gà mái đẻ trứng ấp trứng để có đàn gà con vàng hoe xinh xắn. Ủ, làm sao mà nuôi được, đến chó mèo nuôi trong nhà lờ chúng đẻ con còn không biết phải làm sao, kêu cho không ai xin có khi đành lén mang ra chợ hay góc đường bỏ đấy, chạy xe đi rồi còn dợm quay lại mang về. Thành ra chó mèo ở thành phố cũng như heo ở nhà quê đều bị giải phẫu triệt sản, con nào con nấy trông như “phi giới tính” hết.

Cứ lẩn thẩn nghĩ thế... lại thương những con gà nuôi chuồng. Rồi thương cả những người ở thành phố. Thèm nghe một tiếng gà nên phải nuôi gà trong lồng chật, trưa chiều cho chúng gặp nhau để chúng chào hỏi nhau mà cất lên tiếng gáy. Chỉ thế thôi cũng đủ để người thành phố như được trở về nhà quê yêu dấu.

Có bao giờ ta nhận ra, thành phố ngày càng chật chội đông đúc như một cái chuồng vĩ đại, người thành phố cũng chen chúc và cam chịu, y như những chú gà trong dây chuyền công nghiệp... những dáng vẻ giống nhau, những tiếng nói những hành xử giống nhau...?

Nhưng mà, không hẳn thế. Con người trong cái chặt chội bức bối nơi thị thành vẫn tự cần mẫn kiếm ăn như bầy gà, cũng có khi phải giành giật nhưng cũng thường nhường nhịn, chia sẻ cho nhau những cơ hội kiếm sống. Đôi khi xảy ra va chạm, một lời nói không vừa tai cũng đủ làm cho họ cáu bẳn thậm chí to tiếng, có khi cũng như gà cùng chuồng đá nhau. Nhưng trên đường vẫn luôn có những tiếng nhắc nhau cái chân chống xe chưa gạt, cái vạt áo dài coi chừng cuốn vào bánh xe, rồi người vụt qua người không đợi lời cảm ơn.

Giữa bộn bề cuộc sống, thi thoảng nhìn mấy con gà trong chuồng hay thả chúng ra trong chốc lát cũng như một liệu pháp mang lại cảm giác rằng, dù sao con người cũng vẫn tự do và có quyền ban tự do cho những con vật khác, dù tự do sống, tự do ăn tự do đi lại vốn là bản năng của loài vật. Dù không gian sống chỉ là “cái chuồng thành phố” hay nhỏ bé như “cái lồng căn hộ” thì con người vẫn luôn hướng đến không-gian-ngoài-lồng, và xa hơn, một không gian không-có-lồng.

Thành phố thì tràn ngập tiếng ồn ào, làng quê bây giờ cũng chẳng nơi nào yên tĩnh cả. Vậy nhưng mảnh vườn quê rộng rãi mát rượi, hơi đất ẩm mát bàn chân, bụi chuối gió đung đưa tàu lá, đàn gà tung tăng tự do bay nhảy đi lại kêu gáy bởi đất đánh nhau, duy trì nòi giống và khoan khoái cất tiếng gáy “chỉ có thể mà thôi”... vẫn luôn trở về trong giấc mơ của những người thành phố.

Sài Gòn 21.11.2014

Giữ gìn hồn phố

Khi chúng ta luôn phải nói đến “hồn phố” có nghĩa là hồn phố đã mai một, đang biến mất hoặc không còn nữa.

Vậy nhưng, “hồn phố” là sự vô hình, ta không thể nhìn thấy hay nắm bắt được nó. Vậy làm sao biết nó có hay không, còn hay mất?

Bạn sinh ra và lớn lên ở làng quê hay ở thành thị, hay bạn từng sống ở một nơi nào đó khá lâu, bạn cảm thấy gắn bó và nhớ thương khi đi xa, bạn thấy hụt hẫng thậm chí xa lạ khi gặp lại nó trong một hình hài khác. Ở làng quê, đó là dòng sông với chiếc xuồng, mái nhà vương

khói bếp chiều hôm, là vườn cây trái sum xuê bốn mùa, là mái đình cong cong, mái chùa cổ rêu phong... Nơi phố thị là góc phố “hương ngọc lan”, là “con đường có lá me bay”, là quán cà phê sang trọng hay bình dân lề đường, là bùng binh tượng đài, là tháp chuông nhà thờ cao vút, là hàng cây cổ thụ trăm năm...

Bạn sẽ tự hỏi, cái gì làm mình gắn bó với quê hương hay nơi chốn ấy? Vì sao mình thấy xa lạ nếu nơi ấy không còn những gì quen thuộc? Câu trả lời giản đơn là với con người, mỗi đồ vật mỗi cảnh quan đều “có hồn”. Không phải là “hồn vía” của thần thánh hay ma quỷ nhập vào, mà chính là mối liên hệ, sự tương tác của con người với cảnh vật đã tạo nên “hồn vía” đó.

“Hồn phố” là khái niệm phi vật thể vì nó là tình cảm, hoài niệm, nhớ nhung... của một người hay một cộng đồng, được nảy sinh và vun đắp trong quá trình sinh sống nơi phố thị. “Hồn phố” trong mỗi người luôn gắn liền với không gian sống và cụ thể hóa bởi những vật thể quen thuộc hay mang dấu ấn đặc biệt nào đó. Hồn phố là đặc trưng văn hóa tinh thần rất tinh tế và đầy chất lãng mạn của cư dân đô thị, nó tồn tại trong ký ức từng cá nhân, được di truyền và lan tỏa, và rồi nó trở nên vững chắc trong ký ức của cộng đồng.

Trong một nghiên cứu của Viện Nghiên cứu phát triển do PGS.TS Trần Hữu Quang chủ trì (2010), khi được hỏi “*Nói tới Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh, ông/bà thường hay nghĩ đến địa điểm hay tòa nhà nào trước hết?*” thì hầu hết

những câu trả lời đều nói đến các công trình, địa điểm tập trung ở quận 1, như chợ Bến Thành, Dinh Thống Nhất, Nhà thờ Đức Bà, Bưu điện, bùng binh Nguyễn Huệ... tức là khu vực trung tâm thành phố. Như vậy, đây chính là vùng tiêu biểu trong ký ức của người dân về thành phố này.

Và như vậy, muốn giữ gìn đặc trưng văn hóa Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh thì cần phải bảo tồn, tôn tạo và gìn giữ những địa điểm công trình và cảnh quan trong “vùng ký ức”, và ngược lại, hủy hoại hay làm biến dạng nó sẽ làm tổn thương và xóa bỏ “hồn phố” - một “sản phẩm” văn hóa tinh thần riêng biệt của từng đô thị.

Văn hóa đô thị thường thể hiện đậm đặc ở “vùng lõi”: khu vực trung tâm, được hình thành lâu đời, xây dựng và quy hoạch phục vụ thiết chế hành chính - chính trị - văn hóa của đô thị. Khu vực này tiêu biểu cho “hồn vía” của đô thị cả về kiến trúc cảnh quan, cả về lối sống và văn hóa. Khu vực cốt lõi này nếu không được bảo tồn, bị phá vỡ về cấu trúc dân cư, về cảnh quan kiến trúc tức là đã phá hủy hồn vía của đô thị. Khi ấy văn hóa đô thị sẽ không còn đủ sức mạnh để “đồng hóa” những lớp dân cư khác đến sau.

Không chỉ có vậy. Trong chiều kích thời gian thì ký ức đô thị còn gắn liền với những biến cố lịch sử, trong chiều kích không gian nó phản ánh những thay đổi của cảnh quan tự nhiên và cảnh quan nhân văn. Qua đó “diện mạo” cư dân đô thị - bao gồm cả những người quản lý đô

thị - hiện ra phản ánh đầy đủ những sắc thái văn hóa của từng thời kỳ lịch sử.

Cuộc sống với tốc độ phát triển hiện đại làm cho những gì thuộc về tự nhiên cứ yếu thế dần giữa những vật liệu vô hồn trong thành phố, tâm hồn con người cũng dần chai sạn bởi những va đập của cuộc bon chen kiếm sống... Cái gì gắn kết những con người đô thị với nhau, kể cả khi họ đã đi xa, đó chính là hồn phố. Giữ gìn hồn phố là bảo vệ những gì tốt đẹp trong tâm hồn người đô thị, bảo vệ một lịch sử chung qua những ký ức riêng.

Một vùng đất đánh mất ký ức, một thành phố không còn ký ức, những thế hệ con người không có ký ức... chẳng ai muốn điều đó xảy ra, vì đó sẽ là “vùng đất chết”. Nó chết, bởi con người không còn tình cảm gì với nó, bởi con người trở nên lạnh lùng vô cảm với chính cộng đồng của mình.

Những ai đang sống ở Sài Gòn hay đã xa Sài Gòn, cả những người mới đến nơi đây lập nghiệp, đều mong muốn Sài Gòn bảo tồn nét đẹp độc đáo của cảnh quan kiến trúc cũng như giữ được tâm hồn phóng khoáng bao dung của người Sài Gòn. Đó là “điểm tựa” để Sài Gòn phát triển một đô thị hiện đại nhưng đa dạng và giàu tính nhân văn.

Sài Gòn 5.12.2014

Hàng cây lá xanh gắn với nhau...

Câu hát trong ca khúc *Mưa hồng* của Trịnh Công Sơn đã mang lại cho những cơn mưa vẻ lãng mạn đẹp lạ lùng. Nghe bài hát này tôi luôn nghĩ về cơn mưa Sài Gòn mau tới mau tạnh, gió ào ạt mưa cũng ào ạt làm cho “*đường phượng bay mù không lối vào, hàng cây lá xanh gắn với nhau*”, và con người bỗng nhận ra “*cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ*”.

Vậy đấy, những hàng cây luôn gắn bó với những con đường, những ngôi nhà, với những con người thành phố. Ai cũng hiểu cảnh quan đô thị không thể thiếu những

hàng cây cao vút tỏa bóng mát tạo khoảng xanh bình yên... Mỗi thành phố, vô tình hay hữu ý, có loại cây đặc trưng riêng, như Hải Phòng “thành phố hoa phượng đỏ”, Hà Nội “mùa hoa sữa”, Sài Gòn “cánh hoa dầu xoay tí bay bay”... Trải qua thời gian, môi trường biến đổi, quy hoạch đô thị thay đổi, cây xanh trong thành phố trở thành chứng nhân của sự thay đổi ấy.

Hệ sinh thái đô thị ngoài thành phần hữu cơ và vô cơ còn có thành phần thứ ba là những gì con người xây dựng nên. Đô thị càng hiện đại càng mở rộng thì các yếu tố tự nhiên càng mất dần vì không gian dành cho thiên nhiên bị thu hẹp. Môi trường khí hậu đô thị thay đổi do sự can thiệp của con người bằng vật liệu xây dựng và tiện nghi sinh hoạt hiện đại, do bị ô nhiễm từ nguồn nước, rác thải, khói bụi, tiếng ồn... chưa kể sự biến đổi khí hậu toàn cầu. Hệ thống cây xanh cần được nhận thức và đối xử xứng đáng với vai trò quan trọng của nó, bởi vì đây là thành phần mang lại nguồn lợi cho sức khỏe con người, bảo vệ môi trường và cải thiện không gian sống, giảm thiểu tác hại của khí thải độc hại và các nguồn ô nhiễm. Ở xứ nhiệt đới hai mùa mưa nắng như đô thị Sài Gòn thì những nơi trồng cây không bị bê tông hóa còn như “nhà máy” lọc và tích trữ nước ngầm...

Cây xanh còn được sử dụng phổ biến trong kiến trúc và tạo cảnh quan. Những tính chất của cây xanh như hình dạng (tán lá, thân cây), màu sắc (lá, hoa, thân cây, trạng mùa của lá...) là những yếu tố trang trí làm tăng

giá trị thẩm mỹ của công trình kiến trúc cũng như cảnh quan chung. Ở nhiều đô thị các bụi cây thấp, bờ dậu, đường viền cây xanh trang trí trong vườn hoa công viên còn có tác dụng định hướng cho người đi bộ. Hàng cây bên đường, nhất là vào ban đêm, các gốc cây có quét sơn phản quang là những tín hiệu chỉ dẫn cho người tham gia giao thông.

Cây xanh thân thuộc hữu ích với cư dân đô thị là thế, vậy nhưng chúng ta đã đối xử như thế nào? Chiều nay đọc báo thấy tin hàng cây xà cừ lâu năm trên đường Láng ở Hà Nội đã bị đốn hạ vì công trình đường sắt trên cao. Rồi một bạn viết trên Facebook *“Hàng cây thuộc loại đẹp nhất của Sài Gòn nằm trên đường Nguyễn Văn Cừ đang dần mất đi. Những cây to mấy người ôm đang bị đào tận gốc, trốc tận rễ, của thành từng khúc. Tất nhiên họ có lý do để làm thế. Nhưng ở thời mà niềm tin khan hiếm như thế này thì chả có lý do nào thuyết phục mình nữa!”*... Không hiếm những hành vi “giết” cây như đào rễ, đổ axit, chặt cụt ngọn cây... chỉ để chiếm lấy vài mét vuông vỉa hè trước cửa nhà để buôn bán. Rồi mưa giông làm gãy cành tróc gốc vì cây không được chăm sóc thường xuyên, bên trong đã bị mối đục rỗng cả... Cứ vậy mỗi ngày những cây cổ thụ xanh cứ mất dần, đô thị phô phang những khối bê tông tường kính, con người lọt thỏm vào sắt thép, ngày càng trở trụi và khô cằn.

Để “bù lại” bây giờ người trồng cây gì? Rất hiếm thấy trồng mới loại cây thân gỗ, cây lâu năm để sau này thành

phố lại có những hàng cây cổ thụ tỏa bóng mát. Phần nhiều là cây tạo cảnh, cây cắt xén, cây dây leo... tốn công chăm sóc nhưng cây không lâu bền, chỉ một thời gian ngắn phải thay thế. Chưa kể nhiều bùng binh vòng xoay trồng hoa theo kiểu xếp các giỏ hoa, vài bữa bốc lên xếp giỏ khác vào... Lại có lúc có nơi đua nhau trồng cây hoa sữa dù chẳng hợp thời tiết, làm cư dân nơi ấy khổ sở vì mùi hoa sữa - mà ngay ở Hà Nội vào mùa thu, đoạn đường nhiều hoa sữa cư dân ở đó cũng khổ sở vì cái mùi hắc nồng của nó. Cây ở đô thị trồng theo “phong trào” như thế sẽ chẳng bao giờ có được một đô thị xanh.

Thôi thì không trồng cây lâu năm thì hãy trồng loại cây có hoa, tạo ra “thương hiệu” như Nhật Bản với mùa hoa Sakura nổi tiếng. Hà Nội giờ trồng nhiều bằng lăng, ngày đầu hè nhiều con đường tím ngát nao lòng. Còn Sài Gòn sẽ trồng cây gì, “hoàng hậu bông vàng” (bò cạp nước) từng chùm nở bung vàng tươi trong nắng có lẽ là một sự lựa chọn hay. Còn bao nhiêu loại cây xanh đường phố đẹp không kém: Điệp vàng, phượng đỏ, bàng Đài Loan, hoa ban “móng bò”... Mà đâu chỉ cần làm đẹp cho những con đường, còn hai bên bờ những dòng kinh con sông trong thành phố nữa. Cần tạo “thương hiệu xanh” cho từng thành phố, bởi vì một thành phố xanh và đẹp giúp con người yêu thiên nhiên và sống tốt hơn, cả sức khỏe và tinh thần.

Sài Gòn 21.6.2014

Hoài cổ không phải là nệ cổ!

Thành phố Hồ Chí Minh vừa khởi công xây dựng ga Metro đầu tiên ở khu vực trước Nhà hát Lớn. Để phục vụ công trình này và công trình tượng đài Hồ Chủ tịch, toàn bộ khu vực công viên - vòng xoay Nguyễn Huệ - Lê Lợi sẽ thay đổi nhiều cảnh quan xưa hàng trăm năm. Hàng cây cao hàng chục mét đã bị chặt đi, thương xá Tax sẽ phá bỏ để xây vào đó một tòa nhà bốn mươi tầng... Nhiều ý kiến xoay quanh việc này, người ủng hộ “hiện đại hóa” thì cho rằng không nên “nệ cổ”, rằng muốn thành phố hiện đại thì cần “đánh đổi”

những tòa nhà xưa cũ, những hàng cây xanh trăm năm...! Người yêu quý những dấu tích lịch sử - văn hóa cổ xưa thì đưa ra nhiều bài học kinh nghiệm của các nước cho thấy bảo tồn và phát triển không mâu thuẫn triệt tiêu nhau, nếu chúng ta có cách làm hợp lý. Ở TP. Hồ Chí Minh, khu trung tâm phải được coi là “khu vực cảnh quan di sản văn hóa” của đô thị Sài Gòn trên một trăm tuổi, vì bề dày lịch sử của việc xây dựng cũng như giá trị nhiều công trình kiến trúc và thiết kế cảnh quan đô thị nói chung. Trải qua hơn trăm năm phát triển, qua nhiều thể chế chính quyền, khu vực này cũng đã có sự thay đổi nhất định. Một vài công trình hiện giờ không còn đẹp như lúc xây dựng đầu tiên thì cũng không phải là lý do để phá đi xây cái khác, bởi vì làm như vậy chính là lặp lại sai lầm của người đi trước. Cách “sửa sai” tốt nhất là, ví dụ như thương xá Tax nếu nhất thiết phải xây lại, hãy xây dựng lại như lúc đầu, hay còn gọi là “phục dựng” lại công trình như bản gốc (tất nhiên, kèm với thuyết minh rõ ràng). Dẫu sao đây cũng là cách làm mà nhiều nước đã làm để thể hiện sự tôn trọng và bảo tồn di sản lịch sử, văn hóa. Nhiều kiến trúc sư và nhà quy hoạch đô thị đã chỉ ra rằng, công trình bốn mươi tầng xây mới sẽ không phù hợp với cảnh quan ở đây, thậm chí có thể còn làm xấu đi các công trình cổ như Nhà hát Lớn, Ủy ban Nhân dân... Như vậy là “hiện đại hóa” vô tình đã góp phần làm mất đi bản sắc văn hóa Sài Gòn đồng thời xóa bỏ ký ức của biết bao con người! Khi cư dân thiếu ký ức về nơi họ sống thì họ sẽ không có tình yêu với đô thị vì “nơi ta ở” nhưng đất “thiếu tâm hồn”..

Việc hiện đại hóa thành phố là tất yếu, nhưng TP. Hồ Chí Minh còn cả một khu đô thị mới Thủ Thiêm, theo quy hoạch mà người dân được biết, có một khu hành chính lớn, nhiều khu thương mại hoành tráng. Vì vậy khu trung tâm hiện hữu rất cần được bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa - về lâu dài hiệu quả kinh tế chắc chắn không thua kém một trung tâm thương mại lớn. Để đổi mới thành phố và tạo điều kiện sống tốt hơn cho người dân, bảo tồn và phát triển luôn có “mâu thuẫn” cần giải quyết hài hòa, bởi vì giữ gìn di sản văn hóa chính là làm giàu hơn đời sống tinh thần, tri thức cho cộng đồng, bên cạnh sự giàu có về tiện nghi vật chất. Chúng ta có “lợi thế của người đi sau” nhất là trong việc bảo tồn di sản văn hóa. Bài học kinh nghiệm từ nước Pháp, nước Ý hay từ Singapore, Thái Lan... đều ưu tiên bảo tồn di sản lịch sử văn hóa, vì họ nhận thức được rằng, chúng ta ứng xử như thế nào với những gì thế hệ trước để lại thì sẽ nhận được sự ứng xử như thế từ thế hệ sau!

Sài Gòn 21.8.2014

Nghịch lý đô thị

Một lần có việc qua Phú Mỹ Hưng, quãng đường dài từ Gò Vấp đến quận 7 qua gần hết chiều dài thành phố, từ vùng ngoại ô cũ đến quận trung tâm qua khu đô thị mới... Thành phố mở rộng lên tây bắc xuống đông nam, xóm ngoại ô làng ngoại thành nay trở thành khu đô thị mới. Các quận nội thành cũ ngoài vài con đường trung tâm mặt tiền đã thay thế bằng những tòa nhà cao tầng kiến trúc hiện đại nhưng khó có thể nói là đẹp, còn lại những con hẻm như bàn cờ phía sau sự thay đổi diễn ra chậm chạp hơn, vì cư dân ở đó phần đông vẫn là công chức, thợ làm công, buôn bán nhỏ... những nghề nghiệp gắn bó với đô thị, tạo nên tầng

lớp thị dân đông đảo nhất nhưng lại không làm nên cái “mặt tiền” hào nhoáng mà số ít các “đại gia” tạo nên ở khu trung tâm hay vùng đô thị mới.

Bây giờ các đại gia “nhà có điều kiện” thì ra ngoại ô tìm đất cất nhà vườn, vila, dinh thự sang trọng xa hoa rộng rãi thoáng mát, trung lưu thì ra quận mới (tách ra từ huyện ngoại thành) mua căn hộ chung cư cao cấp đầy đủ tiện nghi dịch vụ “như Tây”. Có xa xôi gì đâu khi đường quy hoạch mở rộng, hàng loạt cầu mới xây, từ khu đô thị mới đi vào trung tâm chỉ khoảng nửa giờ xe hơi. “Nhà giàu” ra ngoại thành “nhà nghèo” vẫn chen chúc nội thành, còn nhà nghèo hơn từ ngoại ô, từ khu giải tỏa lại dạt ra nông thôn, biến ven đô thành ngoại thành của đô thị mới. Đây là một sự thay đổi dễ nhận thấy của quá trình đô thị hóa. Sự thay đổi này làm cho bộ mặt đô thị hiện đại hơn, nhưng khoảng cách của sự phân hóa giàu nghèo cũng ngày càng xa hơn. Sự xáo trộn dân cư từng khu vực diễn ra nhanh hơn, tầng lớp dân cư mới hình thành nhưng thời gian chưa đủ để tạo nên những đặc tính của cộng đồng thị dân mới.

Sự thay đổi không chỉ có vậy. Những quán ăn nhà hàng ngày càng nhiều “đặc sản” vốn là những món ăn dân dã hàng ngày: đậu hũ chiên, rau muống, bông bí xào tỏi, rau luộc chấm kho quẹt, cá rô bí chiên giòn, canh chua cá kho tộ, lẩu cua rau mùng tơi, cháo cá rau đắng, lẩu mắm... Những món ăn “nhà quê” mà mới vài chục năm trước có ai nghĩ một ngày kia sẽ hiện diện trong nhà

hàng khách sạn sang trọng với cái giá “cắt cổ”. Vậy mà giờ vô quán người ta toàn kêu đặc sản đồng quê vì “ăn thịt cá hoài ngán quá”, vì ăn nhậu lấy vui là chính chứ đâu cần lấy bổ lấy béo như một thời thiếu thốn. Tôi có anh bạn mở một quán nhậu trong hẻm nhỏ, cũng bán lai rai mỗi ngày sáng chiều khoảng hơn chục bàn khách. Một lần khách kêu tính tiền thấy đĩa rau muống xào tòi giá tới mấy chục ngàn, bèn nói vui: sao đắt thế, ngoài chợ 5 ngàn một bó ăn một ngày. Ông chủ cũng đáp vui “ngoài chợ nó là rau muống, vào nhà hàng nó là nhân sâm”. Vui thật đấy nhưng... ngẫm, hình như ở đô thị bây giờ người có tiền ngày càng ăn nhiều rau ít thịt, mà phải tìm rau sạch, rau “nhà trồng” mới yên tâm. Thịt heo thịt gà giờ không phải là món ăn chỉ của nhà giàu mà... nhà nghèo cũng thường ăn, vì chăn nuôi công nghiệp nên giá rẻ nhưng chất lượng đâu phải như heo gà “nhà nuôi”. Nhà giàu thì tìm ăn “gà què lợn mán” còn công nhân ở khu công nghiệp, dân xóm lao động thì ăn loại cá thịt bán ê hề ngoài chợ chiều là hàng ế hàng dạt ướp chất bảo quản, độc hại đâu chưa thấy nhưng nhìn cũng ngon mắt, lại vừa túi tiền, cũng là miếng cá miếng thịt cho chén cơm dễ nuốt. Vậy là “người giàu ăn rau người nghèo ăn thịt” - lại một “nghịch lý” của đô thị ngày nay.

Thành phố mở rộng mà phương tiện giao thông công cộng chưa phát triển, phần lớn người dân vẫn dùng xe máy cho mọi hoạt động. Gần đây nhiều nhà máy, trường học có xe đưa rước, khu đô thị trường đại học ở các quận

mới đã có các tuyến xe bus, mai này có metro nữa thì hy vọng xe máy sẽ giảm dần và... biến mất. Nhưng khi chưa giảm được xe máy thì xe hơi đang ngày một tăng, giờ cao điểm sáng chiều xe “nhà giàu” chen chúc trong rừng xe máy, kẹt xe đành ngồi im đó mà chờ cho đường thông, trong khi xe máy - nguyên nhân của phần lớn các vụ kẹt xe - thì nhanh chóng thoát được nhờ qua lách hẻm ngõ kia. Chưa kể chợ lòng lề đường tụ tập tiện mua bán cho xe máy nhưng bất tiện với xe hơi, chưa kể nếu xảy ra va chạm thì nhiều khi xe hơi lại bị người ta gán lỗi làm cho “nhà giàu cũng khóc”. Thêm một “nghịch lý” do hiện tượng “nông thôn hóa” của một bộ phận dân cư chưa có nếp sống “văn minh đô thị”.

Cuộc sống đô thị ngày nay còn ngổn ngang những “nghịch lý” có thể hiểu được về “lý” nhưng làm cách nào để nó không còn là “nghịch” thì thật là nan giải.

Sài Gòn 22.5.2014

Nhớ Sài Gòn

Một lần ngồi quán cà phê với bạn. Hai đứa sinh ra ở Hà Nội nhưng sống ở Sài Gòn đến nay đã hơn nửa đời người. Cùng học đại học, cùng lấy chồng trong một năm, năm sau cùng sinh con gái đầu lòng, hai đứa vẫn gắn bó với nhau dù có thời gian đến vài năm không gặp mặt. Bây giờ con cái lớn rồi, không còn vất vả kiếm tiền nuôi con. Thi thoảng hai đứa hẹn nhau ở quán cà phê nào đấy, ăn sáng, trò chuyện trên trời dưới biển... Có khi hai đứa hai cái điện thoại, dán mắt vào đó, rồi miệng nói tay lướt tiếp tục câu chuyện dở dang hoặc cùng bàn luận về gì đó vừa hiện trên màn hình Facebook.

Ngày cuối năm đường phố nhộn nhịp tất bật. Không khí se lạnh mang lại cho người ta cảm giác nôn nao như sắp mất đi một điều gì đó, mà cũng như một điều gì mới mẻ đang đến. Quán vắng, miên man nhạc Ngô Thụy Miên “*Em có bao giờ còn nhớ mùa xuân...*”. Bạn chợt thốt lên, Nhớ Sài Gòn quá, cậu có cảm giác đấy không?

Ừ, mình cũng nhớ Sài Gòn dù đang ở giữa Sài Gòn, lạ không?

Nhớ Sài Gòn cuối năm 1975, gần Noel bỗng có một “mùa đông” mát mẻ, thậm chí buổi tối còn nghe gió lạnh tràn về. Người Sài Gòn đùa vui “vĩ tuyến 17 mở rồi, gió mùa đông bắc không dừng ở bên kia đèo Hải Vân nữa”. Những chiếc áo lạnh không chỉ làm quà theo các anh bộ đội về quê xứ Bắc mà còn được dịp khoe màu sắc trên khắp ngã đường. Những chiếc áo dài trắng tinh khôi được dịp khoác ra bên ngoài áo len áo gió, mỗi sáng đến trường nhìn phố ngõ như mình đang ở Đà Lạt mộng mơ.

Nhớ Sài Gòn sau mùa hè năm ấy, vô lớp học bạn bè chỉ còn non một nửa. Hỏi thăm nhau đứa theo gia đình đi kinh tế mới, đứa vượt biên, đứa bỏ học lấy chồng đứa về quê... Chẳng kịp chia tay, vậy mà khi gặp lại vẫn nhớ tên nhau, trò chuyện thân thiết, không ngờ mấy chục năm bật tin mà ký ức về bạn chưa hề quên lãng.

Nhớ Sài Gòn ngày có kết quả thi đậu đại học. Một nhóm bạn rủ nhau đạp xe qua vùng Khánh Hội quận Tư, lúc đó là khu nhà lá kênh đen, chiều xuống đèn đường nhấp nhোang, những tay anh chị cời trần hình xăm chằng

chịt, ung dung ngồi nhậu vỉa hè, chiếc xe Honda 67 dựng hờ hững ở lòng đường. Vậy mà chỉ chớp mắt đã thấy chiếc xe lao đi trong tiếng nổ ống pô xoáy nóng làm cả con phố giật mình thẳng thốt.

Nhớ Sài Gòn bến Bình Đông ngày giáp Tết. Ghe than củi ghe ông lò, ghe trái cây ghe cây kiểng đậu san sát không cần tấm ván làm cầu, hàng hóa lên bờ nhộn nhịp cả đoạn đường dài. Có lẽ chỉ cần đến đây cũng hưởng trọn không khí ngày Tết Sài Gòn với mai vàng dưa hấu đỏ, những bộ lư được chùi vàng bóng, với gạo nếp đậu xanh lá chuối, rồi than đước rừng đen óng chiếu Cà Mau còn thơm mùi cỏ lác... Ôn ào là vậy không ngại tay chân là vậy, vẫn vắng vắng đâu đó ngọt ngào câu tân cổ giao duyên của Minh Vương - Lệ Thủy *“Anh Ba ơi tui nấu bánh đêm xuân là để rước ông bà về vui ba ngày Tết... Anh đừng bày đặt lãng lơ cái chuyện vợ chồng...”*.

Rồi những chiếc ghe lại quay lui chờ hàng về miền Tây, nào bánh mứt nào quần áo nào đồ dùng bằng nhôm bằng nhựa... Những con mắt ghe miền Tây hiền lành giữa sông nước miền Tây êm ả, trưa chiều khói bếp cà ràng lẫn mùi thơm khô cá sặc nướng loang trên sông theo từng cơn gió chướng thổi về thành phố.

Nhớ Sài Gòn tháng Chạp. Trên lễ đường Trương Định từ vài năm nay, cứ đến khoảng thời gian này là xuất hiện mấy ông đồ trẻ tuổi quần jeans áo thun với mực tàu bút lông, cũng giấy điều giấy dó, ngòi đỏ viết những bức thư pháp bằng chữ Hán, cả thư pháp chữ Việt. Người đến

xin chữ giờ ít xin câu đối, mà thường xin những chữ tỏ lòng mong ước hay là điều mình tâm niệm, như chữ Tâm, chữ Nhẫn, chữ Phúc, chữ Lộc... Cũng có khi là một câu thơ, một lời hát mà mình tâm đắc, như “*sống trên đời cần có một tấm lòng*”... Cuộc sống đô thị vội vã gấp gáp, chữ nghĩa cũng theo đó ngắn gọn, dễ hiểu. May mắn gặp được người tâm đầu ý hợp thì chuyện trò vui vẻ. Người xin chữ thỏa mãn vì được bức thư pháp chữ như rồng bay phượng múa, lại đúng điều mình mong muốn! Còn người cho chữ cũng thỏa mãn cái thú được phô bày vẻ đẹp tinh túy của nghệ thuật viết chữ. Không thấy ai “trả giá” cho những bức thư pháp này. Cũng chưa thấy “ông đồ” nào giàu có nhờ viết thư pháp. Bởi vì người viết và người xin chữ đều hiểu giá trị tinh thần mà những con chữ mang lại cho mình.

Nhớ Sài Gòn một ngày hai chín Tết, hai đứa mình gặp nhau để chuẩn bị ra Tết có chuyến đi từ thiện ở vùng xa. Quán vắng, vài người khách ngồi ngoài vỉa hè. Đầu hẻm vẫn chiếc xe bán hàng nhưng phía trong hẻm không có bộ bàn ghế nào cả. Kêu ly cà phê đá, anh chủ giọng lạnh tanh: đá sao? Mình cũng lạnh tanh: đậm, ít đá, ít đường. Anh chủ mặt tươi hẳn: lâu quá “bà” không ghé, quên “gu” của “bà” rồi. Mấy anh em cười xòa. Tào lao một lúc rồi tụi mình đi. Hỏi anh chủ quán: Mừng mấy bán lại, ông? Lại lạnh tanh: có tới uống không mà hỏi? Cũng lạnh tanh luôn: Không tới uống hỏi làm gì, tụi tui đâu có rảnh dỗi vậy? Vợ chồng chủ quán lại cười tươi: nhớ ra mở hàng

nha mấy bà. Phóng xe đi rồi mới sực nhớ ảnh quên chưa nói ngày nào “mở hàng”. Tiếng cười của hai đứa mình vương mãi trên ngọn xanh cao.

Nhớ Sài Gòn ngày tháng Giêng, mùa nắng đang kỳ cao điểm, đường mềm ra như nung. Trùm đầu che mặt kín mít mà vẫn không che được cái nóng ban trưa. Một thùng nước với chiếc ca nhựa treo tong teng, dòng chữ “trà đá miễn phí” bỗng làm mát cả đoạn đường. Bác xích lô bà vé số em nhỏ đánh giày chị gánh hàng rong... ghé qua từ tốn uống từng ngụm nước “còn để dành cho người khác”. Mà sao thùng nước chẳng bao giờ hết, chàng Thạch Sanh sống lại cũng phải ngạc nhiên bởi chàng chỉ có một nổi cơm nhưng Sài Gòn thì có hàng ngàn “thùng nước Thạch Sanh” hàng chục quán ăn “hai ngàn” dành cho những người cơ nhỡ.

Đấy, nỗi nhớ Sài Gòn bình dị thế thôi. Nếu ai đó trông đợi một Sài Gòn mộng mơ như Đà Lạt, Sài Gòn lãng mạn kiểu Hà Nội hay Sài Gòn cổ kính như kinh đô Huế thì có thể sẽ thất vọng, bởi Sài Gòn là cuộc sống hối hả đêm ngày, Sài Gòn là đón nhận mọi người, Sài Gòn là mở lòng chia sẻ... Sài Gòn cho chúng ta được hồn nhiên sống, được hết mình làm và cũng được những chân tình đáp lại.

“Em còn nhớ hay em đã quên...”, với Sài Gòn câu hỏi đó không chỉ dành cho những người đi xa.

Sài Gòn 10.12.2014

Những ngôi biệt thự và những quán cà phê

Ở Sài Gòn, Hà Nội và một vài thành phố khác ta dễ dàng nhìn thấy những quán cà phê sân vườn trong khuôn viên các ngôi biệt thự xưa, kiểu Pháp, được xây dựng trong khoảng nửa đầu thế kỷ XX. Có lẽ những quán cà phê như thế này nở rộ từ sau 1975, khi mà chủ nhân của hàng loạt các ngôi biệt thự ở Sài Gòn đã lần lượt được thay thế bằng những người khác.

Thật ra việc có một lớp cư dân khác đến sống trong các ngôi biệt thự kiểu Pháp bắt đầu từ Hà Nội sau 1954,

nhưng trước 1975 ở Hà Nội hầu như ít thấy quán cà phê sân vườn trong biệt thự, mà nếu có, lại là vài... quán bia hơi trong khuôn viên những ngôi biệt thự trở thành cơ quan nhà nước. Ngoài số ít biệt thự ở khu Ba Đình còn khá nguyên vẹn, phần lớn biệt thự khác biến thành nhà tập thể của nhiều hộ gia đình. Quá trình chung đụng, phân chia, coi nói làm cho những ngôi biệt thự trở nên xộc xệch, manh mún, nhếch nhác... như một người từng có thời trẻ tuổi đẹp trai nhưng nay ốm đau bệnh tật, lại phải khoác lên mình những bộ quần áo cũ không vừa, vá vúi và bẩn thỉu, vì vậy, càng làm người ta tiếc nuối vẻ hào hoa một thời của chàng.

Trước 1975 Sài Gòn cũng giống như Paris vậy: quán cà phê thường là những căn nhà trên phố, lại mở ra khoảng không gian vỉa hè. Ngôi đó, dưới tán dù che mát hay dưới bóng cây xanh, nhàn tản ngắm người qua đường và cuộc sống đang diễn ra trước mắt, phiếm đàm về thời cuộc về văn chương... ấy là cà phê Paris của văn nghệ sĩ, của tầng lớp trung và thượng lưu. Ở Sài Gòn thì nay chỉ còn thấy phong cách này ở vài quán cà phê lâu đời trên đường Đồng Khởi, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... thuộc khu trung tâm thành phố.

Từ khoảng sau 1980 trong nhiều biệt thự vắng chủ lần lượt có những gia đình đến ở. Lại quá trình chung đụng, phân chia, coi nói... lần này còn thảm hơn: trong khuôn viên đẹp như thế mà nhiều hộ gia đình phải làm chuồng nuôi heo, xây bể nuôi cá trê phi để “cải thiện” cuộc sống... Cũng may quá trình này không kéo dài như ở Hà Nội,

khoảng gần mười năm sau thì có chủ trương “hóa giá” nhà biệt thự. Nhiều biệt thự được mua đi bán lại, không còn cảnh là nhà tập thể. Những chủ nhân mới đã biết khai thác giá trị của biệt thự, hoặc cải tạo lại cho người nước ngoài thuê, hoặc phổ biến hơn, biến thành quán cà phê, vì không có gì kiếm tiền nhanh bằng chủ nhà cho thuê lại biệt thự (một phần hoặc tất cả), và không đầu tư gì kiếm lời nhanh như mở quán cà phê. Và lại, kinh tế “mở cửa” vài năm nên cuộc sống có phần dễ thở hơn, các thành phố trở lại nếp sống đô thị mà cà phê là một trong nhiều thói quen sinh hoạt hàng ngày của thị dân. Có thể nói, từ lúc này phong cách “cà phê biệt thự” của Sài Gòn nhanh chóng lan tỏa đi nhiều thành phố khác.

Những ngôi biệt thự trước đây và những quán cà phê hiện nay có điểm gì chung nhỉ?

Ở khu vực đô thị cũ (quận 1, quận 3), cà phê-biệt thự dù ở mặt tiền hay trong hẻm đều có khuôn viên rộng, nhiều cây xanh. Kiến trúc nhà thường một trệt một lầu, tầng trệt thông thoáng tầng lầu có ban công nhẹ nhàng bên khung cửa mở rộng. Ban ngày ánh nắng nhẹ hơn khi xuyên qua vòm lá xanh, ban đêm ánh đèn dịu dàng khuất sau rèm thưa. Không gian tràn ngập tiếng nhạc thánh thót piano da diết violin trầm lắng guitare... Tiếng hát ở đây như vẳng ra từ băng cassette của dàn Akai những năm 80 vậy, nhạc Pháp, nhạc Trịnh Công Sơn - Khánh Ly, Ngô Thụy Miên, Vũ Thành An, Ngọc Lan, Trịnh Nam Sơn... những hoài niệm, những chia ly, những đón đầu

mà tràn đầy dịu dàng tràn đầy thương nhớ. Người ra vào đông hơn chủ nhân nhà biệt thự xưa nhưng nhiều quán cà phê vẫn giữ được không gian yên ả, không ồn ào, biệt lập, không xô bồ như những quán cà phê sân vườn mới mở ở những khu vực khác mới đô thị hóa. Sự phong lưu, tinh tế, có khi sang trọng còn được lưu lại trong trang trí nội thất: những bộ salon, bàn ghế, vài bức tranh, bình bông đẹp mà đơn giản... Những quán cà phê biệt thự ở Sài Gòn được chủ nhân chăm chút về thiết kế và trang trí nội thất, tạo ra phong cách riêng độc đáo và quyến rũ, phần nào cho biết tính cách của chủ nhân.

Hiện nay nhiều cà phê biệt thự còn là những quán “cà phê sách”. Những kệ sách nhiều kiểu dáng, những cuốn sách hay... càng tạo cho quán một không khí ấm cúng như trong một ngôi nhà. Bên ly cà phê, cuốn sách đang mở, và sự thoải mái trên những gương mặt chăm chú đọc... Có cần gì hơn nữa, phải không?

Vậy còn gì khác nhau?

Thay cho những tường cao cổng kín là hàng rào thưa thoáng hoặc chỉ ngăn cách với đường bằng bức tường thấp hoặc bãi cỏ nhỏ xanh mượt, nối liền không gian quán cà phê với con đường tấp nập ngoài kia. Những chiếc dù vươn ra vỉa hè mời gọi, hơi nước phun sương mờ mát cả trời trưa nắng hè gay gắt khiến người đi qua không thể không muốn ghé vào. Vào quán cà phê Sài Gòn bạn có thể kêu một món ăn nhẹ, bánh ngọt, buổi trưa dùng một phần cơm văn phòng, và tất nhiên không chỉ có

cà phê mà còn nhiều loại thức uống khác. Bây giờ đã có một số quán cà phê chỉ có thức ăn chay, những quán này buổi trưa rất đông khách là nhân viên văn phòng, công chức... Quan sát xu hướng của cà phê-biệt thự Sài Gòn có thể nhận biết xu hướng sinh hoạt của thị dân đô thị lớn nhất nước này.

Đôi lúc, ngồi trong những quán cà phê-biệt thự, một mình nhàn tản với ly cà phê hay tán gẫu với bạn bè, tôi luôn tự hỏi: sự biến đổi từ biệt thự thành quán cà phê có gì đáng tiếc hay có gì đáng mừng? Ngẫm đi nghĩ lại có lẽ sự biến đổi này “được” nhiều hơn “mất”. Trong cơn lốc đô thị hóa vài chục năm gần đây, sự biến đổi cảnh quan đô thị là hệ quả của lối sống thị dân “chưa hoàn chỉnh”, nếu không có những người chủ quán cà phê đã bảo tồn không gian và kiến trúc của những ngôi biệt thự đẹp như cổ tích này thì không biết Sài Gòn có còn gì là “hồn đô thị”?

Sài Gòn 11.2013

Riêng tư... trên mạng?

☐ ứ thử hình dung một ngày chúng ta không có Internet. Thì sao nhỉ?

Chúng ta có còn liên hệ với ai không khi mà không email, không mạng xã hội, không báo mạng, không tài liệu ebook, không nghe nhạc xem phim trực tuyến, không game, không status không note không comment không like...?

Có lẽ như vậy cũng không luôn cả máy tính, bởi vì cần gì máy tính khi chức năng nối mạng không còn?

Chúng ta không còn cả cảm giác “cô đơn trên mạng”, bởi vì có còn gì còn ai đâu, ngoài chính mình. Những mối

liên hệ “thực” ngoài đời trở nên nhạt nhòa bởi thiếu đi sự lung linh khi giao tiếp với nhau qua mạng.

Ồ, bỗng nhiên chúng ta chợt nhận ra mình có được sự riêng tư - trạng thái rất cần thiết của mỗi con người nhưng phần lớn đã đánh mất từ khi chúng ta hòa mình vào mạng.

Ta không cần “phơi” tâm trạng, “phô” hành động như một thói quen khi nhìn thấy câu hỏi “bạn đang nghĩ gì?” trên Facebook; buồn vui sến súa, bực tức cáu giận, chửi đổng mỉa mai, yêu đương hay căm ghét, tâng bốc hay ném đá, đi ăn đi chơi, xem phim, cãi lộn... Thậm chí, xin lỗi cả nhà, đến chuyện “đang vui thì đứt dây đàn/nàng đang khó chịu thì chàng đến chơi” cũng nhất định phải cho “cả làng” biết.

Ta không phải tức khắc trả lời một câu *còm* của ai đó có vẻ hiểu sai hay khiêu khích về một status của ta; Ta không phải lạ lùng khi những điều hay ho ta viết ra đã bị ai đó chôm mắt và đăng ở nơi nào đó, tự nhiên cứ như là của họ.

Ta không ngại khi bất ngờ một ai trong nhóm bạn đang ngồi cà phê với nhau bỗng dựng đưa điện thoại lên chụp hình ta trong một tư thế không đẹp lắm, ăn nhồm nhoàm hay cười ha ha hay hoa tay múa chân... làm mất “hình tượng” ta đã cố công xây dựng lâu nay trên mạng. Ta cũng không phải phiền lòng khi những hình ảnh bạn chụp ta cứ hờn nhiên được đưa lên mạng, dù là với lòng

yêu quý... nhưng đây là khoảnh khắc riêng tư của “chúng mình” cơ mà?

Ta không phải lo lắng khi bất cứ ai cũng có thể biết được “vị trí bạn đang ở” nếu quên tắt chức năng định vị của điện thoại. Một anh bạn, bữa đó ngồi họp ở cơ quan ngay đầu cầu Chương Dương, nhắn tin cho vợ là về trễ, nhưng vợ anh ta thì lại thấy “đang ở nhà nghỉ gần Gia Lâm”. Chuyện tiếp theo thế nào chắc mọi người đoán được.

Ta cũng không sợ phải bất ngờ khi nhìn thấy ảnh mình trên một trang báo mạng, trên Facebook của ai đó kèm với câu chuyện rất là kinh khủng khiếp, nhưng quên mất dòng chú thích tối thiểu “ảnh chỉ có tính chất minh họa” dù rõ ràng không được phép sử dụng hình ảnh người khác một cách tùy tiện như thế.

Ta không phải bực mình khi câu chuyện vui vẻ chia sẻ với bạn bè trên mạng chỉ nhẹ như “một chiếc lông gà” bỗng dưng biến thành “một chị gà mái rụng hết lông” khi nó quay ngược về Facebook của ta.

Ta không cần quan tâm tới những câu hỏi hay tiếng xì xào rằng, sao cô/anh ấy chẳng hay kể gì về chồng/vợ gì nhé? Chắc là vợ chồng nhà ấy làm sao...? Ta không phải hối hận khi chuyện yêu đương của ta ngày nào cũng xuất hiện để rồi khi hết yêu cả thế giới cũng biết.

Tóm lại, nếu không có Internet, thế giới riêng tư của ta được bảo toàn trong một phạm vi nhất định: gia đình,

người thân, và với nhiều người, chuyện riêng tư chỉ là của chính mình.

Thế nhưng ngày nay “không có Internet” chỉ là giả tưởng, cũng như vài chục năm trước đây mạng xã hội cũng là “giả tưởng”. Internet - trong đó cũng có những thông tin riêng tư của chúng ta - góp phần làm cho thế giới ngày càng “phẳng”.

Thời tiền sử thế giới cũng phẳng, nhưng phẳng trong tình trạng không có thông tin, của cá nhân cũng như của những cộng đồng.

“Thế giới phẳng” có thực sự “phẳng”, khi sự riêng tư của mỗi chúng ta đang có thể “lâm nguy”? Và liệu có đến lúc nào đấy, con người phải từ chối thông tin để có một “thế giới phẳng” của riêng mình?

Sài Gòn 6.7.2014

Tạ ơn đất lành

Sài Gòn là địa danh mang tính lịch sử - văn hóa, từ khoảng cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XX địa giới mở rộng dần theo chính nhu cầu phát triển của thành phố, gồm Bến Nghé - Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Quá trình khai sinh Sài Gòn là sự hội tụ của những người “nhập cư” từ nhiều vùng miền, trong những giai đoạn lịch sử khác nhau. Đồng nhất là người Việt: lưu dân người Việt từ miền Ngũ Quảng tiến dần vào Nam trong thế kỷ XVI - XVII thời các chúa Nguyễn, những đợt di dân khai hoang lập ấp của triều Nguyễn trong thế kỷ XIX; Từ miền Bắc nông dân theo các đợt tuyển mộ phu

đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ những năm đầu thế kỷ XX; rồi di cư ồ ạt do biến cố chính trị vào năm 1954 và sau năm 1975...

Sài Gòn còn là nơi những nhóm người Hoa “bài Thanh phục Minh” đến đây vào thế kỷ XVII cùng với nhiều đợt di dân muộn hơn chủ yếu từ vùng Hoa Nam Trung Quốc; Người Chăm từ miền Trung vào Sài Gòn nhiều nhất trong thế kỷ XIX, rồi người Khmer từ đồng bằng sông Cửu Long lên Sài Gòn khoảng giữa thế kỷ XX.

Vùng “đất lành” Sài Gòn đã là điểm đến, nơi dừng chân, nơi sinh cơ lập nghiệp của biết bao “đàn chim” từ nhiều vùng đất và nguồn gốc xuất xứ khác nhau. Chỉ kể đến những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, Sài Gòn đã dung chứa trong nó hàng triệu con người, cũng chia sẻ hàng triệu cơ hội kiếm sống trong đó có hàng ngàn cơ may thành đạt, giàu có. Hiện nay Sài Gòn là thành phố có số lượng dân nhập cư lớn nhất, khoảng hơn 2 triệu người. Dân số TP. Hồ Chí Minh năm 2011 khoảng 7.500.000 người nhưng tại đây luôn có tới gần 10 triệu người sinh sống làm ăn.

Từ những con người của Sài Gòn và sống-ở-Sài Gòn, Sài Gòn đã dung nạp, tiếp nhận tất cả các yếu tố văn hóa khác nhau: phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, tiếng nói, ẩm thực, trang phục... Và quan trọng là Sài Gòn không làm thay đổi những nét văn hóa riêng của từng cộng đồng người, vẫn nuôi dưỡng tất cả để tạo nên sự phong phú đa dạng của văn hóa Sài Gòn.

Ở Sài Gòn các “hội đồng hương” tồn tại và phát triển mạnh; gần như có đủ tất cả các tỉnh thành thậm chí có cả hội đồng hương cấp huyện. Người các tỉnh thành vào Sài Gòn giữ được “cá tính văn hóa” riêng của quê hương mình, nhất là ngôn ngữ và ẩm thực là hai yếu tố được nhận biết rõ ràng nhất. Ở Sài Gòn tiếng nói các vùng miền hòa lẫn vào nhau, không phân biệt “quê” hay “thành”, không kỳ thị “Sài Gòn” hay “tỉnh”. Chỉ cần buổi sáng ngồi ở các quán cà phê bạn có thể nghe thấy giọng nói cả ba miền Nam Trung Bắc, có thể nhận biết tiếng miền Tây, tiếng Hà Nội, tiếng Quảng, tiếng Huế, chưa kể bây giờ còn có nhiều người Hàn, người Nhật, người các xứ Âu Mỹ đến làm ăn tại Sài Gòn.

Các món ăn ở Sài Gòn thì “thôi rồi”, chẳng thiếu đặc sản của nơi nào: Bánh Huế, cơm hến, mì Quảng, bún bò Huế, phở Hà Nội, bánh đa cua Hải Phòng, bún đậu mắm tôm “đặc Bắc”, bún mắm, bún nước lèo miền Tây, hủ tíu Sa Đéc, Mỹ Tho, Nam Vang, bún riêu Bắc, bún riêu Nam, bánh xèo “Bà Mười Xiêm” Cần Thơ, bánh khọt Cô Ba Vũng Tàu... Quán ăn Tây, Nhật, Hàn, Thái, tiệm Fast Food khắp nơi... Ẩm thực và ngôn ngữ ở Sài Gòn như một “liên hiệp quốc” chung sống hòa bình, thân ái, chẳng ai muốn diệt ai, mà có muốn thì cũng không được, vì Sài Gòn vốn bao dung cho mọi người vì mọi người đã làm nên Sài Gòn. Sự bao dung ấy làm cho Sài Gòn luôn tươi mới và còn làm cho những “đặc sản” các nơi được lưu giữ ở Sài Gòn một cách “đậm đặc”, vì theo quy luật của

văn hóa: *văn hóa càng xa cái gốc càng bảo tồn nguyên vẹn*. Các nhạc sĩ, ca sĩ người Hà Nội vào sinh sống ở Sài Gòn giữ được “chất Hà Nội” qua tác phẩm, qua giọng hát, qua phong cách sống. Có lẽ nhờ đó mà có rất nhiều bài hát hay về Hà Nội đã được sáng tác tại đây. Còn người Sài Gòn... ít khi (buộc phải) đi xa, phải chăng vì thế mà chưa có nhiều bài hát hay “nhớ về Sài Gòn”? Sự bao dung của Sài Gòn còn là cái nôi cho những tài năng đến đây và phát triển.

Nhiều lần tôi thử lý giải về sự bao dung nâng đỡ của Sài Gòn đối với những gì còn yếu thế, mới mẻ, thậm chí còn chưa kịp định hình. Không thể không bắt đầu từ lịch sử. Là vùng đất chưa kịp có ký ức lâu dài nếu ta coi yếu tố thời gian lịch sử là quan trọng nhất trong việc hình thành ký ức và truyền thống: Sài Gòn ba trăm năm lại là vùng đất “làm ăn”, trung tâm kinh tế, khác tính chất trung tâm chính trị của Thăng Long hay Huế. Do không chịu sự níu kéo của truyền thống quá sâu nặng nên dễ tiếp nhận cái mới, đồng thời cũng chưa đủ sức mạnh để “đồng hóa” cái mới, cái khác. Thăng Long - Hà Nội là nơi tiếp nhận tinh hoa “tứ xứ” về kinh kỳ nhưng rồi cũng “biến thành” người kinh kỳ, bằng con đường quan chức, qua hôn nhân (thường là vợ là người Thăng Long - Hà Nội). “Trong gia đình văn hóa vợ/mẹ ở vùng miền nào thì con cái trở thành người nơi ấy”. Ở Sài Gòn tính chất này nhạt hơn.

Sài Gòn bao dung vì không coi mình là “trung tâm” để so sánh hơn kém với vùng miền khác (ngược lại, tôi

đã từng nghe nhiều người sinh sống phát đạt ở Sài Gòn nhưng vẫn hay chê Sài Gòn thế này thế kia... không bằng quê mình!). Sài Gòn đánh giá hiệu quả việc “làm ăn” là quan trọng nhất, mọi cái khác coi là “chuyện nhỏ”. Người Sài Gòn có tính thực tế cao nhưng không bị chuyển thành sự tư lợi mà ngược lại tính cộng đồng cũng cao, việc xã hội, “việc nghĩa” được coi là chuyện bình thường. Vì vậy dễ dàng chia sẻ, đùm bọc người tứ xứ nhập cư.

Nói chuyện với nhiều người bạn Mỹ, các bạn đều nhận xét rằng, có gì đấy khá giống nhau giữa sự hình thành, phát triển Sài Gòn với nước Mỹ nói chung và với những thành phố lớn như New York chẳng hạn. Và nếu như ở nước Mỹ có một ngày *Thanksgiving* thì tôi chỉ mong rằng, những người đã đến Sài Gòn sinh sống làm ăn, hãy có một lần thôi, nhớ đến sự rộng rãi sẻ chia của vùng đất này. Và nếu được, hãy coi mình là “người Sài Gòn”, vì Sài Gòn bao dung với mọi người, không bao giờ phân biệt bất cứ ai đến với Sài Gòn.

Sài Gòn 31.1.2014

Tản mạn Sài Gòn cà phê

Quán cà phê vỉa hè

Từ nhỏ tôi đã thuộc lòng tùy bút *Cây tre Việt Nam* của nhà văn Thép Mới. Nhiều lần lang thang quán xá tôi chợt nghĩ có thể dùng lối ví von như thế để nói về cà phê ở Sài Gòn. Này nhé: *Sài Gòn có muôn vàn quán xá khác nhau, quán nào cũng đẹp, quán nào cũng mát... nhưng thân thuộc nhất vẫn là quán cà phê. Cà phê vỉa hè, cà phê máy lạnh, cà phê nhạc, cà phê sách, cà phê sân vườn, cà phê*

salon văn hóa... Đâu đâu ta cũng có quán cà phê làm bạn. Quá được, phải không?

Nói đến cà phê Sài Gòn đầu tiên phải nói đến cà phê vỉa hè vì nó có mặt khắp nơi, từ người bình dân đến công chức, từ già đến trẻ hay sồn sồn trung niên, từ đàn ông đến đàn bà... đều có thể tạt vô mua một ly mang đi, hoặc kéo ghế nhựa ngồi uống một mình hay trò chuyện chốc lát cùng bạn bè, có thể sáng ghé rồi trưa lại ghé, có thể chiều đi làm về cũng ghé, ngồi lễ đường nghe ngọn gió trên cao lùa về mát rượi, thấy lòng thanh thản sau một ngày vất vả mưu sinh.

Bất cứ quán “cà phê vỉa hè” nào cũng có “không gian địa lý” là vỉa hè một con đường nào đó, dưới tán cây cao hay cạnh bức tường loang lổ vôi bạc màu, hay sát lề con hẻm nhỏ xe cộ ra vô thường xuyên... Cà phê vỉa hè ở gần công sở, cửa tiệm, khu dân cư, trường học, có khi ở ngay những con hẻm toàn biệt thự sang trọng... vậy nên “không gian xã hội” của mỗi quán là dân văn phòng, công chức, có quán chủ yếu là sinh viên học sinh, có quán chỉ bán cho bà con trong hẻm, quán lại phục vụ khách qua đường là chính... Nhưng mọi quán đều giống nhau: thức uống chính là cà phê, dĩ nhiên, cà phê “vợt”, cà phê phin đen như than, cà phê sữa nâu sẫm, và cà phê nào cũng rất đắng! Vài chai nước ngọt, sữa đậu nành, có khi có thêm vài trái cam, hũ chanh muối... rồi tủ thuốc lá với mấy cây kẹo cao su. Dù là khách quen hay lạ thì chủ quán cũng đón tiếp vui vẻ, chiều theo sở thích, có quán còn khuyến mãi ly trà đá... Bình dân và bình đẳng là cà phê vỉa hè.

Ở cà phê vỉa hè có thể bắt gặp ai đó yên lặng một mình, mở laptop xài ké wifi của công sở gắn bên, hay nhóm đồng bạn bè “tám” chuyện trên trời dưới đất, chuyện quốc nội quốc ngoại...; có những người đến đó gặp nhau bàn công chuyện, uống ực cái hết ly cà phê thì chuyện cũng xong, lại lao ra đường đi làm ăn tiếp. Lại có khi nhìn thấy anh chị kia ngồi rù rì chốc lát rồi lên xe chở nhau đi mất... Ở cà phê vỉa hè giải trí có, làm ăn có, lãng mạn có, chuyện thể sự có, và chẳng làm gì, ngồi “giết thời gian” cũng có... Ở đó tràn đầy sự năng động nhưng cũng là những khoảng lặng đáng yêu của người Sài Gòn.

Bạn tôi là một nhà thơ, nói: nhiều tác phẩm văn chương đã ra đời từ những quán cà phê vỉa hè Sài Gòn. Tôi chẳng phải dân văn thơ nhưng cũng đồng ý với bạn: cà phê vỉa hè Sài Gòn luôn mang lại cho người Sài Gòn những ý tưởng và sức sống mới. Hơn thế, nó làm cho ai một lần đến Sài Gòn, ngồi cà phê vỉa hè sẽ không quên ấn tượng về nó, bởi mỗi quán cà phê vỉa hè là một Sài Gòn thu nhỏ.

Vỉa hè của quán cà phê

Sài Gòn có hàng ngàn quán cà phê lớn nhỏ trong những ngôi biệt thự, nhà phố, chung cư... khác nhau, hợp thành một loại quán “có nhà” khác với quán lề đường, vỉa hè hay cà phê bệt ở công viên. Hầu hết những quán này thuộc hai loại cà phê sân vườn hoặc quán có máy lạnh, hoặc kết hợp cả hai. Không khí dễ chịu hay không của

một quán cà phê thường được tạo nên bởi ba yếu tố: chủ quán (sở thích, thẩm mỹ, ý tưởng) - khách đến quán - không gian (nội, ngoại thất) của quán. Những quán như vậy thường không quá sang trọng, giản dị thôi nhưng trang trí khá bắt mắt, có *gout* riêng tạo nên sức hấp dẫn với nhiều khách hàng. Có những quán dường như không bao giờ đông khách, chủ quán cũng không trông chờ điều đó mà chỉ mong chờ vài người khách “ruột” đến đây chỉ ngồi yên lặng lắng nghe một bản nhạc jazz hay ngắm một bức tranh. Có những vị khách chỉ thích tìm quán vắng, nghiền ngẫm một cuốn sách hay lặng lẽ lướt web, ngồi cả buổi với ly cà phê đá đã cạn và đã thêm vài ly trà đá... Chủ quán cũng không sốt ruột. Một sự sẻ chia thầm lặng đã kết nối chủ và khách, đó là cà phê hay là gì khác?

Nhiều quán như vậy ta có thể bắt gặp trên bất cứ con đường nào. Đó là những căn nhà phố dùng mặt tiền mở quán cà phê. Quán không lớn, thậm chí nhỏ thôi, thường có hai không gian rõ ràng là trong nhà và ngoài vỉa hè, ngăn cách nhau bằng tấm cửa kính mờ. Trong nhà là quầy nước, nơi tính tiền, vài bộ bàn ghế hay salon khác nhau từng quán, máy lạnh mát rượi, nhạc êm dịu, ánh sáng vừa đủ... bên ngoài dưới mái hiên hay dưới mấy cây dù là hai, ba cái bàn, vài cái ghế nép sát cửa nhà.

Vì sao những quán cà phê này luôn có một phần quán trước cửa nhà như vậy? Có thể trả lời được ngay: là để tận dụng mặt bằng “công cộng” mở cho không gian của quán rộng thêm một chút. Khoảng vỉa hè này, nhà nào buồn

bán cũng “lấn chiếm”, khi để xe của khách, khi trưng bày hàng hóa sáng mang ra đến chiều tối lại mang vô. Nhiều nơi còn có gánh hàng rong chiếm cứ. Vậy thì tại sao không tận dụng để bộ bàn ghế, cây dù, vừa thêm chỗ ngồi vừa “tiếp thị” cho người đi đường để nhận biết về quán.

Nhưng có lẽ không chỉ là như vậy. Ngoài vỉa hè có khi nắng sớm nắng chiều chói chang, có khi mưa tạt ướt hết, vậy mà hầu như lúc nào cũng có khách ngồi đây. Ngồi đây quay mặt ra đường, buổi sáng khách thông thả đọc báo và uống cà phê, buổi chiều có thể ngồi đó một mình nhìn ngó đường phố tấp nập hay vắng lặng, trong ngày có khi chỉ ghé qua, dựng vội chiếc xe, kêu một ly cà phê đá, uống nhanh rồi xuống đường đi tiếp. Chủ quán chỉ cần nghe kêu là nhanh chóng phục vụ, có khi mời anh/chị vô trong nhà mát hơn, khi lại nói anh chị ngồi ngoài này cho thoáng... Vỉa hè trước cửa như không gian mở rộng của từng căn nhà phố. Nó là nơi giao thoa của đường phố và căn nhà, thể hiện cái riêng của từng ngôi nhà trong cái chung của đường phố, của khu vực ấy. Có thể cảm nhận không gian văn hóa riêng - chung của nhà và phố không cắt rời mà linh hoạt kết nối với nhau bằng khoảng vỉa hè, như người Sài Gòn phóng khoáng cởi mở trong giao tiếp mà vẫn tạo ra khoảng riêng tư cho mỗi con người.

Nhiều người nói những quán cà phê mở ra khoảng không gian vỉa hè ở Sài Gòn là tiếp thu từ phong cách cà phê Paris (nói riêng, hay là phong cách cà phê Pháp nói chung). Ngồi đó, nhàn tản ngắm người qua đường

và cuộc sống đang diễn ra trước mắt, phiếm đàm về thời cuộc về văn chương... ấy là cà phê Paris của văn nghệ sĩ, của tầng lớp trung và thượng lưu. Dấu ấn ấy, nếu có ở Sài Gòn thì nay còn thấy ở những quán cà phê lâu đời trên đường Đồng Khởi, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... thuộc khu trung tâm thành phố. Còn những vỉa hè của quán cà phê mà tôi kể trên đây có mặt trên các con đường lớn nhỏ ở khắp các quận huyện của thành phố, nó là của phần đông người Sài Gòn luôn năng động nhưng nhiều lúc cũng cần cho mình khoảng lặng bình yên.

Cà phê vỉa hè và vỉa hè của quán cà phê là không gian văn hóa cà phê đặc trưng của Sài Gòn. Khi nghe tôi bảo tôi là dân cà phê vỉa hè, bạn nói “thì tôi cũng hay ngồi cà phê vỉa hè đấy chứ”. Tôi cười “vâng, ông ngồi cà phê vỉa hè Hàn Thuyên bàn cao ghế nệm có người phục vụ đeo tạp dề tinh tươm, làm sao ‘xịn’ bằng tôi ngồi ghế thấp bàn nhựa, tự phục vụ và có thể... ký sổ nợ thoải mái nếu chưa đến ngày lãnh lương”.

Vậy nên viết cái tạp bút này, nếu mạnh dạn gửi đăng báo biết đâu có vài đồng nhuận bút để bon chen cà phê Hàn Thuyên với bạn, thử xem mình có thể trở thành “thượng lưu” được chút nào không? Mà thôi, không có nhuận bút thì vẫn đủ tiền rủ bạn ra cà phê vỉa hè, mình cứ là mình là hay nhất, phải không?

Sài Gòn 5.9.2013

Tản mạn về Tết đô thị

Cuối năm. Sài Gòn quanh năm nắng nóng nhưng vào những ngày tháng Chạp tiết trời se lạnh làm cho lòng người nao nao nhớ Tết. Vậy nhưng nhịp sống ở Sài Gòn dường như lại vội vã hơn. Có thể nhận thấy đô thị ngày nay có nhiều thay đổi trong dịp Tết, nhịp sống công nghiệp mang lại “sự chuyển dịch” từ “truyền thống, hướng nội” sang “hiện đại, hướng ngoại”. Nếu trước đây ngày Tết thực sự từ ngày 23 tháng Chạp thì giờ đây, việc đón chào năm mới đã đến sớm hơn, vào dịp Noel và Tết dương lịch.

Dù ở các đô thị thì tính chất truyền thống của Tết Nguyên đán vẫn là sum họp gia đình và mừng thọ ông

bà cha mẹ, cầu mong một năm mới tốt lành. Ba ngày Tết là ba ngày của gia đình và bà con, bạn bè thân thiết. Hiện nay việc ăn Tết, chơi Tết đã có nhiều dịch vụ, từ các loại thực phẩm đến các tour du lịch, các gia đình hầu như không cần phải quá lo lắng vì chỉ cần có tiền đi siêu thị một buổi là đầy đủ. Tất cả những điều đó làm cho Tết ở đô thị đáng yêu vì cái vẻ “truyền thống mà hiện đại”, mà cũng có một chút ngậm ngùi, dường như cái bận rộn của sự lo lắng, cái tình nghĩa của sự thiếu thốn, cái ấm áp của sự sum họp... đang mất đi đã mang theo ký ức của nhiều thế hệ.

Người nhập cư thì từ rằm tháng Chạp đã bươn bả về quê, các thành phố lớn vắng hẵn. Ngày Tết là dịp người đi làm ăn xa tìm mọi cách quay về sum họp gia đình, trừ một số ít người hoặc không có điều kiện thời gian, tiền bạc hoặc do đã có gia đình ở thành phố. Tết xa quê thì sẽ nhớ nhà nhiều hơn, nhưng hiện nay có nhiều phương tiện như điện thoại, Internet giúp người ở xa có thể “gặp gỡ” người thân trong gia đình. Những sự khác biệt nhỏ nhỏ về tập tục nơi đô thị và chốn làng quê không làm ảnh hưởng gì lớn đến tâm lý mà trái lại, càng làm cho vốn sống, vốn văn hóa của những “thị dân mới” phong phú hơn. Họ cũng dễ thích nghi vì “nhập gia tùy tục”, và lại ngày Tết ở đâu thì cũng có ý nghĩa như ở quê hương.

*

Gia đình tôi là Nam Bộ tập kết ra miền Bắc nên từ sau 5/1975 thì trở về Sài Gòn. Tết 1976 là cái Tết sum họp của

gia đình nội ngoại sau hai mươi năm chiến tranh xa cách nên rất cảm động. Lần đầu tiên tôi được ăn Tết ở quê - điều mà khi còn ở miền Bắc tôi luôn mơ ước. Được biết cách gói bánh tét bánh ít, làm những món ăn Nam Bộ trong ngày Tết như thịt kho tàu, dưa chua, giò thủ... Ngày Tết ở miền Tây đẹp nhất là khắp thôn xóm những cây mai nở hoa vàng rực rỡ trong nắng ấm...

Vậy nhưng “nơi tôi sinh Hà Nội”. Cho đến bây giờ ký ức những ngày Tết ở Hà Nội chưa bao giờ phai mờ trong tôi. Gần Tết là chuyện xếp hàng mua các loại thực phẩm bánh kẹo theo tem phiếu, mỗi nhà được một túi nilon trong có hộp mút có vẽ cảnh đào và phong pháo đỏ, gói kẹo, bánh pháo, vài bao thuốc lá, miếng bóng (da lợn khô), gói miến, gói nhỏ mì chính (bột ngọt). Chỉ thế thôi nhưng có cái túi đó trong nhà là thấy Tết đã về. Rồi xếp hàng mua đậu xanh, nếp, ra chợ mua lá dong chuẩn bị gói bánh chưng. Má tôi ra chợ ngoại ô mua lá chuối để gói bánh tét. Tối 29, 30 Tết cả khu tập thể đỏ lửa, hai ba nhà chung nhau một nồi nấu bánh, trẻ con thì náo nức từ ngày được nghỉ Tết... Những ngày Tết không dư dả nhưng đầy ắp tình cảm gia đình, hàng xóm. Hà Nội những ngày giáp Tết luôn là những ngày đẹp nhất trong ký ức của tôi.

Ba ngày Tết. Mưa phùn như rây, lạnh buốt, hương thơm nổi nước lá mùi già tẩm gọi “tất niên”, bình hoa thực được rực rỡ trên bàn thờ, bình hoa violet tím và hoa lay ơn trắng trên bàn nước... những màu sắc mùi vị

ấy có thể vẫn còn nhưng khó mà tìm lại được cảm xúc như xưa. Có lẽ vì Hà Nội bây giờ đã giàu sang hơn trước...

Những năm sau này ăn Tết ở Sài Gòn với hoa mai và nắng vàng rực rỡ tôi lại nhớ Tết Hà Nội với hoa đào trong ngày mưa phùn giá lạnh. Tết mỗi miền có một sắc thái riêng nhưng vẫn là Tết Việt Nam. Mà không chỉ trong nước, bất cứ nơi nào trên thế giới có người Việt là có Tết Việt. Hai chữ “đồng bào” “một mẹ” trở nên thiêng liêng hơn trong thời khắc giao thừa.

Sài Gòn 25.12.2014

Tên đường phố - di sản văn hóa của đô thị

Tên đường phố phản ánh lịch sử - văn hóa của quốc gia nói chung và của thành phố ấy nói riêng, bao gồm các yếu tố đặc trưng của địa lý tự nhiên, tên nhân vật, sự kiện lịch sử, văn hóa... Nhìn chung tên đường phố cần phải dễ nhớ, thuận tiện cho nhân dân sinh sống tại thành phố cũng như khách vãng lai, vừa phải khoa học phục vụ cho công tác quản lý hành chính. Quan trọng hơn, tên đường phố và công trình công cộng còn là “vốn văn hóa”, dần dần sẽ trở thành di sản văn hóa phi vật thể, ghi lại dấu ấn những chính quyền đô thị đã

góp phần tạo nên và làm giàu thêm cho vốn văn hóa của thành phố. Vì vậy, tên đường phố (nói riêng, tên gọi các công trình văn hóa, công trình công cộng nói chung) cần mang tính ổn định, hạn chế tối đa sự thay đổi và được tồn tại ít nhất qua vài thế hệ cư dân.

Để tên đường phố (và công trình công cộng) có thể bền vững với thời gian thì nó cần mang những ý nghĩa và giá trị không chỉ đã bền vững trong quá khứ mà còn cần phải được bền vững trong tương lai. Những gì mang tính “đặc thù” thường có giá trị nhất thời, khó có thể bền vững qua thời gian. Do đó, người ta thường sử dụng những danh từ mang ý nghĩa những giá trị nhân văn vĩnh cửu của nhân loại mà bất cứ dân tộc nào, quốc gia nào cũng hướng tới, như Độc lập, Tự do, Dân chủ, Hòa bình...

Đó còn là tên gọi của những sự kiện lịch sử quan trọng nhất của quốc gia, của thành phố; là tên những nhân vật lịch sử, nhà văn hóa, nhà khoa học... có công lao đặc biệt đã được thời gian “kiểm chứng” ý nghĩa và những đóng góp của họ cho công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Những địa danh lịch sử - văn hóa nổi tiếng của đất nước, của vùng miền, là những địa danh dân gian, truyền thống, tuy hôm nay nhưng được cộng đồng yêu quý, khi đi xa vẫn luôn nhớ đến cũng làm nên sự bền vững của tên đường phố, vì nó phổ biến trong cộng đồng, thực sự trở thành niềm tự hào của cư dân, đã trở thành một phần ký ức đô thị, có giá trị như những bài học lịch sử - văn hóa được lưu truyền qua nhiều thế hệ.

Sự bền vững thể hiện ở tính khoa học của việc đặt tên đường phố theo đặc trưng của quy hoạch đô thị như trong một “ô bàn cờ” hay tuyến đường “xương cá”: các nhân vật, sự kiện hay địa danh trong khu/tuyến này có mối liên hệ với nhau, nhắc đến một tên đường thì có thể nhớ và tìm ra nhiều đường phố khác. Việc đặt tên đường phố phù hợp với cách thức quản lý khoa học bằng những phương tiện hiện đại cũng là yếu tố quan trọng tạo nên sự bền vững của nó.

Tên đường phố là “tài sản” của toàn bộ cư dân đô thị chứ không phải chỉ của những người đặt tên và quản lý đường phố. Vì vậy, cộng đồng cần được tham gia vào quá trình đặt tên đường (hoặc đổi tên đường khi thực sự cần thiết), bắt đầu từ việc đóng góp cho “ngân hàng tên đường”. Cơ quan chức năng tiến hành nghiên cứu và phản hồi cho người dân về những tên gọi mà người dân đóng góp; công bố rộng rãi “Quỹ tên đường” gồm những tên gọi đã được xác nhận giá trị và ý nghĩa theo tiêu chí khoa học và phù hợp với văn hóa Việt Nam; trước khi đặt/đổi tên đường ở đâu thì cư dân nơi đó cần được biết trước để cơ quan chức năng lấy ý kiến tham khảo cho phù hợp.

Vùng đất Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh có lịch sử ba nghìn năm và quá trình ba trăm năm đô thị, vùng đất của nhiều tộc người đã làm nên sự phong phú và đa dạng về văn hóa... Quá trình đô thị hóa đã và đang mở rộng, thêm nhiều khu dân cư mới, nhiều con đường, cây

cầu, công trình công cộng đẹp đẽ, hiện đại. Mong sao qua tên đường phố và các công trình công cộng, nhân dân cả nước, du khách và nhân dân thành phố bây giờ và sau này sẽ có những hiểu biết đầy đủ về lịch sử - văn hóa thành phố chứ không chỉ biết về một giai đoạn ngắn ngủi là nửa sau thế kỷ XX.

Khi người dân yêu quý lịch sử thì họ sẽ bảo vệ những di sản văn hóa của thành phố.

Sài Gòn 14.12.2013

Thị dân và văn hóa đô thị

Thị dân là gì? Câu hỏi tưởng chừng có câu trả lời đơn giản nhưng hóa ra lại khá phức tạp. “Thị dân” tất nhiên là người sinh sống ở các vùng đô thị. Nhưng như thế nào là “sống” hay “lối sống” ở đô thị, và một nơi như thế nào mới được xem là “đô thị”? Những câu hỏi tưởng chừng đơn giản này lại được hiểu, rồi có những định nghĩa khá phức tạp bởi vì thị dân và lối sống thị dân góp phần không nhỏ tạo nên diện mạo một đô thị. Và quan trọng hơn, lối sống thị dân sẽ quyết định “thương hiệu” của đô thị, nhìn từ góc độ văn hóa.

Trước đây người ta hiểu “thị dân” là người sống ở đô thị. Nhưng giờ đây với sự phát triển đa dạng của đô thị và sự phức tạp của quá trình đô thị hóa, cách hiểu này chưa đầy đủ. Không thể định nghĩa “thị dân” bằng cách xác định nơi sinh sống mà phải từ khía cạnh văn hóa của người sống ở đô thị. Từ điển Đô thị (một *Từ điển mạng* có tên là *urbandictionary.com*) đưa ra một vài đặc điểm nhận dạng thị dân và văn hóa thị dân như sau:

“Thị dân” là người sinh sống ở một trong những thành phố lớn trên thế giới. Là người tiêu dùng khá giả, có quan điểm sống lạc quan và rất khác những người sống ở “thị trấn nhỏ” hoặc khu vực nông thôn.

Văn hóa thị dân vừa là một tiểu văn hóa (subculture), vừa là một lối sống hiện đại. Thị dân có sáu đặc điểm chính: Thiếu thời gian, tự hào về văn hóa đô thị, có hiểu biết về truyền thông (media-literate), có ý thức về thương hiệu hàng hóa, tiêu dùng theo thị hiếu (trend-sensitive) và có ý thức về văn hóa”.

Ở đô thị Thời trung cổ, lối sống của thị dân thường tuân theo (và được quy định bởi) định chế ngặt nghèo về đẳng cấp của triều đình cầm quyền và những quan niệm đạo đức của tôn giáo. Những yếu tố này làm cho lối sống thị dân - tuy nhiều thành phần khác nhau, nghề nghiệp khác nhau - nhưng tạo nên được những đặc điểm riêng của từng kiểu đô thị: đô thị hành chính, chính trị khác đô thị kinh tế, thương nghiệp, đô thị trung tâm cả nước, trung tâm vùng miền đa chức năng khác đô thị nhỏ chỉ có chức năng hành chính của một khu vực nhỏ...

Sang thời kỳ cận - hiện đại sự hình thành đô thị công nghiệp gắn liền với quá trình đô thị hóa, lối sống, nhịp sống thời công nghiệp tạo nên văn hóa đô thị hiện đại. Nếu không có quá trình nhập cư đông đúc với mật độ cao thì đô thị hiện đại không thể thực hiện vai trò là trung tâm đa chức năng của một khu vực rộng lớn. Do vậy, văn hóa đô thị phản ánh những ứng xử của cộng đồng người sống trong môi trường xã hội có sự khống chế về không gian nhưng về dân cư thì luôn có xu hướng tăng nhanh và mang tính bất thường. Nhìn từ phương diện kỹ thuật, tại đô thị luôn xuất hiện những phương tiện vật chất mới phục vụ và giải quyết những nhu cầu của cuộc sống hiện đại. Thói quen ứng xử với những phương tiện mới phản ánh khá chính xác lối sống thị dân và văn hóa đô thị. Đô thị hiện đại có nhiều đặc trưng, trong đó có hai đặc trưng quan trọng nhất là giao thông và truyền thông.

Về giao thông. Thị dân dường như luôn thiếu thời gian cho mọi hoạt động, mọi nhu cầu của mình, vì vậy không đâu tập trung nhiều phương tiện và đầu mối giao thông như ở đô thị, đô thị càng lớn phương tiện giao thông càng nhiều, kéo theo hệ thống đường sá cầu cống phát triển và hoàn thiện. Nhu cầu giao thông trong đô thị/giữa các đô thị với nhau là yếu tố chủ đạo cho những phát minh mới về phương tiện và kỹ thuật giao thông, trong đó có phương tiện công cộng. Sử dụng phương tiện giao thông công cộng là một đặc điểm của thị dân, tạo nên và củng cố thói quen đúng giờ, xếp hàng, tuân thủ quy định về an

toàn giao thông, khuyến khích hoạt động cá nhân như đọc sách, nghe nhạc, lướt web... đồng thời hạn chế thói quen gây ảnh hưởng đến người xung quanh như nói to, xả rác... trong không gian hẹp và đông như xe bus hay metro. Ngay cả việc sử dụng phương tiện giao thông cá nhân cũng đòi hỏi sự tôn trọng không gian công cộng: dùng xe đúng đèn tín hiệu, đúng vạch, đi đúng làn đường... để bảo đảm an toàn cho mình và cho người khác. Tiến tới ứng xử văn hóa hơn: sẵn sàng nhường đường cho người đi bộ, người khuyết tật, ở giao lộ và khi tắc đường... Tức là tuân thủ luật pháp và sự tuân thủ ấy trở thành quy tắc đạo đức trong hành xử hàng ngày. Khi ấy văn hóa giao thông ở đô thị là chuẩn mực cho nhiều tiểu vùng văn hóa khác.

Về truyền thông. Ngày nay đô thị là nơi tập trung dày đặc những con người làm việc không thể thiếu máy tính và mạng Internet. Đây cũng là nơi thu nhận và lan tỏa tất cả các loại thông tin “nóng” hay “nguội” bằng nhiều hình thức truyền thông: báo chí in, ti vi, đài phát thanh, Internet (báo mạng, các mạng xã hội...). Sự hiểu biết về truyền thông trong xã hội hiện đại chính là sự đòi hỏi người tiếp nhận thông tin phải có trách nhiệm chọn lọc cho mình và cho người khác.

Gần đây từ một tờ báo mạng có câu chuyện bịa đặt về nổi hủ tít nấu bằng chuột cống, tin này nhanh chóng lan trên các báo mạng khác, rồi bùng lên trên nhiều mạng xã hội. Sự việc này nói lên điều gì về văn hóa ứng xử với thông tin của thị dân thời hiện đại? Đó là, khi báo viết bài

bịa đặt hoặc không được kiểm chứng thì thông tin đó có khả năng gây hại cho bao nhiêu gia đình, bao nhiêu con người. Vậy nhưng nhiều người đã tiếp tay cho loại tin tức đó khi link về Facebook của mình, bàn tán, lên án... mà thực sự cũng chẳng biết nguồn tin thật giả thế nào. Báo mạng lá cải và các blogger vô trách nhiệm với thông tin mình tung lên mạng xã hội. Những tin tức như thế lan truyền trên mạng chính là những số phận con người bị vớt ra giữa xa lộ thông tin.

Thế giới mạng có thể làm người ta nổi tiếng nhưng cũng có thể làm người ta “thân bại danh liệt” chỉ trong chớp mắt. Vì vậy ứng xử với thông tin thời hiện đại không thể bằng kiểu “dư luận” đồn thổi của làng xã như xưa kia. Truyền thông nào xã hội ấy, và ngược lại. Nhìn vào văn hóa đô thị qua truyền thông có thể nhận biết văn hóa của thị dân.

Nhìn từ góc độ nhân văn, trong không gian đô thị từng cá nhân và từng gia đình ít bị ràng buộc bởi các mối quan hệ chằng chịt như ở thôn quê. Ở nông thôn giữa hai người, hai gia đình có khi vừa là quan hệ huyết thống, vừa là láng giềng, lại vừa có cùng lợi ích kinh tế (cùng làm nông nghiệp hay một nghề thủ công nào đó chẳng hạn)... do đó tính cộng đồng cao hơn. Còn ở đô thị thì mối quan hệ cùng lợi ích kinh tế là quan hệ chính (buôn có bạn, bán có phường) hoặc quan hệ chính trị như cùng giai cấp/đẳng cấp. Quan hệ láng giềng hay huyết thống vẫn duy trì nhưng là thứ yếu và không phổ biến. Vì vậy, quan hệ của

thị dân làm sao vừa giữ được tính truyền thông trong sự quan tâm giúp đỡ nhau, đồng thời cũng cần giữ “khoảng cách” nhất định để tôn trọng cá nhân và không gian riêng của từng người, từng gia đình, từng cộng đồng nhỏ hơn (cùng chung tôn giáo, tín ngưỡng, chung nghề nghiệp, sở thích...).

Bên cạnh sự điều hành của chính quyền đô thị với những quy tắc, luật lệ phù hợp sinh hoạt và vận hành của đô thị, các tổ chức cộng đồng xã hội cần được tạo điều kiện để phát huy trách nhiệm của mình với sự phát triển của đô thị. Đây là điều kiện quan trọng để đô thị phát triển bền vững.

Qua hàng chục hàng trăm năm, lối sống, văn hóa đô thị được hình thành qua nhiều thế hệ thị dân. Tuy nhiên, khi đô thị chịu nhiều biến động, có những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư trong một thời gian ngắn thì không kịp di truyền và củng cố lối sống thị dân và văn hóa đô thị. Vì vậy, giữ cho đô thị ổn định về dân cư, nhất là khu vực trung tâm, tránh những xáo trộn lớn gây bất ổn định về tâm lý, lối sống, văn hóa... chính là một trong những phương cách gìn giữ đặc trưng văn hóa đô thị. Như vậy thị dân mới có thể tích lũy những hiểu biết về văn hóa, từ đó tự hào về văn hóa đô thị, tiến tới xây dựng thương hiệu riêng cho mỗi đô thị.

Sài Gòn 22.12.2013

Thương nhớ những cây cầu

Sài Gòn - Chợ Lớn là đô thị sông nước, hẳn rồi. Vì thế đây cũng là thành phố có nhiều cây cầu cổ xưa, từng giữ vai trò quan trọng của hệ thống giao thông đường bộ trong quá trình đô thị hóa gần suốt thế kỷ XX. Lang thang Sài Gòn - Chợ Lớn, nhìn ngắm những cây cầu mới hay cũ như đang được gặp gỡ những “chúng nhân” của từng giai đoạn lịch sử thành phố.

Khu vực Sài Gòn - Gia Định có những cây cầu nổi tiếng như cầu Thị Nghè, cầu Bông, cầu Bình Lợi, cầu Kinh, cầu Kiệu, cầu sắt Đa Kao, cầu Trương Minh Giảng,

cầu Công Lý... rồi cầu Ông Lãnh, cầu Mống, cầu Khánh Hội, cầu Calmette, cầu Kho, cầu Muối, cầu chữ Y... xây dựng trong nửa đầu thế kỷ XX. Đến nay hầu hết những cây cầu này vẫn còn và đã sửa chữa nhiều lần hoặc được xây mới nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông ngày một tăng của đô thị lớn nhất nước. Những cây cầu ở khu vực này cho thấy một Sài Gòn hiện đại, trẻ trung đang ngày một đẹp hơn.

Khu vực Chợ Lớn kinh rạch chằng chịt. Những con kinh chính ở Chợ Lớn là kinh Tàu Hủ đoạn từ Xóm Chi (đường Tân Đà đến rạch Lò Gốm), rạch Chợ Lớn (đoạn chảy từ Xóm Chi hướng về phía Bắc vào Chợ Lớn, Tây đến giáp nước rạch Chợ Lớn - rạch Lò Gốm và kinh Vòng Thành (đường Nguyễn Thị Nhỏ ngày nay); kinh Bãi Sậy (kinh Hàng Bàng, Canal Bonard) và kinh Vòng Thành (Bao Ngạn - Canal de Ceinture, được đào năm 1875 nhưng chỉ vài chục năm sau đã bị lấp đi vì xóm Lò Gốm không còn hoạt động nữa)... Từ những con kinh này có hàng chục rạch nhỏ tỏa đi khắp khu vực như những mạch máu li ti nuôi dưỡng sức sống ngày đêm của một đô thị thương mại lớn nhất phía Nam. Vùng này cũng có những cây cầu nổi tiếng như cầu Chữ Y, cầu Nhị Thiên Đường, cầu Chà Và...

Chỉ cần đi dọc theo những con kinh có thể còn nhìn thấy những cây cầu sắt cổ xưa đã già nua lắm rồi: trên kinh Tàu Hủ có cầu Xóm Chi, cầu Bình Tây, cầu Chữ U... Trên kinh Bãi Sậy - Hàng Bàng có cầu Gò Công... Một số

cây cầu khác chỉ được gọi đơn giản là “cầu sắt” để phân biệt với cầu xi măng, mặt cầu còn lốt ván, có cầu thang đi lên, nay chủ yếu dành cho người đi bộ và xe đạp. Đoạn cuối kinh Tàu Hũ ở quận 8 còn vài cây cầu sắt in bóng trên dòng kinh đen cùng bóng dừa, vài chiếc ghe miền Tây neo lại nổi lửa trên bếp cà ràng cho bữa cơm chiều... dường như chốn thị thành xa lắm, dù chỉ bên kia cây cầu đã là đại lộ với tám làn xe chạy thênh thang...

Kinh rạch vùng Chợ Lớn đã bị lấp nhiều do tốc độ đô thị hóa và sự hoàn thiện của đường bộ, do đó nhiều cây cầu cũng biến mất theo, chỉ có thể “nhìn thấy” qua những bức ảnh xưa như cầu Ba Cánh, vài cây cầu đã thành đường như cầu Minh Phụng, Lò Gốm, cầu Quới Đức, cầu Gò Công...

Ngày cuối năm ngói ở quán cà phê nhỏ trên đường Hoàng Sa, trước mặt là công trường chuẩn bị xây dựng lại cầu Kiệu. Hai cầu tạm đã được bắc xong, đường dẫn vòng cũng đang hoàn thành, cần cầu đã được đưa về phía đầu cầu, xà lan đã neo ở chân cầu... Giờ này còn vắng chừ vào giờ tan tầm con đường này cây cầu này thường kẹt đường chen chân không lọt. Theo thiết kế, các cây cầu huyết mạch đang được xây mới như cầu Bông, cầu Kiệu, cầu Lê Văn Sĩ, cầu Hậu Giang có kiến trúc đẹp, hiện đại, nâng cao tính không cho ghe tàu có thể lưu thông trên sông rạch, Nhiêu Lộc - Thị Nghè hay Bến Nghé, kinh Đôi... sẽ hồi sinh, sức sống của thành phố sông nước sẽ ngày càng tươi mới.

Theo đà phát triển, nhiều kinh rạch ở nội thành ngoại ô đã bị lấp để xây dựng thành đường bộ, thành phố liên lạc hơn mở rộng hơn xưa nhiều lần nhưng hiện tượng ngập nước khi mưa, vào những ngày “triều cường” cũng nhiều hơn... Đi đường bộ quen rồi lại thấy những cây cầu là “chướng ngại”... Không khéo sau này ký ức về các cây cầu chỉ còn lưu lại ở địa danh bởi cầu mới không khác gì đường bằng, qua cầu cũng chỉ như đi trên một đoạn phố thị mà thôi.

Vậy nên giờ này ngồi đây mà đã thương nhớ những cây cầu xưa quá chừng quá đổi...

Sài Gòn 3.2.2014

Vẫn nhớ về cây xanh thành phố

Đối với tôi và nhiều người, những hàng cây cổ thụ ở Hà Nội, Sài Gòn không chỉ là cây xanh, mà còn là kỷ niệm, ký ức, là nỗi nhớ là hồn vía của đô thị, nơi nhiều người từng sống, đang sống và đến đây kiếm sống! Sống lâu ở đô thị, mỗi hàng cây mỗi góc phố mỗi căn nhà đường phố trở nên thân quen, nó mang lại cảm giác bình yên của một đô thị “đáng sống”, dù cuộc sống vẫn còn quá nhiều bề bộn.

Chiều cuối tháng Bảy đi qua đầu đường Lê Lợi trông thấy cảnh những cây cổ thụ bị cửa ngọn cửa thân một

cách vội vã, lạnh lùng... Nhìn phố trở trọi... bỗng ứa nước mắt. Con đường Đồng Khởi có vài khoảnh xanh ở công viên Chi Lăng, ở công viên trước Nhà hát Lớn... từ gần trăm năm nay thế là không còn nữa. Mấy tòa Vincom mọc lên, Eden biến mất, tòa nhà cổ năm tầng đối diện Vincom cũng bị san bằng rồi. Chưa biết đẹp ở đâu (và có đẹp không?) nhưng một phần ký ức rất đẹp của Sài Gòn đã vĩnh viễn ra đi.

Có phải cứ hiện đại là phải trả giá bằng cách triệt hạ thiên nhiên như thế này không?! Sài Gòn đã không còn gì của ba trăm năm, bây giờ những gì của một trăm năm cũng sắp mất hết! Nếu vì hiện đại mà chỉ biết chặt cây cổ thụ, chỉ đập cũ xây mới, mà không hề có sự cố gắng giữ lại lịch sử thì có lẽ công việc quản lý đô thị của các sở này ngành nọ, của việc quy hoạch với kiến trúc thật quá dễ dàng!

Đô thị khác nông thôn chính là ở chỗ, mỗi cây xanh trên phố khi trồng khi chặt đều được tính toán cẩn thận, nhất là khi nó đã gần trăm năm tuổi, lại ở trung tâm thành phố, nơi mà có thể coi là tiêu biểu cho đô thị Sài Gòn được xây dựng hơn một trăm năm qua. Hàng cây trên đường phố đô thị không phải như trong cái vườn nhà quê mà khi cần trồng rau hay coi nhà cửa có thể đốn chặt vài cây ăn trái, trừ khi đó là cây trồng với mục đích để lấy gỗ xây nhà. Ở đô thị mà chỉ coi cây thuần túy là cây nên nhiều người đã nói rằng, để có một thành phố hiện đại, để có giao thông hiện đại thì đánh đổi như thế

cũng được! Điều đáng nói là người dân thành phố dường như không hề thấy, không hề biết chính quyền đã có một sự cố gắng để tìm giải pháp nào khả dĩ giữ lại, hoặc trồng lại cây ở đâu đó. Chặt luôn là tiện nhất! Với lý do “hiện đại” nên bao di tích bao cảnh quan là cái hồn của đô thị đã bị phá hoại. Người Sài Gòn mai này còn có gì để nhớ để nói về lịch sử Sài Gòn?

Hay là thôi, Sài Gòn cứ là của những người lạnh lùng đến đến rồi đi, vô cảm lên rồi xuống, chẳng cần phải là Sài Gòn của bao người từng ở, đang ở, từng đến đây và đang yêu quý Sài Gòn mỗi ngày...

Ông bà mình luôn ví cây với người: “Dụng nhân như dụng mộc”, “Vi lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”. Nhìn cách trồng cây có thể biết cách “trồng người”. Nhìn cách đối xử với cây có thể biết con người có được quý trọng hay không. Hình như luôn có sự tương đồng như thế.

Tôi đang làm một nghiên cứu về Khảo cổ học đô thị và việc bảo tồn cảnh quan di sản văn hóa Sài Gòn, nhưng e rằng, khi làm xong thì có lẽ những di sản của Sài Gòn không còn gì nữa. Chẳng lẽ lại cực đoan đến mức mong đừng ai cho vay tiền để “hiện đại hóa” thành phố, vì khi có nhiều tiền nhưng sự hiểu biết và tính nhân văn không tương xứng thì... những gì đã mất đi không bao giờ có thể làm lại và thay thế được, vì đó chính là một phần lịch sử thành phố.

Sài Gòn 24.7.2014

Không gian nào để thở

1. Nhà tôi ở trong một hẻm nhỏ. Phía ngoài là một con đường lớn nổi trung tâm với ngoại ô lúc nào cũng ồn ào xe cộ, ngay cả nửa đêm thì vẫn có những chuyến xe chở rau trái tươi non từ các trang trại vùng ven đi vào các chợ trong thành phố. Vậy nhưng hẻm nhỏ luôn giữ được sự yên tĩnh hiếm có, là nhờ hẻm cụt, chỉ có người ở trong hẻm ngày đi làm hai lần ra vào mà thôi.

Khoảng chục năm trước trong hẻm chỉ có mấy vila ẩn khuất sau những tàng cây xanh rậm rạp. Có xoài có mít, có chuối có vú sữa... mỗi nhà vài cây nhưng lúc nào cũng mát rượi, bước chân vô hẻm như bước vào một không

gian nào khác không phải là một thành phố ồn ào bụi bặm ngoài kia. Vài năm gần đây mới có thêm nhiều ngôi nhà xây kiểu nhà phố, con cái lớn lên dựng vợ gả chồng, xây nhà trong đất vườn nhà cha mẹ, nhiều nhà bán “đất nền” cho người nơi khác đến mua... dân cư trong hẻm đông dần. Hẻm đất được đổ bê tông rộng rãi hẳn, chiều chiều trẻ em đá bóng, cầu lông, thậm chí buổi tối mấy bà mấy chị còn đi vòng vòng tập thể dục nữa. Nhà nhiều hơn mái ngói mái bằng nhà lầu nhà trệt, đất “vườn” ít hơn nhưng màu xanh cây lá lại nhiều lên. Nhà nào cũng trồng vài cây bông giấy, dàn dây leo, mấy giỏ lan. Ai cũng giữ gìn không gian yên tĩnh sạch sẽ, nhờ vậy dù người đông hơn nhiều nhưng hẻm vẫn yên bình, người ra vào gật đầu chào nhau thân thiết...

Mỗi buổi sáng nhìn qua nhà bên thấy trên cây vú sữa có vài chú sóc đuôi xù chạy thoăn thoắt theo mớ dây điện chằng ngang qua cây dừa phía bên kia vườn. Hương ngọc lan tràn vào từ khung cửa sổ, mấy chú chim sẻ tròn quay nhảy lách chích dưới sân... Thiên nhiên sinh động hẳn lên với sự hiện diện của những sinh vật bé nhỏ và mùi hương trong lành. Không gian sống của con người nếu thiếu vắng thiên nhiên thì có còn đáng sống?

2. Thế nhưng chỉ cần bước ra khỏi hẻm thôi là đã thấy vắng hẳn bóng dáng thiên nhiên. Đường lớn mà luôn chật chội bởi xe cộ lúc nào cũng như nước tràn bờ, nhà cửa chen chúc báng hiệu, hàng hóa bán buôn. Lê đường

mới được mở rộng nhưng hàng cây cổ thụ đã bị chặt hết để... trồng lại những cây chỉ cao hơn đầu người còn chẳng chống xung quanh. Giữa cái nắng cái gió cái bụi và có lẽ cả cái ồn ào, thấy thương những cây non phải trăn mình chịu đựng.

Nhà cao tầng san sát biến đường thành “hẻm”, trước sau chỉ thấy tường kính bê tông, muốn nhìn xa hơn chỉ còn cách ngước lên mảnh trời xanh cao tít trên kia. Vậy nhưng cả tháng nay tầm nhìn lên trời cũng bị che nốt bởi hàng trăm dây trang trí chằng ngang đường, đèn nhấp nháy với những bông hoa mai bằng nhựa to như cái mâm, nặng nề đè bẹp cả dòng người xe phía dưới.

Thành phố đến dịp lễ lạt là như vậy. Đường Đồng Khởi hoa chằng kín không để ai nhìn thấy Nhà thờ Đức Bà, đường Lê Lợi hoa giăng chắn hết Nhà hát Lớn, đường Nguyễn Huệ hoa treo khỏi thấy tòa nhà Ủy ban Nhân dân. Năm ngoái năm kia là hoa đào rồi hoa sen đỏ rực nhưng chỉ ở khu vực trung tâm. Năm nay thì hoa mai kéo dài đến tận gần sân bay Tân Sơn Nhất. Không sao, như có người nói, “các tỉnh rất khen”, vậy là OK rồi!

3. Một lần từ sân bay Nội Bài về Hà Nội. Bác tài taxi đi đường Lý Thái Tổ đến đầu đường Ngô Quyền bỗng... quay xe, miệng lẩm bẩm.

- Sao mình lại đi nhầm đường nhỉ?

Tôi hỏi - Sao anh không đi thẳng Ngô Quyền đến Tràng Tiền luôn?

Bác trả lời - Vâng, tôi cũng định đi đường Ngô Quyền mà lại nhầm.

- Nhầm đâu, đường Ngô Quyền đấy thôi!

- Sao trông khác thế, nhận không ra?!

Hóa ra vì những chùm đèn xanh xanh đỏ đỏ treo kín phía trên con đường, kín hai hàng cây. Không còn nhìn thấy Tòa nhà Bắc Bộ phủ đẹp thế, những khách sạn sang trọng hai bên đường chìm hẳn dưới ánh đèn màu nhấp nháy!

Đường Tràng Tiền, Tràng Thi cũng vậy. Tiếc nhất là Nhà hát Lớn hoàn toàn bị những hoa hòe chắn ngang tầm mắt, mà đó là “điểm nhấn” đẹp nhất của cả khu vực này.

Giá mà thay thế những dây hoa lòe loẹt giống hệt nhau khắp các con đường bằng việc chiếu sáng nghệ thuật từng công trình kiến trúc tiêu biểu thì Hà Nội thì sẽ đẹp và sang trọng biết bao nhiêu!

Nhưng không, trang trí bao năm nay vẫn là kiểu “đẹp tập thể”, nhất định không cho “ cá nhân” nào đẹp một mình.

4. Hóa ra bây giờ ở đô thị, muốn “nhìn xa” hơn, thật hơn có khi lại phải chui vào trong hẻm. Vì hẻm là “của chúng mình” còn ngoài đường là “của chúng ta”. Cửa chung tức là... không của ai. Không gian công cộng dường như biến thành “của riêng” cho những “vẫy vùng” lòe loẹt và lãng

phí. Khi những cây xanh bị đốn chặt không thương tiếc, khi mỗi năm “đến hẹn lại... chẳng” những đèn những hoa những băng rôn cờ quạt... thì chúng ta phải nhìn “cái đẹp” giả tạo và già nua trên đường phố. Nhưng hàng cây cổ thụ qua hàng trăm năm vẫn thế, luôn mang lại sự tươi trẻ mỗi khi chúng ta nhìn thấy nó, được đi dưới bóng râm và làn gió mát của nó. Sức sống của đô thị là thiên nhiên mà con người lưu tâm gìn giữ.

Không gian đô thị đã như cái hộp bốn bên kín mít, còn chút bên trên để thở xin đừng bịt nốt!

Sài Gòn tháng 1.2014

Tháng Bảy còn mãi!

Tháng Bảy năm nay Sài Gòn ít ngày mưa, hầu như không thấy rỉ rả mưa Ngâu nhưng hễ mưa thì sập trời sập đất. Dường như ngàn năm qua vợ chồng Ngưu lang Chức nữ thốn thức mãi mà vẫn chia cắt đôi nơi nên giờ gặp nhau họ phải òa khóc nức nở mới trút hết nỗi niềm thương nhớ?

Thật trùng hợp, đúng vào ngày hàng cây trăm năm phía trước Nhà hát Lớn Sài Gòn bị đốn ngã nghiêng la liệt “để xây dựng ga metro ngầm” trời cũng đổ mưa tầm tã; rồi ngày báo đăng tin “Di dời thương xá Tax hơn một trăm ba mươi năm tuổi để xây dựng cao ốc bốn mươi

tầng” lại một cơn mưa kéo dài ngập đường kẹt xe hàng giờ. Chẳng biết nỗi niềm của ông bà Ngâu có bằng sự luyến tiếc nhớ thương của người Sài Gòn với những di tích trên trăm năm tuổi đang bị phá hủy ngay trước mắt hay không mà ông trời cũng phải động lòng như vậy...

Tuyến đường Đồng Khởi - Lê Lợi - Nguyễn Huệ được coi là trung tâm của Sài Gòn. Trong đó đường Đồng Khởi và khu vực vòng xoay Nguyễn Huệ với các công trình kiến trúc đã trở thành tiêu biểu của thành phố như Nhà thờ Đức Bà, Bưu điện Trung tâm, công viên Chi Lăng, các khách sạn Continental, Caravelle, Majestic, khu Eden, nhà sách Xuân Thu, tiệm cà phê Givral, tòa nhà Ủy ban Nhân dân, khách sạn Rex, thương xá Tax... là nơi mà ai sống ở Sài Gòn cũng đều quen thuộc, là nơi bất cứ ai đến Sài Gòn đều ít nhất một lần dạo chơi ở đó. Vậy mà nay nhiều công trình đã biến dạng và biến mất. Lần lượt từng dấu tích của Sài Gòn bị thay đổi, bị phá bỏ để xây những công trình “hiện đại”. Có lần tôi đã viết về Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn “Chỉ tiếc là giờ đây, đứng phía nào nhìn lên cũng thấy nhà thờ Đức Bà bị đè bẹp bởi những tòa nhà cao tầng ốp kính xanh lè. Góc chuông chỉ còn như cái đỉnh, nhỏ nhoi đến tội nghiệp!”. Còn khi tòa nhà Eden mất đi thì *C'est fini Givral* - sự tiếc nuối rưng rưng của biết bao thế hệ người Sài Gòn với cà phê Givral nổi tiếng. Tưởng đâu chỉ có “cơn lốc Vincom” tràn qua đường Đồng Khởi, bây giờ thì hàng cây trăm tuổi, bùng binh Nguyễn Huệ với vòng xoay cây liễu và thương xá Tax cũng bị

cơn bão “hiện đại hóa” cuốn đi... Trước đó trên đường Nguyễn Huệ, Lê Lợi hàng chục tòa cao ốc đã mọc lên, tòa nhà Bitexco 2 đã khởi công ngay phía trước chợ Bến Thành... Không biết vài chục hay trăm năm nữa những công trình mới này liệu có được ai ghi nhớ khi đến Sài Gòn hay không nhưng bây giờ, những gì đã trở thành tiêu biểu cho Sài Gòn hơn một trăm năm thì đã mất đi...

Thế là trục đường trung tâm Đồng Khởi - Nguyễn Huệ - Lê Lợi “về cơ bản đã giải quyết xong” những chứng tích hình thành và phát triển đô thị Sài Gòn từ nửa sau thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX! Hiện nay nhiều người không còn biết gì về Sài Gòn xưa, hoặc cho rằng những kiến trúc cổ không còn đẹp, không phù hợp với thành phố hiện đại, ngoài ra họ chẳng biết gì thêm về lịch sử hay giá trị của các công trình, cảnh quan cũ... Chính vì vậy họ đã thân nhiên nói: muốn thành phố hiện đại thì cần phải đánh đổi, cứ giữ những gì xưa cũ thì không thể phát triển... Nhưng có thật phải là như thế?! Nhiều đô thị của các nước giàu có cũng đâu có bị phá hết di sản cổ để xây mới, dù họ có thừa tiền để làm điều đó? Khu vực trung tâm vẫn luôn được ưu tiên bảo tồn vì đó là trái tim, là bộ mặt của đô thị, chưa kể nhiều thành phố được gìn giữ gần như nguyên vẹn hoặc phục dựng lại sau khi bị chiến tranh tàn phá. Những nơi đó là niềm tự hào về văn hóa, là nguồn thu về du lịch, là truyền thống về lịch sử của cộng đồng, của quốc gia.

Còn chúng ta? Nếu có thể khái quát về việc xây dựng

đô thị Việt Nam hôm nay, thì đó là “trung tâm thương mại + nhà nghỉ”, hai loại công trình phổ biến khắp các đô thị từ Bắc vào Nam, từ đô thị nhỏ đến đô thị lớn... Chao ôi, người Việt chúng ta chỉ còn hai nhu cầu đó hay sao?!

Trong quá trình phát triển đô thị, phần thiệt thòi thuộc về các di sản cổ vì chúng luôn bị phá đi để xây dựng những công trình mới. Việc “đánh đổi” di sản lấy công trình dân sinh cấp thiết như đường sá để giải quyết sức ép giao thông lên các tuyến đường đô thị đã trở nên quá chật hẹp là việc chẳng đùng, tuy vẫn có những phương pháp kỹ thuật khác để giảm thiểu sự hủy hoại di sản, nếu như nhà quản lý và đầu tư thực sự có sự hiểu biết và quý trọng di sản. Nhưng có nhất thiết phải phá những tòa nhà cổ để xây cao ốc vài chục tầng, trung tâm thương mại văn phòng cho thuê, thậm chí cả căn hộ... ở ngay vùng lõi của đô thị, nơi đọng lại những gì tinh túy nhất của văn hóa đô thị? Bộ mặt đô thị Sài Gòn sẽ chẳng còn gì là độc đáo là dấu ấn riêng. Người Sài Gòn thế kỷ XXI không có ký ức về lịch sử thành phố, vì không còn gì để lưu vào ký ức! Xóa bỏ ký ức một vùng đất, một đô thị, đó là cách tốt nhất để làm cho con người “mất gốc”. Từ mất gốc đến mất nước thì chẳng bao xa...

Cũng dịp này năm ngoái, khi chưa hết tháng mưa Ngâu tôi đã viết *Tháng Bảy đã qua* để cầu mong cho những linh hồn trẻ em chết oan do tiêm nhầm vaccin, do bất cẩn mà nhiều người chết đuối ở cửa biển Cần Giờ, chết vì tai nạn giao thông giữa đường đèo heo hút... được sớm siêu thoát

và bình an ở cõi vĩnh hằng. Tháng Bảy này, cũng chỉ còn vài ngày nữa sẽ qua, nhưng sự hủy hoại di sản văn hóa vật chất, tinh thần nhân danh “phát triển hiện đại” như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và nhiều nơi khác đang làm hôm nay sẽ để lại hậu quả rất lâu dài...

Và như vậy, sẽ không còn gì làm cầu Ô thước nối liền quá khứ và tương lai... Tháng Bảy cứ còn mãi vì những gì đã mất sẽ không bao giờ siêu thoát...

Sài Gòn 18.8.2014

Phần II

NHỚ QUÊ

Đập búa vào tay

Bạn đã có lần nào đau điếng người vì đập búa vào chính tay mình chưa?

Bạn ở trong bếp, ông xã ngoài phòng khách đóng cái gì đấy cộp cộp. Bỗng nghe tiếng con khóc, rồi thằng bé chạy vào ôm lấy bạn. Bạn âu yếm hỏi (hệt như ông Bụt hỏi cô Tấm), làm sao con khóc? Thằng nhỏ trả lời, bố bị búa đập vào tay. Ô, vậy à. Bố bị đau nhưng không khóc. Con trai thì phải dũng cảm như bố chứ? Huhu, thằng bé nức nở, tại lúc bố đập búa vào tay con buồn cười quá... À, thế thì chính là con trai bị “búa đập” chứ không phải là bố!

Hỏi yêu nhau. Có lần gọt trái cây cho nàng, anh bị đứt

tay chút xíu. Nàng mặt mày tái mét, ôm cả cánh tay anh hốt hoảng đòi đưa đi... bác sĩ! Lấy nhau rồi. Một lần thấy tấm hình cưới sắp bị rớt, anh mang búa đinh ra sửa. Loay hoay sợ đụng bể kiếng, búa đập vào tay. Máu tóe ra. Anh xuýt xoa nhờ nàng lấy giùm bông băng, nàng bực bội rời mắt khỏi màn hình TV đang lướt lướt phim Hàn quốc: “Sao anh vụng thế! Chồng với chả con!” Vết đứt tay ngày xưa giờ anh mới thấy thấm đau!

Nhà không có đàn ông, tất tậ mọi việc bạn đều (phải) tự làm lấy. Từ việc lớn như kiếm tiền, xây nhà, sửa nhà... cho đến việc nhỏ như chăm con, cơm nước chợ búa, việc vặt như đóng đinh treo tấm lịch hay móc đoạn dây phơi, bạn đều thành thạo. Vậy mà đã có lần bạn gọi cho tôi, giọng nức nở, tôi hốt hoảng hỏi có chuyện gì... bạn nghẹn ngào không nói được. Một lúc sau nghe tiếng con bạn trả lời “mẹ con bị búa đập vào tay”, tôi lặng người. Ừ, lỡ bị búa đập vào tay thì chắc là rất đau, nhưng đau đến mức phải gọi và khóc với một ai đó thì nỗi đau không phải chỉ ở cái tay bị thương...

Có cậu bé kia tính khí nóng nảy rất hay làm tổn thương người khác. Bố cậu bắt buộc: mỗi lần phạm lỗi con hãy tự đóng một cây đinh vào hàng rào ngoài kia để nhìn thấy mà răn mình. Nhiều lần sau đó dù đã biết lỗi nhưng cậu vẫn không bình tĩnh nên thường đập búa vào tay đau điếng. Chính vì bị đau như vậy nên dần dần cậu từ bỏ được tính khí nóng nảy, nhưng hàng rào nhà cậu thì trở nên xấu xí vô cùng vì bị những chiếc đinh đóng vào nham nhở.

Từ chuyện bị đau khi đập búa vào tay lại lan man chuyện khác. Thường thì ta sẽ rất cẩn trọng khi làm những việc lớn nhưng khi làm việc nhỏ thì ít ai chú ý. Là vì ta nghĩ nó là chuyện vặt, dễ làm, nếu có làm sai cũng chẳng sao, làm lại mấy hồi. Đấy, như việc đóng đinh lên tường chẳng hạn.

Tường cũ gạch ẩm, lớp vữa đã mềm thì đóng đinh nào cũng dễ vào, nhưng có khi chỉ cần lay nhẹ là đinh rơi ra, treo cái gì lên không khéo lại rơi trúng đầu mình! Tường mới nhưng xây ấu trát vụng thì cũng vậy, có khi phải đóng đi đóng lại, xê dịch vài lần chiếc đinh mới yên vị. Nếu là tường mới, vết đinh để lại làm xấu hẳn. Chưa kể đinh làm bằng thép dỏm, đinh rỉ, mới bị một búa đã cong queo, chuyện đóng đinh mà đập búa vào tay là thường.

Cuối cùng thì vẫn là người đóng đinh. Tay búa tay đinh cẩn thận thế mà còn đập vào tay mình! Mà cái đau khi bị búa đập vào tay mỗi người mỗi khác! Bởi vậy có ai dại mà cầm giùm đinh cho người khác đóng đâu!

Bây giờ đinh bằng thép không gỉ có thể đóng thẳng vào tường, thậm chí qua cả tường bê tông. Nhưng người ta hay dùng khoan điện, khoan vào tường, đóng một cái tắc-kê, rồi đóng cái đinh sáng loáng vào đó, thế là xong. Chắc chắn. Sau này không cần nữa thì nhổ đinh ra, không làm “nát tường”.

Cũng cái đinh thép ấy đóng lên tường mục thì dễ, nhưng cũng như đinh gỉ, chẳng an toàn chút nào khi treo

vật gì lên đó, là tại tường chứ không phải tại đỉnh. Tường mục tường cũ đỉnh mới đỉnh tốt đóng lên cũng phí. Cho nên tường chắc thì đỉnh đóng vào mới chắc.

Lần thân chuyện về đỉnh với tường. Thế nào mà lại nghĩ, mỗi người, bằng hành vi và lời nói, sẽ luôn đóng những chiếc đỉnh lên bức tường xã hội. Từ những “chiếc đỉnh” ấy bức tranh xã hội muôn hình vạn trạng được “treo” lên, đẹp hay xấu, nham nhở hay có mỹ thuật, chắc chắn hay lỏng lẻo lung lay... tùy thuộc vào vào cách ta cầm búa đóng đỉnh có khéo léo hay không, vào chất lượng cái đỉnh ta chọn. Có lẽ không ai chọn đỉnh gì để đóng lên tường nhà mình, phải không? Vậy cũng đừng biến hành vi lời nói của mình thành “chiếc đỉnh gì” mang vi trùng uốn ván phát tán khắp nơi.

Ấy vậy mà bây giờ người ta hay chê nhau “không là cái đỉnh gì” mà chẳng ai chú ý đến bức tường cái đỉnh ấy đóng vào.

Sài Gòn 1.12.2014

Đừng đánh mất giấc mơ

Điện thoại của tôi luôn cài đặt giờ của một số thành phố trên thế giới. Phần lớn là những nơi tôi đã từng đến nhưng cũng có nơi tôi chưa từng đặt chân, có khi là một thành phố nho nhỏ ít người biết tên.

Khi đến một nơi xa, điều đầu tiên là tôi chỉnh đồng hồ đeo tay, đồng hồ điện thoại để tiện liên lạc, không lỡ việc. Nhưng đồng hồ trên máy tính thì vẫn là giờ Việt Nam, để biết giờ gọi hay nhắn tin về cho người nhà, cho cơ quan. Mỗi lần như vậy, khoảng cách giữa những

thành phố-của-tôi như gần lại, chỉ cách nhau... vài giờ trên đồng hồ mà thôi.

Khi cần liên lạc với ai đó ở xa, đầu tiên tôi cũng xem đồng hồ, để xem có tiện hay không. Đôi khi việc gấp cần cứ bấm điện thoại, quên mất bên kia có khi đang là nửa đêm hay chỉ mới bình minh... Nghe tiếng bạn ngái ngủ mới giật mình, đành xin lỗi nhưng... vẫn bàn chuyện tiếp. Vậy mà đã chào nhau rồi vẫn tiếp tục chuyện trên trời dưới đất một hồi nữa mới thôi.

Hồi tôi qua nước Mỹ. Một lần buổi tối ra sân bay quốc tế Los Angeles bay đi Boston. Làm xong thủ tục liền nhắn bạn “nhớ sáng mai đón tui nha”. Một hồi mới thấy tin “biết bây giờ bên này là mấy giờ không, làm mất ngủ rồi nè, hic”, sau đó là icon mặt nhăn nhó rồi lại cười nhăn nhó. Ủi nhỉ, nước Mỹ rộng lớn thế, các tiểu bang cách nhau vài múi giờ là bình thường, từ Tây sang Đông có khi là đã bay qua một ngày khác. Đi nhiều nơi thấy mình như có thêm được thời gian - thú mà chúng ta luôn thấy thiếu mà chưa bao giờ thấy đủ.

Nhưng cũng vì “được thêm” thời gian mà lần ấy khi đi về nhớ sai giờ bay, đáng lẽ là 2 giờ sáng chủ nhật mà cứ nghĩ là 2 giờ “đêm chủ nhật”. Vậy là cả ngày chủ nhật tôi cùng bạn rong chơi khắp San Fransisco; chiều tối bạn còn nấu phở cho ăn, xong mới ung dung ra sân bay. Ở quầy làm thủ tục nhân viên để giấy tờ của tôi sang một bên, làm vé cho mấy người khác. Sốt ruột quá tôi hỏi thì anh

ta từ tốn trả lời “Thưa bà, chuyến bay của bà bây giờ đã đến TP. Hồ Chí Minh rồi”.

Tất nhiên sau đó phải quay về nhà bạn. Cả đêm lo không ngủ được vì đã lên mạng xem hết vẫn chưa tìm được vé về ngày gần nhất, vé của tôi thì sớm nhất phải một tuần sau mới có chỗ. Trời sáng hẳn, rụt rè gọi điện thoại cho bạn ở DC, xin lỗi vì gọi sớm quá thì bạn cười vang, bên tui giờ này gần trưa rồi nàng ạ. Rồi bạn tìm được vé cho tôi về ngay hôm sau. Lần này thì không dám chủ quan nữa mà ra sân bay từ sớm. Lên máy bay rồi mới chợt nhớ chưa gọi điện cho bạn yên tâm.

Nửa vòng trái đất cách nhau là bao xa? Không xa đâu, chỉ là hai mặt đồng hồ bên sáng bên tối mà thôi. Paris, Berlin hay Varsaw, Budapest hay Tokyo, Seoul... cách Sài Gòn bao xa, không xa đâu, vượt qua những giờ bay là ký ức về những thành phố xinh đẹp yên bình, về những người bạn chân tình. Ký ức giúp chúng ta gần nhau hơn, không chỉ về khoảng cách mà còn xóa nhòa những ranh giới vô hình giữa “bên này, bên kia” trong quá khứ. Thi thoảng nhìn đồng hồ và tự hỏi “bạn đang làm gì” rồi để trí tưởng tượng lang thang đến nơi tuyết rơi dày lạnh buốt trong khi nơi này trời nóng nực nắng chang chang, khi thì ở nơi mùa xuân đã nhú lên mơn mớn trong những cánh hoa đào hoa mận còn nơi kia vẫn là những ngày thu lá vàng rụng rã...

Duy chỉ có một dịp bao giờ tôi cũng dùng “giờ Việt Nam” để nhắn tin cho bạn, đấy là vào đêm Giao thừa. Dù

bạn đang ở múi giờ nào thì tôi biết, bạn cũng đang nhớ về quê nhà trong khoảnh khắc ấy. Tôi không gọi điện, vì có khi bạn đang làm việc, tôi không email, vì có thể bạn không nhận ngay được. Tôi nhắn tin, vì biết bạn sẽ đọc ngay và biết đâu bạn sẽ nhắn trả lời, chúng ta lại gần nhau trong giờ phút đất trời chuyển giao cũ mới. Tôi muốn ở đâu bạn cũng có một cái Tết như đang ở quê nhà, dù ngày đó bạn vẫn phải miệt mài làm việc.

Tôi vẫn cài những giờ khác nhau trong điện thoại của tôi, kể cả khi không còn mối liên hệ nào với ai ở nơi đó nữa. Có sao đâu, thời gian bao giờ cũng là của mình, dù hiện tại hay quá khứ. Cũng như những trang sổ ghi địa chỉ, email lưu lại những bức thư... tất cả tạo thành ký ức của riêng mình. Chúng ta sở hữu những ký ức khác nhau dù chúng ta hiện diện ở cùng hay khác múi giờ.

Sự khác nhau vốn là thuộc tính của thế giới. Những múi giờ là do con người quy ước để định vị những nơi chốn khác nhau. Kể cả khi chúng ta có ký ức riêng thì những giấc mơ - trí tưởng tượng được cất giữ đâu đó - sẽ bay qua mọi múi giờ mang chúng ta đến bên nhau.

Miễn là đừng đánh mất giấc mơ.

Sài Gòn 21.12.2014

Giữ lễ

Sao bây giờ người lớn thì ăn nói cộc lốc, trẻ con toàn ăn nói trống không thế nhỉ?

Chắc có nhiều lần bạn và tôi đã phải thốt lên câu hỏi đó, khi chúng kiến hay chính ta là đối tượng của những câu cộc lốc trống không ấy. Khi nghe những kiểu ăn nói như vậy chính ta thấy mắc cỡ nhưng hình như người nói thì không có cảm giác đó. Mà chẳng cứ với người ngoài, trong nhiều gia đình con cái nói năng với cha mẹ ông bà cũng y như vậy!

Trên thế giới “ảo” thì sao? Tôi vẫn thường liên hệ với sinh viên qua email hoặc qua Facebook. Những trao đổi

đầu tiên của các em bao giờ cũng làm tôi phải nhắc nhở: nói với thầy cô dù trên mạng cũng phải thưa gửi đàng hoàng, cũng phải có chủ ngữ chứ?! Tôi biết các em chỉ vô ý vô tứ, nhưng vì sao những thanh niên sắp vào đời rồi mà ngôn từ còn chưa có sự lễ phép tối thiểu như thế?

Còn trên các phương tiện truyền thông? Nhan nhản những câu nói cách gọi xách mé về một người nào đó, nhất là với người đang lâm vào tình trạng không may; đặc biệt khi tranh luận về một vấn đề thì thôi rồi, ngôn từ nói với nhau, nói về nhau thật là kinh khủng! Hình như bao nhiêu năng lượng không thể trút vào nhau bằng vũ lực thì người ta trút vào nhau bằng những từ ngữ nhục mạ nặng nề.

Thực trạng này bắt đầu từ đâu, và khi nào?

Trẻ đến trường mỗi ngày nhìn thấy đầu tiên là dòng chữ “Tiên học lễ hậu học văn”, nhưng Lễ là gì và có thực sự được dạy trước khi học những kiến thức văn hóa? Thử hỏi có thầy cô nào đến trường được dành toàn tâm toàn ý cho chuyên môn mà không phải làm thêm đủ thứ việc từ “nhồi nhét” cho học sinh đến “bồi dưỡng” cho chính mình. Phụ huynh thì tâm lý “Trăm sự nhờ thầy cô” nên rồi trăm “tội” cũng đổ lên đầu thầy cô. Môn văn - một môn giáo dục về “lễ” nhưng con trẻ toàn học văn mẫu, đến nỗi “nhà em có nuôi một ông nội” thì còn biết nói sao!

Trong gia đình bây giờ, nhất là ở các đô thị, một ngày

cha mẹ gần con được bao lâu? Sáng tắt bật đánh thức cho ăn rồi đưa con đi học, chiều vội vàng đón cho ăn lại đưa đi học thêm, hoặc về nhà thì cũng không còn thời gian trò chuyện. Ngay trong bữa cơm con cái vẫn “cắm mặt” vào ipad vào điện thoại... nhiều khi bố hỏi mẹ nói cũng không nghe hoặc trả lời chiếu lệ. Có khách đến nhà thì vội vàng tránh vào phòng riêng để khỏi phải thưa gửi, cha mẹ thấy vậy cũng kệ, “cho nó thoải mái”.

Ngoài đường thì bất cứ một nguyên cơ nhỏ nào cũng có thể dẫn đến việc chửi bới rồi ẩu đả. Người ta không thể nói với nhau một cách ôn hòa bình tĩnh mà chỉ có thể đôi co cự cãi rồi lớn tiếng nhục mạ nhau. Dường như người ta không đủ lời để nói cho ra lẽ một cách từ tốn rõ ràng, người ta không cho rằng lời nói có thể giúp giải quyết sự việc một cách êm đẹp?

Ông bà mình đã dạy phải “học ăn học nói”, nhưng người ta chỉ lo cho con cái ăn ngon mà chưa lo dạy chúng nói đẹp. “Khởi đầu là Lời” vậy mà lời nói không được quý trọng, không được dạy dỗ tử tế từ tuổi thơ. Khi chào hỏi dạ thưa không được coi là “lẽ” thì sự vô lễ trở nên phổ biến. Lúc đó muốn có LỄ cũng đã muộn!

Lời nói vô lễ, cư xử vô lễ... là hậu quả của một thời gian dài không coi trọng lễ, bởi cách hiểu thô thiển “lễ là phong kiến”, bởi hiểu lễ là biểu xén hối lộ, bởi cho lễ là nịnh trên nạt dưới. Người ta vô lễ vì không biết ai hơn mình, vì không biết mình kém người, vì dốt mà tưởng

mình giỏi. Sự vô lễ làm đảo lộn các giá trị, vô lễ thì sẽ bất nghĩa.

Khi xã hội nhan nhản sự vô lễ và bất nghĩa, “tiên học lễ” trong nhà trường có giá trị gì, liệu có làm được gì?

Sài Gòn 14.11.2014

Hương miền Tây

Từ Sài Gòn đi về quê ngoại Cao Lãnh bây giờ có thêm một con đường đi qua huyện Mộc Hóa (Long An) và huyện Tháp Mười (Đồng Tháp). Đây là con đường đi qua một phần Đồng Tháp Mười, có từ lâu nhưng là đường nhỏ ngoằn ngoèo và không liên lạc, gần đây được nối liền, nắn thẳng và nhiều đoạn được đắp mới.

Cũng như những con đường ở miền Tây Nam Bộ, trên đường có hàng chục cây cầu lớn, rất đẹp, tính không cao, hầu hết bắc qua những dòng “kinh xáng” thẳng tắp, nước phèn trong xanh, hai bên bờ còn chưa mọc kín dừa nước

cỏ lác - những dòng kinh thoát nước và xả phèn vào mùa nước nổi của miền hạ lưu Mekong. Với độ tĩnh không cao như thế những con kinh sáng là đường giao thông nối liền vùng sâu của Đồng Tháp Mười ra đến đường lộ mới. Ghe xuống chở lúa, chở phân bón, hàng hóa xuôi ngược trên kinh, và rồi không lâu nữa, ngay dưới chân cầu trên con đường tạm đi vòng khi xây dựng cầu sẽ là nơi đổ hàng lên xuống xe vận tải, về thành phố hay trở vô vùng bưng biển, đúng theo “quy luật” hình thành chợ búa (bến) của hàng trăm ngàn cái chợ như thế khắp miền Tây. Những cây cầu mới chắc không còn làm ai đó than rằng “*Lâu nay muốn qua thăm em nhưng ngại vì cầu tre lác lẻo...*” như lời một bài hát quen thuộc.

Từ trên những cây cầu có thể phóng tầm mắt nhìn xa hơn. Có cánh đồng lúa non xanh ngát, có đầm sen lớn nhỏ hoa trắng hoa hồng xen giữa bưng lầy đầy cỏ lác, có rừng tràm rừng đước mới trồng, cây thẳng hàng ngay ngắn, và lấp lánh cánh cò trắng bay về đậu rợp trên ngọn tràm ngọn đước. Chỉ vài năm nữa thôi, hy vọng sẽ có thêm những “sân chim” mới ở nơi đất lành này.

Con đường đi qua vùng lúa đang mùa gieo sạ. Hình như là “cánh đồng mẫu lớn” vì trên đó cắm nhiều tấm bảng cho biết bốn loại phân bón được sử dụng ở đây. Cánh đồng bát ngát xanh, chỉ cần hạ cửa kính xe hơi là có thể hít đầy lồng ngực hương lúa non thơm lạ lùng, hương thơm không thể so sánh với bất cứ mùi hương nào, làm ta nghẹn ngào thương đất, thương lúa, thương người... Có

nơi đang gieo sạ bằng những chiếc máy đơn sơ nhưng đỡ dẫn được cho bao công lao động. Màu đất bùn đen cũng thơm thơm mùi phù sa mới của mùa nước nổi vừa qua. Có nơi nước chưa rút hết, dưới ánh mặt trời cuối chiều hiện rõ màu nước lợ giao nhau của lớp phèn đọng hàng ngàn năm với phù sa theo mùa nước nổi tràn về.

Tôi rất dị ứng với ai đó bây giờ cứ luôn miệng, rằng “mùa lũ ở đồng bằng sông Cửu Long” hay than thở “quê em mùa nước lũ”... Đừng biến ngôn ngữ văn chương báo chí thành “hiện thực” để rồi ứng xử với mùa nước nổi miền Tây Nam Bộ như ứng xử với mùa lũ sông Hồng. Bởi vì, cho dù chế độ nước của sông Mê Kông có sự thất thường hơn trước do biến đổi khí hậu, do bị tàn phá nơi đầu nguồn bằng hàng chục nhà máy thủy điện lớn nhỏ... thì mùa nước về vẫn theo quy luật thời gian, là mùa làm ăn sinh sống của người dân đồng bằng Nam Bộ, là mùa “đổi mới” những cánh đồng nhờ con nước rửa phèn và phủ lên lớp phù sa mới.

Nhiều lần về miền Tây Nam Bộ vào mùa nước nổi, đi trên kinh rạch dọc ngang, đi vô vùng Tháp Mười trên những chiếc xuồng “năm quăng” (xài một năm/mùa nước thì quăng, vớt bỏ vì đóng bằng gỗ tạp, rẻ tiền), tôi chỉ ước ao, thay vì cứ cứu trợ gạo mắ nước tương mì gói, chính quyền và doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm hãy làm những chiếc xuồng chắc chắn cho người dân sử dụng kiếm sống lâu dài nhiều mùa nước, thay vì xây dựng “khu dân cư chạy lũ” tốn kém mà không nhiều hiệu quả, hãy

làm những ngôi nhà sàn mà cọc bằng bê tông mái tôn cho bền vững để dân không phải vất vả chạy lên những khu đất trống lơ lơ trống hoác giữa đồng, rồi không làm được gì để sống lại kéo nhau về giữa đồng, bám trụ trong những ngôi nhà lá nhỏ nhoi trên biển nước.

Con đường chạy qua vài khu dân cư như những thị trấn nhỏ, có cả một nhà máy “bột giấy” xây dựng vài năm nay nhưng im lìm như chưa từng hoạt động. Sao không xây dựng ở đây những nhà máy xay xát lúa gạo nhỉ? Là vùng lúa mới, đường sá kinh rạch thuận tiện giao thông chuyên chở, nếu rút ngắn thời gian vận chuyển thì giảm thiểu mức độ hư hao của lúa, đỡ thiệt thòi cho người trồng lúa, bởi vì vẫn còn đó một nghịch lý: được mùa ép giá rớt giá, thất mùa lên giá nhưng không đủ lúa ăn lấy gì để bán? Mùa nào nông dân cũng là người thua thiệt!

Đường dài gần trăm cây số hai làn xe chạy nhưng cũng vắng, chỉ có xe tải, vài chiếc xe du lịch nhỏ, hầu như không có xe khách vì hai bên đường chỉ là những cánh đồng ngút mắt mà ít có khu dân cư tràn ra mặt tiền như nhiều con đường mới mở khác. Thi thoảng có vài “quán võng” bán cà phê hay là quán nhậu, luôn có chỗ dành chỗ treo một hàng võng đung đưa, người đến quán có thể nằm nghỉ lưng nghe câu vọng cổ hay những bản nhạc bolero thân thuộc của người miền Tây. Về miền Tây mà chưa thưởng thức hai điều này thì coi như chưa đến miền Tây, phải không?

Phía đông cơn mưa sầm sầm kéo tới. Trong cơn mưa

cối mùa mãnh liệt, lạ thay gió vẫn đằm hương lúa non,
hương đất, hương sen, hương lá rừng tràm... Những mùi
hương trong lành đầy sức sống như những con người
miền Tây giản dị.

Lệ có quyền rơi

“Ca sĩ” bây giờ nhiều như lá... rừng chuối, cứ sau một cuộc thi một gameshow nào đó là vài cái tên lại nổi lên, tên Ta tên Tây tên Hàn... chả thiếu gì; giọng sang giọng sến giọng sủa... đủ cả. “Sâu-bít” Việt cứ như cái chợ, ngày nào mà chả có thức ăn tươi sống, nhưng cũng như nhiều loại thức ăn, người nghe không khó để nhận ra ca sĩ nào dú ép chín vội, ca sĩ nào được ông bầu “bơm thuốc” kích thích nổi lên như bong bóng trong cơn mưa, ca sĩ nào nhờ kỹ thuật phòng thu mà giọng hát bỗng đẹp như... trái cây Trung Quốc.

Bởi vậy, khi nghe dư luận xôn xao về một ca sĩ có nghệ danh là Lệ Rơi tôi cũng chẳng buồn chú ý.

Nhưng chưa kịp nghe một bài hát nào do ca sĩ này hát (à quên, cover lại, như người ta nói) thì tôi đã phải nghe, đọc khá nhiều về chàng, ở báo mạng, ở Facebook, và ở cả những cuộc cà phê từ vỉa hè đến trong quán xá. Đã định bỏ qua như đã bỏ qua rất nhiều những tin... tức khác bây giờ tràn lan trên báo như cái sau mưa, nhưng rồi dư luận về chàng, khen ngợi hay chê bai, bênh vực hay đá kích, tán dương hay ném đá, bao dung hay đổ ky... Làm cho tôi, cuối cùng vẫn phải tò mò - sự tò mò rất đổi đàn bà - vào Youtube tìm và thấy một danh sách dài dằng dặc các bài hát của chàng Lệ Roi, với cùng một khuôn hình cùng một “phim trường” cùng một cảm xúc... cùng một giọng hát quả là có một không hai!

Những bài “hít” của các ca sĩ “hot” được chàng Lệ Roi cover lại theo một kiểu không giống ai, từ nhịp điệu đến cách phát âm, tiếng Việt tiếng Anh đều vô cùng “độc” đến mức nghe một lần là không muốn “đảo” thêm lần nữa. Ấy vậy nhưng hầu hết các bài hát của chàng luôn đạt hơn trăm ngàn lượt xem, google tên chàng có đến 2.480.000 kết quả trong 0,15 giây! Một con số đáng kinh ngạc và là mơ ước của nhiều người “nổi tiếng”.

Và như vậy quá đủ để truyền thông “dậy sóng” vì chàng!

Sau cảm giác vui vui, buồn cười và được cười sảng khoái khi nghe chàng hát, đọc những gì người ta viết, tôi chỉ thấy thương hơn chàng Lệ Roi chân đất. Ừ thì hát không hay nhưng hay hát, đã sao? Ừ thì “tự tin giai đoạn

cuối” khi post hàng loạt bài lên Youtube, nhưng Internet để làm gì khi không mang lại cho con người quyền tự do tối thiểu là bày tỏ chia sẻ với đồng loại? Ủ thì hát lảnh nhăng lít nhít, nhưng toàn là những bài “hít” của “hót” đấy chứ? Ủ thì “nông dân mà bày đặt làm ca sĩ”, có sao đâu, còn hơn chán vạn người làm “nghề khác” chỉ qua một đêm bỗng dưng trở thành “sao” trên những tờ báo mạng! Ủ thì “giọng hát thảm họa”, nhưng khối thảm họa sờ sờ trước mắt kia kìa, sao không mấy ai lên tiếng?!

Chàng nông dân chất phác chắc chắn không thể ngờ “hiệu ứng” mà mình gây ra lại ghê gớm đến thế! Chỉ để cho vui theo yêu cầu của bạn bè - như chàng tự giới thiệu trước mỗi bài hát - vậy nên ai không thấy vui, không muốn vui thì đừng xem nữa, xem rồi thì đừng ném vào Lệ Roi những lời miệt thị nặng nề và xin cũng đừng tò mò đổ về nhà chàng và tiện tay, tàn sát vườn ổi là nguồn sống của gia đình chàng.

Sự “bắn cùng niềm vui” (chữ của bạn) có làm cho người ta trở nên bắn cùng về nhân cách? Niềm vui của một người bỗng làm cho thiên hạ có cớ để xả vào nhau những lời dao búa nhằm nhằm như muốn “giết chết” cả người “bỗng dưng vui” và những người muốn vui theo. Thiên hạ trên những mạng xã hội vốn tự xem mình là vô tư và duyên dáng, thành ra nhiều lúc quá “vô duyên”, đã đành, mà nhiều tờ báo cũng vậy. Thành ra, bây giờ làm người vô tư thật thà như chàng Lệ Roi đâm ra khó “sống”, lệ mà cũng khó có quyền được rơi.

Có câu chuyện về Nữ thần Tự Do như thế này.

Cô giáo hỏi: Vì sao Nữ thần Tự do lại cầm cây đuốc mà không cầm thú khác? Các học sinh lần lượt nêu những lý do khác nhau. Đến một em kia: Thưa cô, vì bà ấy là nữ thần tự do nên muốn cầm gì mà chả được! Ra vậy, nhiều người cũng hiểu Tự do là muốn làm gì nói gì mà chả được, thảo nào cái “làng mình” nó thế!

Sài Gòn 2.7.2014

Nhớ quê

Tuổi càng về chiều người ta càng muốn “quy cố hương” bằng cách hồi tưởng về ký ức thời còn ở quê, hay là kỷ niệm mỗi lần về quê. Mà nguyên cớ để những hồi ức trở về thì không thiếu.

Trên những con đường ta qua bất cứ cái gì nhìn thấy đều như giọt nước rơi vào cái ly “nhớ quê” để rồi một ngày sẽ có giọt nước làm tràn ly, nỗi nhớ vỡ òa, không thể không nói ra không kể lại không trải ra trên trang giấy trên màn hình máy tính.

Một lần đi trên đường phố Quận Cam, nhìn thấy mấy tàu chuối vươn khỏi tường rào vẫy vẫy trên hè phố, bỗng

nhớ nhà da diết dù chỉ mới xa nhà hai ngày trong đó có gần hai mươi giờ trong chuyến bay dài. Hỏi bạn, ở đây trông nhiều chuối không? Bạn như hiểu, trả lời: chị thấy nhà ai mà trông bụi chuối thì gần như chắc chắn là nhà người Việt mình. Ừ càng đi xa lại càng muốn lưu lại chút gì của quê hương bên mình.

Bụi chuối sau hè, hồi nhỏ là sự sợ hãi mỗi tối khi phải ra đó vì một lý do mà ai cũng như ai, là niềm vui khi thấy bắp hoa bắt đầu kết thành buồng bé xíu xinh xinh, lớn dần lên, rồi từng nải trái già căng, mẹ chặt mang vô dựng trong bếp gần khạp gạo. Vài bữa khi trái hườm hườm, nải chuối ngon nhất, đẹp nhất được cha đặt lên bàn thờ ông bà, thấp nén nhang trước là lấy thảo sau là lấy hơi ấm cho cả nải chín đều. Bữa cơm Nam Bộ ít khi thiếu vài trái chuối sứ, từ con nít đến bà già đều quen với chén cơm chan nước cá kho thịt kho ăn với chuối chín. Nhà có đàn bà sanh nở luôn có buồng chuối chín dần, canh chuối sứ nêm chút muối chút đường là món ăn lợi sữa rất lành và cũng rất rẻ tiền, dễ kiếm. Giữa buổi mà đói, có chén chè chuối hay cái bánh chuối chiên thì không còn gì bằng.

Một người bạn, có lần đi đâu đó đến tận bờ biển Mexico xa xôi, nhắn về: *Trời ơi, tui như đang ở bãi biển quê mình, cũng hàng dừa đong đưa trong gió chiều, cũng mùi thơm của mực tươi cá tươi, của ốc của sò nướng trên than hồng, cũng mấy trái khóm trái chuối mà mấy bà đội cái thúng trên đầu mang bán... nhớ nhà quá trời...* Bạn đã hơn ba mươi năm sống ở nước ngoài, đã tự coi mình như

một người Tây “chánh hiệu”, vậy mà chỉ mùi thơm khói bếp than cũng làm bạn bồn thần rồi quyết tâm “Tết này sẽ về nhà” dù ở quê nhà bạn chẳng còn ai cả.

Ở xa thì vậy, còn ở gần thì sao? Quê tôi ở miền Tây, một năm cũng vài lần về Tết nhất giỗ chạp, chưa kể đi công việc. Sáng đi tối về hay đi vài ngày, đi xe đò, đi xe riêng, hồi trước còn chạy xe gắn máy nữa... vậy mà lần nào trở lên thành phố cũng bồi hồi (người miền Tây hay gọi Sài Gòn là “thành phố”, lên thành phố, ở thành phố mới địa...). Nhớ từ tiếng gà trưa nhớ đến chum mận bên chái bếp, nhớ từ bờ mương thoảng tiếng cá quẫy trong vườn đến mùi khói bếp lò trấu lúa mới... Mỗi lần về đám giỗ là “quẩy” lên nào thịt kho tàu, thịt ram, tôm rang nước dừa, nào dưa xiêm nào xoài nào dưa hấu. À, có ai còn nhớ món bấp đùm thơm mùi nước dừa lá dứa không? Gần nhà ngoại tôi có lò nấu bấp và hấp bấp đùm, khi tôi chuẩn bị ra về là cô em dâu tất tả chạy ra lò xách về mấy chục bấp mới nấu nóng hổi “chị bỏ theo xe lữ tụi nhỏ đói thì ăn”.

Trên đường miền Tây rất dễ nhận ra “người miền Tây” trên những chiếc xe máy trước sau ràng buộc túi xách ba lô, người chạy xe hay người ngồi sau đều mặc áo khoác giữa ngày nắng như đổ lửa, là để không bị trúng nắng, trúng gió. Mùa tháng Chạp gió chướng trên xe còn có mấy giỏ bánh mứt, người vợ ngồi sau cầm bó vạn thọ gói bằng mấy tàu lá ló ra chum bông vàng rực rỡ, đúng là vợ chồng chở nhau về nhà ăn Tết với ông bà. Lúc quay lên

thành phố thế nào cũng có máng ở móc xe máy đòn bánh tét nhưn đậu nhưn chuối.

Đọc đường gặp quán cà phê nào ưng ý thì ghé vô, ngã lưng trên những chiếc võng treo tong ten. Bạn có thể nằm đó thật lâu, dù chỉ kê một ly cà phê ngọt như chè hay một trái dưa xiêm thanh mát, đung đưa dưới ánh nắng xuyên qua tàu lá dừa trên cao, ngó dần bông giấy đỏ trắng tím vàng rực lên ngoài cửa quán, nghe hết những CD nhạc “sến” mà cô chủ quán luôn lẩm nhẩm hát theo, những “*Nếu lỡ chúng mình hai đứa xa nhau...*”, với *Tình đẹp mùa chôm chôm* rồi sang *Cây trúng cá* rồi lại đi đào ao thả cá gì đấy... lời ca giai điệu của chôm chôm với trúng cá với cây cầu dừa với rau đắng sau hè, rồi phút cuối với sấu tím thiệp hồng, ai khổ vì ai... các kiểu cây trái các kiểu đối lừa đầu lòng hờn dỗi, các kiểu chim sáo mồ côi hay chim trắng cô đơn... Sến là thế đấy nhưng cam đoan khi bạn rời quán tiếp tục lên đường, bạn sẽ thấy cuộc đời không cần gì hơn thế nữa!

Một lần ngồi trong quán ven đường như thế, ngó ra hồ sen bát ngát phía sau quán, nghe hương sen vấn vít, nôn nao theo lời ca “*Lâu nay muốn qua thăm em nhưng ngại vì cầu tre lắc lẻo...*” Ở mà nhà quê giờ nhiều cầu tre lắc lẻo đã thay bằng cầu bê tông, vẫn cheo leo nhưng chắc chắn hơn. Đám cưới qua cầu, chú rể dắt tay cô dâu còn cô dâu tay nâng váy dài mà không còn phải cầm đôi giày đi chân không qua cầu khỉ. Bọn trẻ con không còn cơ hội hò reo khi ai đó lỡ trượt chân té xuống kinh rạch, các bà già trầu

không phải chếp miệng an ủi: đám cưới mà “gặp nước” như vậy là hên lắm nghen.

Nỗi nhớ quê chỉ giản đơn như *hương tóc mạ non* mà sao khi *Tháng ngày tuổi đời trôi theo níu chân nhau, bạc thêm mái đầu...* với quê hương ta vẫn biết “*Tình mình dù ngăn cách sông chớ đâu cách lòng, mỗi lần nhớ nhau sao nghẹn lời...*”.

Sài Gòn 27.11.2014

Những cánh đồng vắng bóng nông dân

Cuối tháng Bảy. Trải dài những con đường
Tôi đi qua nước Pháp là cánh đồng mênh
mông lúa mì đang vào mùa thu hoạch. Một màu vàng
nâu ấm áp của ruộng lúa chín, của rơm được bó ép thành
những cuộn tròn khối vuông rải rác trên đồng vắng lặng.
Thi thoảng nhìn thấy một hai chiếc máy gặt liên hợp
thong thả làm việc, vậy thôi, không thấy bóng dáng người
nông dân nào dù những ngôi làng nhỏ liền kề cánh đồng
vẫn đông người qua lại...

Mùa này cũng là mùa hướng dương nở rộ. Vẫn những

cánh đồng vàng rực rỡ sáng chiều ngả theo ánh mặt trời. Vẫn thi thoảng có vài chiếc máy chạy giữa cánh đồng hoa bạt ngàn, và không thấy ai ngoại trừ người lái máy.

Cánh đồng khô ráo với những sắc vàng in trên nền trời xanh đậm đuối của mùa hè nước Pháp, khắp nơi là màu xanh của lá và sắc màu rực rỡ của hoa, từ thành phố đến nông thôn, từ dọc đường quốc lộ đến đường làng, từ ban công vỉa hè phố cổ đến khung cửa sổ ngôi nhà làng quê bình yên. Thiên nhiên khắp nơi, con người như lọt thỏm vào màu sắc và không khí trong lành tự nhiên, mặc dù đây đó vẫn những khối bê tông kính ốp cao lớn đồ sộ.

Có thể dễ dàng nhận ra một làng quê nước Pháp như ốc đảo xanh giữa cánh đồng vàng. Ở đó từ xa đã thấy nhô lên cao vút tháp chuông nhà thờ cổ, xây bằng đá xám xù xì hay bằng loại gạch đỏ son đều nhuộm màu thời gian trầm lắng, ở đó có tháp nước cao vượt trên những nóc nhà. Bây giờ nhiều nơi còn có vài chiếc quạt điện gió cao ngất ngưỡng thông thả quay từng vòng... Nông thôn có lẽ chỉ khác thành phố là nhà trái dọc đường làng như xương cá, những ngôi nhà gạch nhà gỗ, rèm trắng nhẹ nhàng lay trên khóm hoa nhiều màu sắc. Tầng áp mái như những con mắt dôi theo khách qua đường. Đi qua những làng quê như vậy tôi nghĩ, chẳng cần gì hơn, kể cả Internet, để có được một khoảng không gian yên ả tránh xa những bê bộn nơi thị thành.

Mùa hè, khách du lịch đông như kiến, ở Paris, ở

Toulouse, ở bất cứ làng cổ hay lâu đài nào tôi đến. Không chỉ là khách du lịch nước ngoài, người Pháp cũng đi thăm quan chính nước mình, và cả nông dân cũng nghỉ hè đúng vào mùa thu hoạch lúa. Tại sao không, khi mà chỉ cần một chiếc máy đã thay thế cho hàng chục hàng trăm người nông dân?

Không chỉ nước Pháp, nhiều quốc gia khác đã công nghiệp hóa nông nghiệp từ lâu rồi, máy móc thay thế sức lao động của người, của trâu ngựa từ hàng chục năm nay. Nông dân, kể cả trồng lúa, trồng cây công nghiệp hay chăn nuôi, cũng từ lâu rồi làm việc như những người công nhân điều khiển máy móc chứ không còn phải “bán mặt cho đất bán lưng cho trời”. Con đường hiện đại hóa ở nhiều nước có thể khác nhau ở ngành mũi nhọn, nhưng không nước nào không công nghiệp hóa từ nông nghiệp, bởi vì, có khi nào có nơi nào trên thế giới này loài người không cần lương thực và những nông sản khác?

Xe cứ chạy vút qua những cánh đồng nước Pháp vắng bóng nông dân. Nhớ thương quá chừng những cánh đồng mênh mông miền Tây Nam Bộ cũng thừa thớt bóng nông dân... Thanh niên đổ lên thành phố và các khu công nghiệp-khu chế xuất hay đi làm thuê ở nước ngoài. Lúa cứ chín rục nhưng còn ai về gặt? Hạt lúa nuôi dân ta hơn bốn ngàn năm vẫn oằn lưng gánh bao trách nhiệm: xuất khẩu, xóa đói giảm nghèo, dự trữ lương thực... nhưng được trồng trên nhiều cánh đồng vẫn “con trâu đi trước cái cày

đi sau"... Khu công nghiệp càng nhiều thì càng vắng bóng nông dân nhưng người đổ đến làm ở đó thì chưa hẳn là công nhân bởi rời đất ra họ đã có nghề nghiệp gì đâu.

Tỉnh nào cũng hiện đại hóa bằng khu công nghiệp nhiều ngành nghề dịch vụ nhưng hầu như bỏ ngỏ lĩnh vực chế tạo sản xuất máy móc nông nghiệp. Chế tạo ra máy này máy kia là do những người nông dân ít học tự mày mò vì công việc làm ăn của chính họ thôi thúc, sản xuất thành công rồi đăng ký bản quyền sáng chế cũng còn lắm thủ tục nhiều khê...

Thời kỳ văn minh Đông Sơn ở đồng bằng sông Hồng, nông nghiệp trồng lúa nước với kỹ thuật dùng cày và sức kéo của trâu, bò là kỹ thuật tiên tiến. Hơn bốn ngàn năm đã qua, hiện nay và nhiều thế kỷ nữa nước ta vẫn là một quốc gia Nông nghiệp - Nông dân - Nông thôn, đó là một "hàng số" kinh tế và văn hóa. Nếu không lấy NÔNG làm đầu và làm trọng tâm thì nền nông nghiệp lạc hậu sẽ không bao giờ đủ sức làm "đòn bẩy" cho sự phát triển của đất nước.

Mỗi chúng ta ai không có một nhà quê, ai không có gốc gác nông dân, ai không ước mơ một ngày nào đó trên những cánh đồng lưu vực sông Cửu Long, sông Hồng cũng sẽ vắng bóng nông dân, nhưng làng quê lúc đó sẽ trù phú khang trang hơn gấp nhiều lần, thể hệ nông dân mới sẽ có học thức không thua kém ai, và có thể họ cũng sẽ "rời xa mảnh đất của mình" nhưng không phải "vì không có đất vì nước đã mất" mà họ đã có nghề nghiệp đủ sống

đàng hoàng, nếu ở lại quê hương chỉ ít cũng trở thành công nhân nông nghiệp làm việc trên những chiếc máy cày máy cấy máy gặt liên hợp trên mảnh đất của chính mình.

Hơn ai hết, người nông dân Việt Nam xứng đáng và cần phải được như thế!

Sài Gòn 25.8.2014

Nước mắm và nước chấm

Dân gian gọi NƯỚC MẮM đã cho thấy cách gọi xuất phát từ nguyên liệu chính làm ra loại gia vị này.

NƯỚC MẮM LÀ PHẢI ĐƯỢC LÀM TỪ CÁ, có mùi đặc trưng và vị mặn mòi. Tùy từng vùng có những loại cá khác nhau, vào mùa khác nhau thì “bí quyết” ướp chượp cũng khác nhau. Mỗi một nhãn hiệu nước mắm truyền thống có một bí quyết riêng, tạo nên hương vị riêng. Cũng nguyên liệu ấy qua tay những người thợ lành nghề sẽ cho ra các loại nước mắm ngon khác nhau. Nước mắm

sản xuất thủ công truyền thống đòi hỏi rất công phu nên hiện giờ giá thành khá cao, chưa có chính sách “bảo hộ” loại gia vị rất độc đáo này nên nhiều nhà sản xuất phải bỏ nghề. Hăng nước mắm ngon giờ đếm trên đầu ngón tay. Người kỹ tính thì thấy việc tìm mua chai nước mắm “xịn” khó hơn tìm chai rượu xịn!

Còn có loại nước (chấm) KHÔNG LÀM TỪ CÁ, là một hỗn hợp pha chế từ hương liệu và nguyên liệu nào đấy theo công thức giống nhau ở tất cả những nơi sản xuất. Vị đặc trưng là NGỒN NGỌT chứ không mặn. Thậm chí còn có loại nước mắm chay (?). Sản xuất công nghiệp nên “siêu sạch”, bán đầy các siêu thị, giá bình dân.

Mặc dù cùng là một loại nước,
Mặc dù cùng dùng để chấm thức ăn,
Mặc dù cùng dùng để nêm thức ăn,

Nhưng chắc chắn loại làm từ cá và không làm từ cá rất khác nhau, vì khi chấm khi nêm... với người biết nấu, sành ăn thì không thể cho hương vị như nhau.

Do đó, không thể coi loại không làm từ cá là “NƯỚC MẮM” như ghi trên chai, bao bì. Gọi như vậy là một sự lập lờ. Sòng phẳng với người tiêu dùng thì gọi loại này NƯỚC GIẢ MẮM, hay muốn chính xác thì ghi là NƯỚC CHẤM (gọi theo chức năng, công dụng). Khi nhà sản xuất cố tình ghi như vậy thì những người bán hàng cần hiểu biết để giải thích rõ cho người mua. Ai thích ăn loại nào thì tùy.

Chỉ có điều khi nước giả mắm tràn lan thì người ta sẽ quen dần với vị ngòn ngọt lơ lợ mà quên mất vị mặn mòi đậm đà. Thậm chí có người còn chưa bước chân ra khỏi “làng” đã chê “nước mắm hôi”! Người ở thành phố cứ thích chọn hàng hóa có bao bì trông đẹp, có tên gọi bằng chữ nước ngoài... cho sang. Rồi quen dần với vị nước chấm mà nghĩ rằng đó là nước mắm.

Ôi, nước mắm mà không làm từ cá, không “hôi” không mặn nhưng ngọt về “hậu”, thì có còn là NƯỚC MẮM?

Bạn tôi, một người nấu ăn rất tinh tế, một lần trò chuyện anh nói: Hôn nhân như... pha một chén nước mắm. Giỏi thì pha ngon, làm bữa ăn ngon hơn. Dở thì pha hỏng, nhàn nhạt hoặc quá mặn quá ngọt quá chua, khéo chữa thì dùng được, mà vụng thì càng chữa càng hỏng, có khi phải bỏ đi mà pha chén khác. Mà lạ, nước mắm thật có pha hỏng thì dễ “chữa” chứ nước chấm mà pha hỏng thì vô phương!

Ngẫm ra hình như không phải chỉ là chuyện nước mắm nước chấm, mà là chuyện của con người.

Sài Gòn 5.7.2014

Quê hương

1. Bạn từ xa về hẳn đi uống cà phê, hẹn ở một quán sân vườn ngoại ô. Hỏi: sao xa dữ vậy? bạn cười: ồ, quán này là quán vườn đúng nghĩa. Ừ nhỉ, từ xứ lạnh nhà cao thang máy chục tầng về, cần gì phải tới những quán máy lạnh cửa kính đèn mờ...

Lu bu, nửa buổi mới đến nơi. Quán lá, chòi bát giác dưới hàng dừa rợp bóng, thỉnh thoảng trái rụng lộp bộp xuống mương nước. Tiếng cá quẫy, tiếng gà gáy le te ban trưa... Quán vắng, bạn ngồi một mình với ấm trà nóng. Trông ung dung như chủ nhà sau một ngày làm việc.

Mỗi năm bạn đều cố gắng “về nhà” một lần, vào dịp

gần Tết dù chẳng bao giờ bạn ở lại đến Tết. Thời gian nghỉ phép chỉ có vậy, công việc không như ở trong nước muốn nghỉ phép hồi nào là nghỉ. Bạn chọn mùa gió chướng để về, thuê một ngôi nhà nhỏ ven sông Sài Gòn để ở, mỗi ngày ngắm hai lần nước lớn nước ròng, đêm nghe gió chướng ngoài kia ào ạt để rồi thiếp đi trong hơi nước mang theo vị biển.

Năm nay cũng vậy. Khi tôi hỏi như năn nỉ: Tết năm nay ở lại đi, bạn cười buồn, ở lại thì cũng một mình, thà bên đó đi làm cho qua ba ngày Tết... Tôi vẫn biết nỗi cô đơn của bạn nhưng khi nghe bạn nói vẫn thấy thương bạn nhói lòng.

Rồi đến ngày bạn đi, để hẹn sang năm sẽ lại về. Gần ba mươi năm vẫn như người “một chốn đôi nơi”, cứ ngong ngóng qua hết những tờ lịch cuối để bay nửa vòng trái đất về ngôi nhà nhỏ ven sông, ngôi ngoài hiên nghe tiếng sóng đánh ì oạp vào bờ, ngó hàng rào bông giấy lốm đốm nắng trưa, nghe tiếng gà eo óc ngoài kia mà nhớ mẹ, nhớ chị... Và thỉnh thoảng, vào buổi sáng được uống ly cà phê pha bởi đôi tay người phụ nữ đã hơn nửa đời chờ đợi bạn.

Tất cả là Quê hương mà bạn đã mang theo bên mình đến hết cuộc đời người xa xứ...

2. Em là một họa sĩ trẻ, sinh sống ở nước ngoài từ nhỏ. Tranh của em được giới mỹ thuật biết đến khi mới tuổi *teen*. Tốt nghiệp cao học loại ưu, trước mắt em là một tương lai thênh thang khi giáo sư của em đã có hẳn

chương trình vài năm tới đưa tranh của em đi triển lãm khắp châu Âu rồi qua Mỹ, em sẽ bước vào thế giới của những người nổi tiếng trong giới hội họa và sưu tập... Em đã có đầy đủ điều kiện để thành công ở xứ sở mà tài năng hội họa được tôn vinh như một báu vật chỉ có một số rất ít người được Thượng đế ban tặng.

Vậy nhưng em lại quyết định mang tranh của mình về nước “cho đồng bào con xem, Thầy ạ”. Vị giáo sư sững sờ: Ai hiểu và trân trọng tài năng của con? Ai sẽ sở hữu tranh của con với sự hiểu biết đúng giá trị của nó? Con làm vậy là đánh mất cơ hội ngàn năm để bước chân vào “giới thượng lưu nghệ thuật”. Em nhẹ nhõm trả lời: con tuy sống từ nhỏ ở nước ngoài, nhưng con vẫn là người Việt. Không có tâm hồn Việt con không thể sáng tác được những tác phẩm như thế này... Tại sao con không mang nó về tạ ơn đất nước của con?

Tranh của em có kỹ thuật điều luyện do những người thầy giỏi truyền dạy, nhưng tất cả kỹ thuật ấy ẩn sau tâm hồn và cảm xúc quê hương tràn đầy trên tranh, một quê hương trong ký ức của ba mẹ em trao cho em, từ làn điệu chèo cổ, từ tấm áo tứ thân, từ mái đình cây đa, từ cô Thị Màu từ nàng Sứ Vân, từ những cánh đồng lúa chín từ dòng sông quan họ... Những người đàn bà trong tranh của em dịu dàng như lúa mà cũng mãnh liệt như sóng. Họ, như hiện thân của em.

Và em nói, em không thể đi tiếp trên con đường nghệ

thuật đằng đẵng nếu không có quê hương bên cạnh, sau mỗi chuyến đi về như thế.

3. Nhà văn nổi tiếng với các tác phẩm ca ngợi những vĩ nhân trên khắp thế giới. Quá nửa đời sống nơi đất khách ông mới về thăm quê. Đứng trước mộ ông bà cha mẹ, nhà văn chợt hiểu đây chính là những con người tuyệt vời nhất, vì họ đã dạy cho ông biết nhận ra sự vĩ đại trong những con người bình dị quanh mình.

Nhà văn ra đi, mang theo món nợ văn chương mà ông biết kiếp này sẽ không thể trả. Vì thiếu quê hương.

Sài Gòn 8.1.2014

Sách cũ

Nhà thấm dột đã lâu, rồi chỗ này hư chỗ kia hỏng... chân chừ mãi rồi cũng phải thu xếp mọi việc để có thời gian sửa nhà. Tưởng chỉ sửa chữa nhẹ, ai ngờ đục vào đâu cũng thấy... có vấn đề. Vậy là phải đóng gói đồ đạc gọn gàng. Nhà không lớn, cứ tưởng mỗi ngày đều đã dọn dẹp thì chắc một hai ngày sách vở quần áo đồ đạc linh tinh sẽ vào hết những thùng giấy, vali túi xách... Vậy mà hai ngày cuối tuần cả nhà cật lực cũng chỉ xong chỗ sách vở - tài sản nhiều nhất sau hơn ba mươi năm cả hai vợ chồng dạy học và nghiên cứu.

Sách có khắp nơi, cái giá sách lớn đóng lúc mới xây nhà đã đầy ắp, vậy là cứ có thêm sách thì phải mua thêm

giá để sách. Rồi các con lớn dần, sách vở mỗi ngày nhiều lên... vì Internet có Google đầy nhưng không thể mất thói quen đọc sách. Đọc để tìm tài liệu cho công việc, đọc để đắm mình vào cảm xúc chỉ riêng mình có với những tác phẩm văn học, đọc để hiểu hơn con người và cuộc sống quanh mình...

Mỗi cuốn sách cầm lên là thấy một kỷ niệm, một thời đã qua. Nhiều cuốn sách in từ những năm 1980, giấy đen chữ nhỏ, bây giờ xộp nhẹ, đục vào phải nhẹ nhàng như cầm cổ vật, vẫn không nỡ bỏ đi chỉ vì trang lót có chữ ký từ thời con gái. Có cuốn sách dùng nhiều đến mức bìa long gáy rời, vì không được tái bản nên cứ dùng mãi... đến lúc thông tin trong đó cũ rồi thì xếp lên giá sách, lâu lâu nhìn thấy như gặp lại người bạn cũ. Có cuốn tiểu thuyết... hồi xưa lén chồng bớt tiền chợ để mua vào cái thời khốn khó đồng lương giáo viên không đủ ăn được hai tuần, vậy mà cứ nhìn thấy sách truyện là mắt sáng lên, không mua được thì thấy như mình đánh mất vật quý. Có cuốn sách tưởng bị mất bỗng tìm thấy nằm sâu trong góc tủ, vuốt ve những tờ giấy quăn góc mà muốn thì thầm xin lỗi vì đã để sách đau.

Nhiều cuốn sách mới mua, được bạn tặng, được biếu... mà chưa có thời gian đọc, thậm chí còn nguyên lớp nilon bọc ngoài. Nhìn thấy lại áy náy, rồi đành tự nhủ, thôi để dành lúc về hưu đọc, vì lúc đó chắc ít người biếu tặng và cũng phải... tiết kiệm nữa chứ, sách bây giờ đâu có rẻ. Nghe vậy, ông xã lẫu bầu: em mà không mua sách nữa thì chắc chỉ đến lúc già rồi nên đổi tính! Lựa chọn mãi, xếp

vào lại lấy ra rồi lại xếp vào... cuối cùng hầu như chẳng bỏ đi cuốn nào, hết thùng lại đi mua thêm, lại cẩn thận bọc cả thùng vào bao xếp lớn vì đang là mùa mưa, để phòng sửa nhà mưa tạt ướt hết.

Rồi tất cả sách cũng đã vào thùng, phân loại sơ sơ, đánh số ghi rõ từng thùng để khi sửa xong nhà sẽ sắp xếp vào đúng vị trí cũ. Khi rảnh rồi sắp xếp lại sách trong tủ trên giá thực là một “thú vui tao nhã”. Vừa xếp vừa giở vài trang, đọc hù họa một câu một đoạn nào đấy như kiểu bóí Kiều. Như lúc này chẳng hạn, giở một trang trong cuốn tiểu thuyết *Thuyền trưởng và đại úy* - niềm say mê hồi những năm là sinh viên - bắt gặp câu này “*Em muốn quên hết những chuyện đã qua nhưng còn luyến tiếc quá khứ...*”.

Đi mua sách cũ hay gặp những cuốn sách có lời đề tặng của tác giả. Câu chữ thân thiết, trân trọng cho biết người được tặng là người yêu, bạn bè, anh em, đồng nghiệp, tác giả tặng đọc giả... Có cuốn đã cũ nhưng cũng có cuốn còn mới nguyên.

Chợt nhớ câu “mỗi người đàn bà như một cuốn sách...”. Ngậm ngùi, không hiếm người có số phận như những cuốn sách tặng nằm trong hiệu sách cũ...

Mới đó mà đã vài tháng, nhà sửa xong rồi, sách cũ sách mới lại đứng cạnh nhau, như quá khứ luôn hiện diện trong mỗi ngày ta đang sống, bởi vì quá khứ không chỉ là những chuyện đã qua...

Sài Gòn tháng 6.8.2014

Về miền Tây, thương...

Quê tôi ở miền Tây. Còn tôi sống ở Sài Gòn.

Quê ngoại tôi chỉ cách quê nội một nhánh Tiền Giang nối liền nhau bằng bến đò Mỹ Hiệp, xưa ghe chèo nay là chiếc phà có thể chở xe tải nhẹ hay xe hơi 16 chỗ. Mỗi ngày hàng chục lượt phà qua lại nối liền Cù Lao Giêng với thành phố Cao Lãnh, dân cù lao buôn bán quanh năm hay chợ búa hàng ngày từ lâu đã quen thuộc với thị tứ bên này. Nhiều gia đình kết sui gia với nhau, ngày rước dâu chiếc phà rục rở sắc màu chạy trên sông, lẫn trong tiếng máy nổ đều đều là tiếng nhạc rộn rã và tiếng con nít chỉ trở í ới...

Những đám rước dâu, đưa dâu trên sông gợi nhớ bài

hát Ngẫu hứng Lý qua cầu của nhạc sĩ Trần Tiến. Người nhạc sĩ tài hoa của Hà Nội đã cảm nhận được sự bình dị và lời ăn tiếng nói của người miền Tây để chuyển thành những câu ca nghe chạm vào tận đáy lòng “*bằng lòng đi em về với quê anh, một cù lao xanh một dòng sông xanh... Đóa hoa tím trôi liu riu, dòng sông nước chảy liu riu... anh thấy em nhỏ xíu anh thương... Những đêm ngắm sông nhớ em buồn muốn khóc...*”. Có một thời tôi đã thầm nghĩ, nếu có ai đó chỉ cần nói với mình một câu giản dị “anh thương em” thì mình sẽ bỏ tất cả mà theo. Lúc đó tôi còn chưa hiểu vì sao chữ “thương” của người miền Tây lại làm mình nao lòng đến thế. Sau này, mỗi lần về quê hay đi công tác miền Tây là đi qua vô số những cây cầu dọc theo quốc lộ, nhìn những con sông, dòng kinh, con rạch... xanh mượt hai bờ, ghe xuồng xuôi ngược, chợ búa ở đầu cầu tấp nập, trái cây rau cải tôm cá tươi chong... Bỗng thấy thương quê mình gì đâu! Mới hiểu, chữ *thương* của miền Tây ngọt ngào, nặng tình nặng nghĩa biết bao, bởi vì *thương* không chỉ là *thương yêu* cha mẹ anh em, mà còn là *thương nhớ* người dưng, *thương xót* thân phận ghe xuồng trên sông, thương những gì gắn bó cả đời như thương chính mình.... Chữ *thương* bao dung và nhân hậu, nhẹ như hơi thở mà người miền Tây chỉ buông ra khi dần lòng không được...

Về miền Tây thương đất hè nắng nức, thương đất vàng phèn mặn, thương những dòng sông mùa nước nổi mang phù sa về tưới tắm cho những cánh đồng lúa mới, mang cá tôm về làm mắm làm khô nuôi sống dân miền Tây

trong những tháng mùa khô sau đó; thương những mái nhà lá lô nhô trong nước, thương đồng lúa chín gặt vội chạy cho kịp mùa nước nổi, thương bầy trâu lặn lội mùa len, thương đàn vịt đồng ồm nhom mùa nắng tới...

Về miền Tây thương con nước ngày hai lần nước lớn cho ghe xuống đi xuống miệt ruộng vùng sông Hậu, nước ròng cho ghe xuống đi lên miệt vườn trên những cù lao sông Tiền. Mùa nước nổi có xuống “năm quãng” giúp bà con sinh sống. Thương chiếc xuống len lỏi theo những rạch, tắt, cựa gà... khuất vào đám dừa nước rậm rạp rồi chợt hiện ra nhỏ nhoi đơn côi trong tiếng *bim bịp kêu nước lớn anh ơi...* Thương những chiếc ghe thương hồ từ nhiều đời miệt mài xuôi ngược *buôn bán không lời chèo chống mỗi mê...*

Về miền Tây thương những xóm làng nghèo khó mà ấm áp tình người. Trưa vắng vắng tiếng gà gáy lao xao trong vườn, ngọn khói bếp vẫn vờ trên tán xoài, cầu dừa chông chênh cô thiếu nữ thoãn thoắt bước qua. Chiều xuống những bến nước ven con rạch ồn ào trẻ nhỏ, đờn bà giặt đồ trên chiếc cầu tre, đờn ông chạy ào xe máy trên đường mòn, bất chợt nghe tiếng ai kêu dừng lại gạt chân chống để đó ghé vô, có khi tới khuya mới quay ra, xiêu xiêu lên xe chạy tiếp về nhà...

Về miền Tây thương những con đường giữa bóng xoài bóng dừa mát rượi, thương hàng rào bông bụt nhà ai đỏ vàng rực rỡ, thương dàn bông giấy màu trắng tím đỏ ngời lên trong nắng hạn làm lóa mắt người qua... Về miền

Tây thương nhà sàn lơ nhô trên kênh rạch, thương bếp cà ràng đỏ lửa trên ghe, thương lò trấu trong gian bếp gọn gàng như những người đồn bà miền Tây vén khéo.

Về miền Tây thương ngôi chợ nhỏ đầu làng, sương sớm còn mờ đã lao xao mua bán, đến nửa buổi thì nhà lồng chỉ còn vài hàng cây trái. Thương chợ ngã năm ngã bảy trên sông ghe xuống san sát, những chiếc sào cột các loại trái cây rau cải lơ lửng trên cao, ghe tạp hóa xanh đỏ đồ dùng, ghe than ghe chiếu giờ đã ít người mua kẻ bán... Thương phố chợ nhỏ mà cột ăngten san sát như đàn chuồn chuồn báo hiệu trời mưa, nhà cao tầng ngói đỏ ngói xanh, tiệm uốn tóc, tiệm vàng, tiệm thời trang... chẳng khác gì thành phố.

Về miền Tây thương những chành gạo ven sông, xà lan ghe lớn ghe nhỏ vào mùa gặt tụ họp về đêm ngày trên bến, những băng chuyển thay sức người tải gạo lên kho xuống ghe không dứt. Thương những lò gạch tròn như tổ tò vò khổng lồ in bóng xuống dòng sông. Những con sông dòng kinh như những mạch máu nuôi sống miền Tây.

Về miền Tây thương rừng tràm rừng đước xanh bạt ngàn miệt U Minh nước đỏ. Đêm Năm Căn câu vọng cổ nghe buồn chí xứ *“chiều này tôi chẳng bán đâu, tìm cô không gặp... tôi gói đầu mỗi đêm...”*. Thương những Bãi, Bàu, Bắc, Bến, Bưng, Cái, Cầu, Cồn, Cù lao, Cửa, Đầm, Đồng, Gành, Hòn, Hố, Láng, Lung, Mũi, Mương, rạch, Tắc, Vàm, Vung, Xẻo... nghe giản dị mà gợi hình gợi cảnh.

Về miền Tây thương đám lục bình bông tím mong manh trôi xuôi ngược trên sông. Lúc nước ròng thì tấp vào như tìm chút hơi ấm của bờ đất mẹ, khi nước lên lại bơ vơ dập dờn trên mặt nước. Bông lục bình đẹp như em gái miền Tây, chơn chất, hiền lành, biết lo toan cho gia đình cha mẹ, khi em phải lấy chồng xa xứ khác nào số phận lục bình trôi... Chỉ mong mỗi ngôi nhà và những người đờn ông miền Tây sẽ là những bè tấm vông chắn sóng chắn nước cho giẻ lục bình bông tím mong manh đừng trôi xa, bình yên ở lại bờ bến quê nhà.

Về miền Tây thương những gian bếp có máng xối hứng nước mưa vào hai hàng lu mái. Sân nhỏ trước nhà lác đác lá khô của cây mận hồng đào. Thương từng chùm trái đỏ rực, lúc liu trên cành vào mùa Tết, thương mỗi đêm gió chướng nghe trái cây ngoài kia rơi lộp bộp, thương bấy trẻ con tranh nhau lượm những trái mận chín rụng, giòn và ngọt như đường phèn.

Về miền Tây thương những giọng hò ơ lai lảng trên sông, thương câu vọng cổ thốn thức đêm đêm, thương bài đờn ca tài tử những ngày giỗ chạp, thương những “hẹn, hò”, “giỗ, quây”... Về miền Tây thương người đừng buông câu “anh thương em” để trái tim lỗi nhịp, thương em gái nghẹn ngào “em thương anh, chị ơi...” nặng đến thất lòng... Chỉ một tiếng “thương” thôi mà miền Tây đã níu giữ bao người ở lại, bao người đã đi rồi còn quay trở lại.

Về miền Tây thương những cửa sông rộng mênh

mông, từng là con đường dẫn ông cha đi tìm đất khẩn hoang lập ấp. Thương vùng biển bồi bùn nâu nước lợ, *mắm trước đước sau* lấn biển, cả ngàn năm mũi Cà Mau dày thêm từng thước đất.

Về miền Tây thương những con người bao đời khó nhọc, nói “làm chơi ăn thiệt” vì không hay than thở, nói “làm đại đi” vì can đảm dám chịu trách nhiệm về việc mình làm. Thời thế nào cũng có những người “*giữa đường thấy sự bất bằng chẳng tha, đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*”, dù sau đó có phải chịu nhiều oan khuất...

Về miền Tây...

Thương quá, miền Tây ơi!

Sài Gòn, tháng 11. 2013

Vết cắt sâu đến sáu mươi năm

Vào những năm 1954-1955, hàng ngàn người con Nam Bộ theo sự điều động của cách mạng đã tập kết ra miền Bắc, với niềm tin và hy vọng chỉ sau hai năm sẽ được trở về quê hương yêu dấu. Ba má tôi cũng nằm trong số đó. Và không ai có thể hình dung được rằng mãi hai mươi năm sau mới lại được đặt chân về đôi bờ Đồng Nai, Vàm Cỏ, Cửu Long... Ba tôi đã viết trong hồi ký như sau:

“Một ngày cuối năm 1954, giữa một rừng cò đỏ sao vàng, gia đình và đồng bào tiền đội ngũ chúng tôi lên

đường tập kết... Lần đầu tiên có chuyến đi xa nhưng không một ai thiết nhìn phong cảnh. Chúng tôi vừa để lại phía sau những gì thân thương nhất, vừa lo âu không hiểu rồi đây tương lai của mảnh đất quê hương yêu mến rồi sẽ ra sao, vừa băn khoăn cố gắng hình dung những nhiệm vụ nặng nề sắp đến, tự hỏi mình có gánh vác nổi hay không?

Tàu Xta-vơ-rô-pôn cập bến Sầm Sơn vào một buổi sáng mùa đông, gió lạnh chạy dài trên bãi biển. Đồng bào đông đảo nồng nhiệt đón tiếp chúng tôi. Trống ếch rập rùng, nhưng lòng chúng tôi quặn đau vì thấy bà con ăn bữa cháo bữa rau, nhưng vẫn dành cho những đứa con miền Nam cơm đầy thịt đủ.

Kế tiếp là những năm dài ‘ngày Bắc đêm Nam’, là những chuyến lưu diễn liên miên: Rừng núi Việt Bắc, đồng ruộng Khu Ba, khu mỏ Quảng Ninh, giới tuyến Hiền Lương... Tới đâu chúng tôi cũng ráng đem lời ca tiếng hát góp phần cho than, lúa thêm nhiều, đem chút ít tình cảm ấm áp cho anh em đồng hương, ráng hết sức mình vì miền Nam ruột thịt”.

Hai mươi năm, một thế hệ mới đã kịp ra đời và lớn lên ở Hà Nội - miền Bắc, đó là thế hệ chúng tôi, thế hệ “một chốn đôi quê” chỉ được biết quê hương qua những ký ức mà mẹ cha truyền lại. Hai mươi năm sống ở miền Bắc ba má tôi vẫn giữ được nguyên vẹn giọng nói và tính cách người Nam Bộ chân chất thiết tình. Những tháng năm

sống ở Hà Nội, ký ức về quê hương thường được ba má tôi nhắc đến, bất kỳ lúc nào có gì đó gợi nhớ. “Ngày Bắc đêm Nam” suốt hai mươi năm không làm người nổi nhớ mà chỉ làm dấy thêm ký ức về quê hương. Tuổi thơ của tôi được nuôi dưỡng trong những ký ức của cha mẹ.

Quê hương tôi là làng nhỏ Mỹ Hiệp trên Cù lao Giêng bên bờ sông Tiền, nơi mà sau này nhạc sĩ Hoàng Hiệp - cũng là một người bà con gần với gia đình tôi - đã ghi lại ký ức về nó qua bài hát *Trở về dòng sông tuổi thơ*. Làng Mỹ Hiệp hiền lành với vườn trái cây, những nếp nhà sàn khuất sau hàng dừa, cánh đồng lúa chín trong mênh mông mùa nước nổi... Vào đầu năm 1945 một cô gái bên kia sông Tiền đã theo ba tôi về làm dâu và dù chỉ ở đó vài năm thôi nhưng trong tâm thức của má tôi, quê chồng cũng là quê mình. Và cũng như vậy, quê ngoại của tôi, làng Hòa An kế bên thị tứ Cao Lãnh cũng trở nên gần gũi hơn với hình ảnh cây mận xanh bên chái bếp, loại mận xanh Hòa An nổi tiếng thường được hấp với cá lóc, vị chua ngọt thanh thanh thấm vào miếng cá, nhậu quên say... Vườn thuốc lá Cao Lãnh thơm đậm đà nhờ được bón bằng phân cá, làn khói thơm mùi lúa mới từ nhà máy xay của ông ngoại lan trên sông...

Tôi biết về quê hương Cù lao Giêng và Cao Lãnh từ ấy, biết yêu sông Tiền yêu mùa nước nổi từ ấy, biết thèm ăn mắm lóc, thèm cá rô kho tộ, thèm canh chua cá linh bông điên điển... Lớn hơn một chút, từ những cuốn sách qua những câu chuyện, hiểu biết của tôi về quê hương cụ

thể hơn nhiều hơn nhưng không thể thay thế sự lung linh run rẩy mà ký ức cha mẹ truyền cho.

Nhưng quê hương không chỉ là những ký ức run rẩy đẹp. Hai mươi năm bật tin, một ngày đầu tháng Năm 1975 một bà mẹ được ôm người con gái trong vòng tay. Đứa con gái mà bà đã phải lập bàn thờ từ khi nó đi tập kết với lời hứa: con đi hai năm sẽ về với má. Bàn thờ đứa con còn sống ở “phía bên kia” là để cho những đứa con khác yên ổn học hành, đi làm, đi lính... Nhưng chưa kịp mừng vì con gái trở về bà đã phải đưa hai người con trai đi học tập cải tạo. Gia đình lại chia ly. Người chị tìm cách bảo lãnh cho hai em ra khỏi trại cải tạo sớm hơn hạn định, gia đình gom góp tiền bạc cho họ vượt biên. Cũng may, người trong nhà thuộc bên này hay bên kia, cũng có lúc hờn giận nhau nhưng không nuôi oán trách thù hận. Họ thương yêu nhau hơn vì không muốn làm người mẹ đau lòng, vì họ hiểu không ai trong gia đình muốn những việc như thế xảy ra. Đây là chuyện của gia đình bạn tôi sau năm 1975.

Nhưng dù như vậy, gia đình bạn còn may mắn hơn rất nhiều gia đình khác. Từ vết cắt 1954 biết bao gia đình có người thân phải đứng về hai chiến tuyến, biết bao gia đình không thể sum họp vì vợ, chồng đã có gia đình khác trong những năm dài không hẹn ngày gặp lại, biết bao nhiều gia đình tiếp tục tan vỡ vào những ngày ngỡ đã bình yên... Vết cắt 1954 không chỉ dài đến hai mươi năm mà hình như, sáu mươi năm rồi vẫn chưa lành.

Tôi vẫn luôn tự hỏi, nếu ngày ấy bản đồ Việt Nam không bị một vạch đỏ cắt ngang sông Bến Hải thì bây giờ đất nước sẽ thế nào?

Lịch sử thì không có chữ “nếu”. Chính vì vậy cần mình bạch tất cả những gì đã làm thay đổi số phận đất nước và số phận của từng gia đình, để thế hệ sau không phải đặt ra một chữ “nếu” đau xót như thế hệ hôm nay!

Sài Gòn 21.7.2014

Vọng cổ trưa

Đã bao lâu rồi mình chưa nghe một câu vọng cổ ở Sài Gòn, cái nôi của nghệ thuật cải lương? Tôi đã tự hỏi như thế khi bất chợt nghe thấy giọng ca Lệ Thủy ngọt ngào chân chất vang lên trong một trưa hè đứng nắng giữa bạt ngàn xanh miệt vườn Nam Bộ.

“Hồi cô đi bán đèn hồng, đèn hồng cô bán má hồng cô bán không... Đèn hồng đã có người mua, má hồng thì đã nắng mưa phai rồi...”

Có lẽ không ở đâu mà một loại hình nghệ thuật lại có sức sống bền bỉ, gắn bó sâu đậm và được người dân yêu

thích như cải lương ở Nam Bộ. Ra đời mới khoảng gần một trăm năm nhưng cải lương đã trở thành “máu thịt” của người Nam Bộ, vượt qua những năm kháng chiến chống Pháp bị coi là “uớt át ủy mị”, vượt qua thời gian dài chia cắt Bắc-Nam, ngay ở miền Bắc ngoài Đoàn Cải lương Nam Bộ tập kết còn có hàng chục đoàn “cải lương Bắc” ở các tỉnh, vượt qua thời kỳ sau 75 khó khăn cùng cực mà sân khấu cải lương vẫn có những vở diễn trở thành kinh điển... Nhưng cho đến hôm nay thì nhiều người vô Sài Gòn, về miền Tây đã phải hỏi thăm “sân khấu cải lương Nam Bộ đâu rồi? Còn không?”

Ừ nhỉ, từ bao giờ sân khấu cải lương thành phố không còn nhộn nhịp sáng đèn? Những “thánh đường” của Cải lương Sài Gòn đâu rồi? Rạp Aristo hay còn gọi là Trung ương Hý Viện, rạp Hưng Đạo, Olympic, các rạp Nguyễn Văn Hảo, Thanh Bình, Hưng Đạo, Quốc Thanh, Khải Hoàn, Thành Xương, Hào Huê, Cao Đồng Hưng, Thủ Đô, Huỳnh Long, Quốc Thái, Cây Gõ... bây giờ đã biến thành gì? Các đoàn cải lương nổi tiếng như Kim Chung, gánh hát Nam Phi của bầu Năm Phi, gánh cải lương tuồng Tàu Phụng Hảo của bầu Nhơn - Phùng Há, gánh Việt Kịch Năm Châu của ông bầu Năm Châu. Đoàn cải lương Kim Thanh - Út Trà Ôn, đoàn Thanh Minh - Thanh Nga, các đoàn Sài Gòn 1, 2, 3, Hương Mùa Thu, cải lương tuồng cổ Huỳnh Long... còn ai nhớ đến...?

Thế hệ nghệ nhân “khai sáng” sân khấu cải lương như các nghệ sĩ Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Út Trà Ôn...

đã không còn nữa, “thế hệ vàng” của các nghệ sĩ Bạch Tuyết, Lệ Thủy, Ngọc Giàu, Thanh Sang, Minh Vương, Mỹ Châu... cũng đã từ biệt sân khấu, lớp nghệ sĩ kế tiếp cũng bị mai một: người ra nước ngoài định cư, người ở lại chuyển sang tấu hài, diễn kịch, đóng phim, lập gia đình, bỏ nghề... Có ai nhớ được tên một nghệ sĩ cải lương nào thuộc thế hệ thứ tư không...?

Vậy nhưng cuộc thi “Bông lúa vàng” của Đài Tiếng nói nhân dân TP. Hồ Chí Minh vẫn thu hút hàng ngàn lượt thí sinh tham gia, đủ lứa tuổi đủ nghề nghiệp, sống ở thành phố hay ở tỉnh vẫn say mê thuộc nằm lòng nhiều bài bản cổ... Vậy nhưng những chương trình ca cổ theo yêu cầu vẫn luôn nhận được hàng ngàn lời đề nghị, lời nhắn gửi... của người yêu gửi cho người yêu, của con gửi tặng ba má, của bạn gửi cho bạn, của trò gửi tặng thầy... Người Nam Bộ vẫn yêu cải lương và coi nó như cách tỏ bày tình cảm một cách chân thành và thoải mái nhất. Trong các quán karaoke, “hát với nhau” không bao giờ thiếu những bài ca tân cổ giao duyên - một sự “cải biên” để thích nghi với đời sống thị thành hồi thập niên 1970 của cải lương. Và người Sài Gòn, người miền Tây luôn sẵn sàng ca một, hai câu vọng cổ khi bạn bè yêu cầu. Dù là karaoke nhưng khi hạ giọng “xuống xê” người ca vẫn nhận được những tràng pháo tay giòn giã của bạn bè. Chèo ở miền Bắc, hát bài chòi hay hát bội ở miền Trung có lẽ phải “ghen tỵ” với cải lương về hiện tượng này!

Gần đây Đờn ca Tài tử Nam Bộ được UNESCO vinh

danh là Di sản văn hóa Phi vật thể của thế giới. Nhiều di sản văn hóa phi vật thể được công nhận khi chúng đã và đang có nguy cơ biến mất, biến dạng bởi những làn điệu lời ca một mực chân chất không còn chỗ trong quay cuồng đời sống hiện đại, bởi con người không có sự hiểu biết đầy đủ để quý trọng và gìn giữ nó. Khi đó di sản văn hóa mới được vội vã “bảo tồn”. Một ngày nào đó có thể Cải lương cũng được vinh danh như thế... Lẽ nào sẽ có một Sài Gòn, Nam Bộ không còn cải lương?

Miệt vườn vẫn lướt qua xanh ngát ngoài kia, nắng đứng bóng tiếng gà trưa vẫn eo óc ngoài kia, giọng ca Lệ Thủy vẫn ngọt ngào quyến rũ nhưng bản vọng cổ trưa bỗng buồn như tiếng thở dài...

Sài Gòn 10.8.2014

Những giấc mơ lạc đường

Tôi thường có những giấc mơ mình bị đi lạc đường.

Trong mơ ở bất cứ tình huống nào thì một hồi sau tôi cũng lâm vào tình trạng ngỡ ngác, khó chịu, thậm chí sợ hãi vì không biết mình đang ở đâu và sẽ đi đâu... Và thế là có lúc tôi đi lung tung, hỏi thăm hết người nọ đến người kia, mỗi người chỉ một kiểu, có người không thèm trả lời, có người chỉ “đểu” làm tôi càng đi lạc.

Có lúc tôi tự mình tìm đường, qua nhiều phố qua nhiều làng qua nhiều rừng cây, cuối cùng bao giờ cũng

đến tận cùng là một vực thẳm không thể vượt qua. Một mình với bầu trời xanh phía trên, vực thẳm đầy mây phía dưới, và con đường phía sau bỗng biến mất chẳng còn một dấu tích dấu chỉ là lối mòn chân thú.

Những lúc ấy tôi nghĩ gì nhỉ? Tôi có phân vân tự hỏi nên tìm cách đi tiếp hay là quay lại không? Tôi có tự trách mình vì sao để xảy ra tình trạng này không? Tôi có oán trách những người cùng đi đã bỏ mặc tôi không hề tìm kiếm? Tôi có nhớ đến ai để có thể cầu cứu hay ít nhất tên một ai đó như là một đốm lửa làm đích cho tôi tinh táo tìm về?

Không, chẳng có gì cả! Sau những giây phút bực tức và hoảng loạn, tôi ngồi bệt trên bãi cỏ hay bờ đá, đầu óc trống rỗng, thậm chí cũng không nghĩ việc gì sẽ đến. Rồi tôi như lơ lửng giữa không gian yên tĩnh tuyệt đối, không nghe thấy cả nhịp tim hơi thở của mình... Dường như lúc ấy tôi không còn tồn tại.

Dưới kia gió vi vút, trên kia mây lang thang, ở đây những ngọn cỏ im lặng những hòn đá trầm ngâm. Tôi ngả mình nhìn lên bầu trời xanh và bỗng thấy mình không cô độc. Xung quanh tôi sự sống vẫn tiếp diễn, tôi cảm nhận được điều đó, chỉ là tôi có một mình thôi, một thể xác khác những vật thể xung quanh nhưng cảm thức về thế giới cũng giống như hòn đá ngọn cỏ. Nếu thêm một người nữa ở đây có lẽ lại là... thừa.

Khi lạc đường hay gặp hiểm nguy, nếu chỉ có một mình thì ta sẽ dũng cảm hơn. Khi ấy ta chẳng trông chờ vào ai

được, không làm ai sợ hãi và cũng không sợ hãi vì ai. Ta phải tự vượt qua sự sợ hãi của chính mình, hậu quả thế nào cũng tự mình gánh chịu không thể nói tại vì bởi ai.

Ngụ ngôn có câu chuyện hai người bạn đi trong rừng và gặp một con gấu. Một người bạn leo vôi lên cây, anh kia sợ quá nằm im. Con gấu lại gần, ngửi và tưởng anh chết bèn bỏ đi. Người bạn trên cây tụt xuống hỏi: con gấu nói gì với cậu vậy? Anh trả lời: nó bảo là tớ có một người bạn tồi! Nhưng thử đặt ngược lại xem: nếu anh chỉ có một mình thì thế nào? Bỏ chạy hay trèo lên cây hay nằm im? Con gấu sẽ thế nào: đuổi theo hay chờ dưới gốc cây hay ngửi rồi bỏ đi? Đấy, cũng chẳng nên trách móc hay hờn giận ai nếu trong khó khăn họ không giúp mình được.

Rồi tôi còn nhớ thêm một câu chuyện tôi đọc từ lúc còn nhỏ và nó luôn trở lại trong tâm trí mỗi khi tôi gặp khó khăn. Hai người bạn thân đi chơi và bị lạc trong rừng rậm. Trước mặt họ là một khe sâu, phía bên kia là khoảng rừng thưa có một lối mòn. Khe rất dài nhưng không rộng lắm, chỉ còn cách phải nhảy qua. Hai người xem xét kỹ càng rồi quyết định. Họ vút ba lô qua bên kia và một người nhảy trước. Anh lấy đà và nghe thấy tiếng bạn động viên: nào cậu cố lên, cậu sẽ qua được mà. Vút, anh đã qua được bờ bên kia, tim đập chân run nhưng anh vẫn nhận thấy nụ cười hạnh phúc của bạn mình. Đến lượt người bạn nhảy qua. Khi bạn đang lấy đà bỗng nhiên anh thấy sợ hãi: nhờ bạn không qua được thì sao? Nỗi sợ hiện rõ trên gương mặt anh, trong ánh mắt anh. Và người bạn

đã cảm nhận được điều đó. Bạn chỉ nhảy hụt một bước chân...

Nhiều năm về sau anh luôn tự trách: nếu lúc ấy mình đừng sợ hãi... Nhưng nỗi sợ như là một bản năng, nó ập đến bất ngờ, khó tránh. Anh không biết giây phút cuối bạn nghĩ gì, có trách móc anh hay không? Nhưng anh biết mình không thể tha thứ cho mình. Giây phút sợ hãi thoáng qua ấy đã làm cho cả cuộc đời anh trở thành bi kịch.

Có lẽ vì những câu chuyện này mà trong những giấc mơ đi lạc đường của tôi không bao giờ có một người đồng hành. Và cũng chưa bao giờ trong mơ tôi tìm thấy đường về. Tôi cứ lạc mãi, hoặc dừng lại đâu đó. Nhưng tôi không trông chờ một ai sẽ chỉ cho mình đường đi.

Bởi vì, trên mặt đất làm gì có đường, đường là do ta đi mãi mà thành, cổ nhân đã nói như vậy. Những con đường trong mơ sẽ đưa ta đến một nơi nào đó, nếu ta tiếp tục đi tìm ngay cả khi đã ra khỏi giấc mơ...

Sài Gòn 19.1.2015

Long Xuyên - êm ả nhịp đời

Quê tôi ở huyện Chợ Mới kế bên thị tứ Long Xuyên. Ông nội tôi để lại một tập *Lưu niên ký sự* ghi chép về gia đình từ nguồn gốc đến khoảng những năm 1940. Theo đó tôi được biết những lớp cư dân vô khai khẩn Long Xuyên và vùng đồng bằng hoang sơ đầu tiên là từ Ngũ Quảng, với hai bàn tay trắng và sự can đảm, lòng nhân nghĩa và cả sự liều lĩnh nữa đã tạo nên tính cách người Nam Bộ chính trực, phóng khoáng, “ân oán phân minh nghĩa tình trọn vẹn”. Cũng từ cuốn ghi chép của ông nội mà tôi biết được nhiều điều về Long Xuyên - thành phố của tỉnh An Giang ngày nay.

Long Xuyên là một thành phố nằm bên bờ sông Hậu, được hình thành từ khoảng đầu thế kỷ XIX từ một chợ - bến nổi tiếng: Chợ Đông Xuyên. Năm 1818, Thoại Ngọc Hầu cho đào kênh nối rạch Đông Xuyên với Rạch Giá, chợ Đông Xuyên (tức chợ Long Xuyên) đã sớm trở thành đầu mối giao lưu hàng hóa quan trọng của tỉnh. Từ đó đến nay Long Xuyên là đô thị trung tâm của vùng sản xuất lúa gạo lớn nhất nước, từ sau 1975 còn là trung tâm nuôi và chế biến thủy sản nổi tiếng với các sản phẩm từ cá basa.

Ngược dòng lịch sử về những thế kỷ đầu công nguyên, vùng đất Long Xuyên thuộc nền văn hóa Óc Eo nổi tiếng của vương quốc Phù Nam. Khảo cổ học phát hiện ở đây hàng chục đền tháp đồ sộ, hàng trăm tượng thờ là những tác phẩm điêu khắc tuyệt hảo, hàng ngàn cổ vật quý cho biết dấu tích một cảng thị sầm uất và trung tâm tôn giáo lớn nhất và quan trọng nhất của vùng hạ lưu sông Mekong. Có thể coi khu vực cảng thị Óc Eo - trong đó có Long Xuyên ngày nay là một đô thị cổ đại nằm trên tuyến thương mại đường biển giữa Biển Đông và Ấn Độ dương và xa hơn, đến Địa Trung Hải. Tính chất giao lưu kinh tế - văn hóa của vùng đất Long Xuyên đã được hình thành từ rất sớm.

Nằm trong vùng tứ giác Long Xuyên, lối sống của người dân ở đây khá tiêu biểu cho nền văn minh sông nước và đặc biệt là thích nghi với mùa nước nổi hàng năm: lối cư trú trên nhà sàn không chỉ ở ven sông rạch

mà vẫn còn nhiều ngay khi phố chợ đã hình thành, Chợ nổi Long Xuyên nằm trên sông Hậu là một trong những chợ nổi hiếm hoi ở miền Nam còn giữ được những nét sinh hoạt rất nguyên sơ của miền Tây sông nước. Đến những năm cuối thế kỷ XX, khi nguồn cá giống được lai tạo thành công trong nước và cá basa xuất khẩu đang hút hàng, An Giang tới giai đoạn vàng son của nghề nuôi cá bè, có tới vài ngàn bè cá ken nhau trên sông Hậu kéo dài từ Long Xuyên lên Châu Đốc; ghe xuồng vẫn là phương tiện giao thông phổ biến để đi lại và mua bán.

Nửa sau thế kỷ XIX với tổ chức hành chính của Pháp, các đô thị ở Nam Bộ lần lượt xuất hiện. Long Xuyên sớm được quy hoạch và xây dựng theo kiểu “đô thị phương Tây” với hạ tầng và những thiết chế văn hóa đô thị. Từ lúc này các tuyến đường lộ nối liền Long Xuyên với nhiều thị tứ khác đã được hoàn thành. Năm 1876, Châu Đốc và Long Xuyên đã có nhà “dây thép” do người Pháp thiết lập, cuối năm 1930 chợ Long Xuyên bắt đầu có điện do công ty Điện từ Cần Thơ tải sang, trước đó bùng binh “đèn đường bốn ngọn” đã trở thành một địa danh quen thuộc trong thành phố. Cũng như nhiều đô thị ở Nam Bộ, trong thành phố luôn có “dòng sông uốn quanh” tạo nên cảnh quan sông nước hữu tình. Từ đặc điểm này nhớ về Long Xuyên không thể quên những cây cầu bắc qua sông Hậu và rạch Long Xuyên. Năm 1897, để thay chiếc cầu gỗ, cầu Levis (còn gọi là cầu Máy, cầu Quay) được khởi công xây dựng, đến năm 1899 thì hoàn thành. Mỗi ngày ba lần,

vào giờ giấc qui định, hai nhịp thép được nhắc lên để tàu bè xuôi ngược. Năm 1985, cầu được khởi công xây dựng lại bằng bê tông cốt thép trụ xi măng, cầu mới đặt tên là cầu Nguyễn Trung Trực. Một cây cầu khác bằng gỗ bắc qua rạch Long Xuyên, năm 1892 được thay bằng cầu sắt có tên cầu Henry kiểu Eiffel. Năm 1938, cầu Henry được đúc bê tông, năm 2000 một cây cầu mới được xây bê cạnh thành cầu đôi Hoàng Diệu. Hiện nay từ thành phố Long Xuyên lên thành phố Hồ Chí Minh vẫn phải đi qua phà Vàm Cống hoặc phà An Hòa nhưng cả hai nơi này đang được xây cầu.

Không phải tự nhiên mà Long Xuyên được mệnh danh là đất của “văn nhân” vì Long Xuyên - An Giang là quê hương và là nơi sinh sống của nhiều văn nghệ sĩ và nhà văn hóa nổi tiếng. Từ tháng 7 năm 1917, kịch nghệ mới - hát cải lương xuất hiện, thử nghiệm biểu diễn ở chợ Long Xuyên. Cũng thời gian đó cùng với *An Hà báo* của Cần Thơ, vào tháng 1 năm 1918, *Đại Việt tạp chí* ra hàng tháng. Đây là tờ báo chính thức của Long Xuyên. Hội Khuyến học Long Xuyên do Hồ Biểu Chánh, Đặng Thúc Liêng, Lê Thường Tiên phụ trách. Một số hoạt động văn hóa thể thao “kiểu Tây” xuất hiện khá sớm ở Long Xuyên: tháng 7 năm 1925 cuộc đua xe Long Xuyên - Châu Đốc và ngược lại, cũng từ lúc này phụ nữ Long Xuyên biết đi xe đạp như nam giới, thậm chí vào năm 1927 ở chợ Long Xuyên có tổ chức cuộc đua xe đạp dành cho phụ nữ.

Long Xuyên không chỉ là một đô thị “vùng ngập nước”

mà còn là “cửa ngõ” đi vào vùng biên cương Thất Sơn nhiều huyền thoại. Phía tây của thành phố Long Xuyên giáp huyện Thoại Sơn có Núi Sập, núi Ba Thê và đồng bằng Óc Eo màu mỡ. Tính chất giao thoa của địa hình và đa dạng về dân cư Việt - Hoa - Chăm - Khmer đã làm cho văn hóa Long Xuyên phong phú từ ẩm thực đến trang phục. Về Long Xuyên mà không ăn mắm lóc, ăn canh chua cá linh, không mua chiếc khăn rằn, không biết đến chiếc cà om đất nung thì coi như chưa đến Long Xuyên. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Hầu thì *“Đông Xuyên nổi tiếng về hai đặc điểm: trai chuộng lễ giáo, gái giới công hạnh”*, *“trai hai Huyện gái Long Xuyên”* là câu thiên hạ nói về con người vùng này.

Thành phố Long Xuyên đã to lớn hơn xưa nhiều lần, qua những biến động nhưng nhịp sống vẫn êm ả, con người vẫn hiền lành. Có nhiều di tích nhiều địa điểm du lịch nhưng may thay nơi đây chưa bị thương mại hóa mà còn lưu giữ nét chất phác của người dân miệt ruộng. Mai này về quê qua cầu Vàm Cống mới xây sẽ nhớ hoài câu trách yêu của bạn: Bà mà lâu không đi, hễ đi tui kêu phà Vàm Cống hồng cho qua phà cho chừa cái tật làm biếng đi quê!

Sài Gòn 13.1.2015

Tháng Mười Hai yêu dấu

Tháng cuối của năm, tháng của mùa đông
thật sự bắt đầu.

Bao nhiêu năm đã qua trong cuộc đời tôi nhớ được
mấy tháng Mười Hai?

Tháng Mười Hai đầu tiên tôi có mặt trên đời vào một
đêm gió mùa đông bắc tràn về Hà Nội. Tất nhiên những
gì tôi biết về “cái đêm hôm ấy...” là do má tôi kể lại, đến
bây giờ dù đã ngoài chín mươi nhưng bà vẫn nhớ hai chi
tiết: bà đi bộ từ nhà đến bệnh viện và suýt để rơi tôi ở một
gốc cây, và khi mới sinh ra tôi “đen thui một cục, xấu đau
xấu đốn” ☺.

Tháng Mười Hai năm tôi bốn tuổi, anh Hai ở trường học sinh miền Nam về chơi, đón cô em út từ nhà trẻ về anh nói với má: má ơi, sao em Hậu thở khò khè quá, mà hơi thở có mùi hôi... Má tôi liền cấp tốc đưa tôi vô bệnh viện. Lúc đó cuối giờ chiều chẳng còn ai khám bệnh, mà tôi thì bắt đầu sốt cao, co giật. Má hết hoảng sai anh Hai chạy đến nhà bác Ba tôi cầu cứu. May quá bác Ba tôi vừa đi công tác về, ông lật đật chạy tới. Bệnh viện thấy có bác tôi đến liền vội vã khám cho tôi. Chỉ chậm chút thôi thì “xong đời” vì tôi đã nhiễm bệnh bạch hầu!

Tháng Mười Hai khi tôi sáu tuổi, từ nửa đêm má đưa tôi lên trường mầm non để đi sơ tán. Lần đầu tiên đi xa một mình mà tôi không được khóc vì bị cô mắng “lớn thế, không được khóc để các em bắt chước”. Thế là hai má con tôi bặm môi mà nước mắt tràn mi... Có lẽ từ đó tôi không bao giờ biết khóc thành tiếng nữa...

Tháng Mười Hai tôi ở tuổi lên chín, một ngày ba tôi bất ngờ lên thăm tôi ở nơi sơ tán. Ông đi chiến trường đã lâu, đến mức khi gặp lại tôi gần như không nhận ra ông gầy gò trong bộ quân phục bạc màu và mái tóc đã bạc trắng. Đến khi ba tôi nghẹn ngào gọi: con Hậu, tôi mới chạy lại ôm chầm lấy ba, làm cái kiếng của ông rơi gãy gọn. Thế là cả ngày hôm đó hai cha con loay hoay tìm cách cột lại để ông có thể đeo lên, đến tối thấy đường đạp xe quay về Hà Nội.

Tháng Mười Hai năm tôi học lớp bốn, lần đầu tiên tôi có quà sinh nhật, đó là một tấm thiệp rất đẹp chị Ba tôi

từ nước ngoài gửi về. Từ đó năm nào tôi cũng nhận được thiệp chúc mừng của chị, mà để kịp ngày sinh của tôi, chị đã phải gửi trước hàng tháng trời. Bạn biết không, “Thiệp sinh nhật” là món quà xa xỉ trong thời chiến tranh ở miền Bắc.

Tháng Mười Hai đầu tiên tôi ở Sài Gòn, má nấu một bữa cơm rất ngon với canh chua, cá kho, khổ qua xào trứng, vậy mà cả nhà vui như ăn tiệc. Bởi vì sau bao nhiêu năm chia cách, dịp sinh nhật tôi năm ấy mới có mặt đông đủ cả nhà.

Tháng Mười Hai của tuổi Mười Tám. Lá thư đầu tiên của người bạn trai... Mối tình đầu rồi cũng kết thúc vì sự chia xa không thể vượt qua...

Từ đó nhiều năm trôi qua... tháng Mười Hai quần quật chạy hàng bỏ mối nơi các chợ để kiếm sống, tháng Mười Hai cháy nắng ngoài công trường khai quật. Tháng Mười Hai được bạn rủ đi chơi xa, một nhóm các nàng “vui vẻ trẻ trung” cười khóc với nhau vì những chuyện “đàn bà” của mỗi người mà cũng là của mọi người. Cũng có tháng Mười Hai chạnh lòng khi người bạn thân lâu nay buông lời mỉa mai về “ngày sinh nhật”. Chợ nhận ra một góc khuất của bạn... ừ thôi, ai mà không có những góc khuất, chỉ là họ cố dấu nhưng vô tình ta thấy được mà thôi.

Tháng Mười Hai tiếp tháng Mười Hai... những vui buồn, những bận rộn lo toan, những công việc, những kiếm sống luôn cuốn tôi đi, nhưng khi tháng Mười Hai đến tôi luôn bắt gặp mình nhìn lại quãng đường đã qua,

mỗi năm một dài thêm. Quãng đường ấy có đoạn bằng phẳng đoạn quanh co, có đoạn tôi hăng hái bước nhanh, cũng có đoạn tôi mệt mỏi tưởng như không thể bước thêm được nữa... May mắn bên tôi luôn có gia đình, chồng con, bạn bè thân thiết, và cả công việc mà tôi yêu thích. Đoạn đường khó khăn của cuộc đời mình không ai thay tôi vượt qua nhưng chỉ cần một lời chia sẻ, một ánh mắt cảm thông, một bàn tay ấm áp... Vậy là đủ để tôi tiếp tục dù nhiều lúc chỉ có một mình.

Cứ vậy nhé cho đến hết đời, hy vọng thế, Tháng Mười Hai ấm áp, tháng Mười Hai yêu dấu của tôi!

Sài Gòn 2.12.2014

Phần III

GIA TÀI ĐỂ LẠI

Ảnh hưởng của mạng xã hội với giới trẻ

1. Thời đại thông tin ngày nay đã tạo những điều kiện và cơ hội cho con người giao lưu, liên kết, chia sẻ những sở thích, sự quan tâm, những ý tưởng, những việc làm bằng các phương tiện truyền thông hiện đại - nhất là sự phát triển ngày càng đa dạng của Internet, trong đó có các mạng xã hội. Sự xuất hiện với những tính năng đa dạng, nguồn thông tin phong phú, mạng xã hội đã cho phép người dùng tiếp nhận, chia sẻ và chọn lọc thông tin một cách có hiệu quả, vượt qua trở ngại về không gian

và thời gian, vượt qua khoảng cách giữa các thế hệ. Nó giúp nâng cao vai trò của mỗi công dân trong việc tạo lập quan hệ và tự tổ chức xoay quanh những mối quan tâm chung trong những cộng đồng thúc đẩy sự liên kết các tổ chức xã hội. Do chức năng đa dạng và sự gia tăng ngày càng nhanh số lượng thành viên, mạng xã hội đã có tác động làm thay đổi nhiều thói quen cũ và hình thành những biểu hiện mới của tư duy, lối sống, văn hóa... ở một bộ phận khá lớn những người sử dụng. Với sự phát triển ngày càng nhanh chóng và hiện đại của mạng xã hội, xu hướng mới của xã hội công nghệ thông tin đã đặt ra những câu hỏi khá lý thú nhưng cũng rất phức tạp về việc quản lý các mạng xã hội ảo như thế nào? Làm sao để phát huy được mặt tích cực của loại tổ chức “ảo” phục vụ cho xã hội “thực”, nhất là đối với giới trẻ?

2. Đầu tiên có thể nhận thấy những ảnh hưởng của mạng xã hội đến lối sống giới trẻ hiện nay, thông qua việc tìm hiểu nhu cầu, mục đích và các hình thức sử dụng mạng xã hội của họ. Mặt tích cực của mạng xã hội, những tiện ích mà nó mang lại cho cộng đồng như sử dụng mạng xã hội trong học tập, giao tiếp và tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp. Những thành viên trong các mạng xã hội liên kết hợp tác với nhau thành các nhóm người có cùng sở thích, cùng sự quan tâm, cùng ý nguyện có thể gặp gỡ, trao đổi trên mạng rồi tiến tới sinh hoạt offline, nhiều nhóm cộng đồng có tính chất tích cực từ “mạng ảo” đã xuất hiện trong “đời thực” như tổ chức các hoạt động từ

thiện nhân những ngày Lễ Tết, giúp đỡ trẻ đường phố, tổ chức những sinh hoạt văn hóa lành mạnh; nhóm các bà mẹ trẻ trao đổi kinh nghiệm nuôi dạy con cái; nhiều nhóm chia sẻ sở thích du lịch kết hợp việc làm từ thiện ở vùng cao biên giới hẻo lánh; những nhóm quan tâm đến các vấn đề lịch sử văn hóa Việt Nam, lập diễn đàn trao đổi tranh luận, những nhóm tìm về các giá trị văn hóa cổ xưa như đồ cổ sách cũ, chưa kể nhiều nhà văn nhà thơ đã sử dụng mạng xã hội để trực tiếp đưa tác phẩm đến với bạn đọc, qua sự tương tác với bạn đọc để hoàn chỉnh tác phẩm của mình... Nhiều cuộc trao đổi tranh luận quanh các vấn đề chính trị - xã hội cũng đã giúp nâng cao nhận thức của người dân về nhiều mặt. Nhiều phong trào mang ý nghĩa lớn lao như tuyên truyền về Biển-Đảo Việt Nam cũng thông qua nhiều mạng xã hội để đến với giới trẻ. Đây chính là những tác động tốt mà mạng xã hội mang lại. Mạng xã hội, tuy rất rộng lớn, đa dạng và phức tạp nhưng cũng chính là cái sàng lọc mà mỗi thành viên của nó có thể sử dụng để tìm ra những gì phù hợp với sở thích, khả năng, suy nghĩ và hành động của mình. Nó làm cho mỗi người rèn luyện khả năng chọn lựa thông tin, từ đó góp phần không nhỏ vào việc hình thành và phát triển ý thức xã hội của công dân, bởi vì nó tạo điều kiện cho các thành viên bày tỏ thái độ và hành động vì cộng đồng, qua đó khuyến khích tinh thần trách nhiệm cá nhân với thái độ và hành động của chính mình. Bên cạnh những mặt tích cực thì việc sử dụng mạng xã hội cũng gây không ít “phiên toái” cho người dùng đặc biệt là những người

trẻ, phổ biến nhất là đã làm nảy sinh biểu hiện “nghiện” mạng xã hội ở một số thành viên như tiêu tốn thời gian “lướt mạng” truy cập và tìm kiếm những thông tin vô bổ, thậm chí có hại; chơi game online bất kể giờ giấc và nhiều người sa vào những game bạo lực, khiêu dâm... Mạng xã hội còn tiềm ẩn nguy cơ khi những thông tin, nội dung, hình ảnh riêng tư được đưa lên mạng để chia sẻ với người thân, bạn bè... nhưng vô tình bị kẻ xấu lợi dụng và sử dụng vào mục đích xấu, hoặc là người sử dụng mạng xã hội chưa có ý thức, vô trách nhiệm trong việc đưa thông tin xấu lên mạng gây ảnh hưởng không tốt đến suy nghĩ của một bộ phận cư dân mạng và dư luận xã hội. Những cá nhân dễ “nổi tiếng” nhờ mạng xã hội nhưng cũng dễ bị mạng xã hội “ném đá”, vu khống nhân cách, có khi dẫn đến những tai họa khôn lường. Sự tương tác tức thời và “không biên giới” của thế giới mạng có sức quyến rũ mê hoặc ghê gớm đồng thời là một sức mạnh có thể “hủy diệt” một cá nhân chỉ trong chốc lát. Thế giới mạng như một tấm gương của cuộc sống, chỉ có điều cần lưu ý, nó là tấm gương phóng đại nhiều lần những tốt đẹp hay xấu xa của mỗi con người, của một xã hội.

3. Chính vì vậy, để có thể quản lý, giáo dục, hướng dẫn việc sử dụng mạng xã hội cho giới trẻ, hướng đến những hành vi và lối sống tốt đẹp, có ích cho bản thân và cho cộng đồng thì đầu tiên, nền tảng đạo đức, lối sống của gia đình, ảnh hưởng của môi trường sống, trình độ nhận thức về văn hóa xã hội của người lớn... là những nhân tố

quan trọng giúp giới trẻ sử dụng mạng xã hội một cách tích cực. Một kinh nghiệm mà nhiều bậc cha mẹ, thầy cô đã sử dụng trong việc tư vấn cho con em mình khi tham gia mạng xã hội, đó là bản thân người lớn cũng cần có sự hiểu biết về mạng xã hội, cần biết sử dụng mạng xã hội với những tiện ích của nó cho công việc, cho giải trí lành mạnh, không nên phê phán bừa bãi hay chỉ lên án những tiêu cực của mạng xã hội mà cấm đoán giới trẻ... Khi người lớn đã không biết sử dụng một tiện ích phổ biến của cuộc sống hiện đại lại còn nói bừa nói ẩu thì không thể thuyết phục, tư vấn cho trẻ. Bởi vì để có thể tận dụng và phát huy những lợi ích tích cực mà mạng xã hội đem lại, tự hạn chế và loại bỏ những tiêu cực do số ít thành viên mạng xã hội gây ra thì người sử dụng cũng cần có trải nghiệm thực tế và “tích lũy kinh nghiệm”. Các bậc cha mẹ cũng nên tham gia các mạng xã hội để có thể quan sát sinh hoạt của con em trong môi trường đó, tạo điều kiện cho con em chia sẻ tâm sự những điều khó có thể trực tiếp nói chuyện với nhau, có thể cùng bàn luận các vấn đề xã hội, tạo điều kiện cho con em trao đổi bộ lộ nhận thức... Khi người lớn tư vấn cho giới trẻ bằng chính kinh nghiệm của mình thì có tác dụng tốt nhất và hiệu quả nhất.

4. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Internet, với những tiện ích của mạng xã hội và tốc độ người tham gia vào mạng xã hội của cư dân mạng, có thể thấy rằng, xu hướng phát triển của mạng xã hội sẽ ngày càng phát triển

và thu hút ngày càng lớn, rộng hơn những cư dân tham gia. Trong thời gian vừa qua Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành nhiều văn bản về quản lý nhà nước đối với các mạng xã hội nói riêng và quản lý hoạt động Internet nói chung. Trong những văn bản này đã đề cập đến vai trò của từng đối tượng: Nhà nước; tổ chức/doanh nghiệp (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến) và cá nhân (chủ trang blog). Nhìn chung các văn bản này nhằm mục đích tạo điều kiện cho việc quản lý của các cơ quan chức năng nên đã đặt Internet và mạng xã hội ở thế “đối lập” với nhiều tác hại, tiềm ẩn nhiều nguy cơ... mà chưa thực sự nhìn thấy lợi ích và khuyến khích, hướng dẫn những người sử dụng Internet và mạng xã hội phát triển theo hướng lành mạnh. Do đó khi triển khai vào thực tiễn gặp không ít khó khăn, thậm chí không phù hợp. Bên cạnh nhiều biện pháp kỹ thuật và quản lý hành chính nặng về “chống” mà các cơ quan quản lý đã đề ra, chúng tôi cho rằng việc “xây” một thế giới mạng lành mạnh, tốt đẹp khó khăn hơn, bởi vì trong thế giới ảo, việc quản lý về mặt kỹ thuật không hề dễ dàng do tiến bộ kỹ thuật luôn đi nhanh hơn văn bản quy phạm của nhà nước. Vì vậy, để thực sự có hiệu quả đối với xã hội, những văn bản quản lý cần chú ý tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân sử dụng Internet và mạng xã hội như một công cụ hữu ích cho công việc và sinh hoạt, cho sự phát triển của xã hội công dân - nền tảng của một xã hội thực sự dân chủ... Chính trong môi trường Internet và mạng xã hội, việc giáo dục từ phía gia đình và

xã hội sẽ có tác dụng tích cực hơn cho giới trẻ. Hơn nữa trình độ nhận thức của phần đông những người sử dụng Internet và mạng xã hội ở nước ta không hề thấp kém, họ là những người biết cách ứng xử nghiêm túc, thích hợp trên mạng. Những cá nhân ứng xử thiếu văn hóa, không phù hợp luôn nhận được sự phê phán, thậm chí bị tẩy chay, từ cộng đồng mạng xã hội.

Cũng như nhiều thành tựu khoa học kỹ thuật khác, mạng xã hội được sáng tạo và phát triển là nhằm phục vụ lợi ích của xã hội, tuy nhiên sử dụng nó như thế nào thì sẽ chịu tác động tích cực hay tiêu cực, điều đó phụ thuộc vào mỗi con người. Không thể phủ phận những mặt tích cực mà mạng xã hội đã mang lại, vì nó giúp thế giới “phẳng hơn, nhỏ hơn, gần hơn”. Qua đó con người nhận biết, tiếp thu, nâng cao được tầm hiểu biết, tri thức, kiến thức. Có lẽ đây là một đặc trưng quan trọng của xã hội hiện đại - xã hội thông tin mà mạng xã hội chỉ là một trong những công cụ. Trong xã hội thông tin này, nếu giới trẻ hôm nay nắm vững được công cụ hữu ích này sẽ trở thành chủ nhân của một đất nước vững bước hội nhập vào thế giới toàn cầu ngày mai.

Sài Gòn 6.11.2013

Chọn nghề hay nghề chọn

Thỉnh thoảng, tôi nhận được những câu hỏi muốn tìm hiểu về nghề khảo cổ của tôi. Phần lớn những câu hỏi này bắt đầu từ thông tin trên báo chí về những phát hiện khảo cổ học và thường kết thúc bằng một câu hỏi đại khái là “Vì sao chị là phụ nữ lại đi theo nghề... đào bới?”.

Những câu hỏi như thế luôn làm tôi phải suy nghĩ: Vì sao và từ khi nào chúng ta mặc định rằng, nghề này của nam giới còn nghề kia thì của phụ nữ? Và “khi người ta trẻ” có bị những định kiến xã hội hướng dẫn chọn nghề

hay không? Yếu tố nào quyết định khi người trẻ chọn ngành nghề?

Vào những năm 1970 khi còn học cấp ba, tôi lần lượt thích các ngành khác nhau do mỗi năm học lại thích các môn học khác nhau. Lúc đó chẳng có khái niệm “hướng nghiệp” cũng chẳng có ai tư vấn cho chúng tôi theo con đường nào trong những năm dài phía trước. Thời chúng tôi xã hội phổ biến quan niệm “nhất Y, nhì Dược, tạm được Bách khoa, ngoài ra Sư phạm”, nói chung đó là những ngành có nghề cụ thể: bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, giáo viên. Còn trường Tổng hợp không nằm trong top này, lý do đơn giản: các ngành học Tổng hợp ra thường làm nghiên cứu khoa học, sáng tác (nhà văn nhà thơ), phiên dịch (ngoại ngữ)... công việc mà nhiều người không - hiểu - là - nghề gì? Người ta còn hay khuyên: con gái học Y, Dược hay Sư phạm thì phù hợp, bởi vì sau này có chồng thì các nghề ấy có lợi cho việc chăm sóc con cái, gia đình. Nhiều gia đình “cha truyền con nối” cùng làm một nghề, trong đó có nghề đặc thù như nghệ thuật thì con cái từ nhỏ đã theo học các trường chuyên môn như trường âm nhạc, sân khấu.

Mọi việc dường như đơn giản hơn bây giờ. Có lẽ vì mức sống của cả xã hội hầu như không có sự chênh lệch lớn giữa các ngành nghề, tuy có những nghề - theo truyền thống - được trọng vọng hơn như Bác sĩ, Giáo viên. Học xong đại học hầu như đều vào làm cơ quan nhà nước. Xã hội với nền kinh tế bao cấp, thương nghiệp quốc doanh

nắm hầu bao mọi gia đình, nhà ai có “cô mậ dịch viên” thì... hàng xóm kính nể vì mua được hàng hóa khan hiếm, vì có thể nhờ vả khi khó khăn. Thế nhưng, nghề “mậ dịch” thì không đâu dạy cả, cũng chẳng cần trình độ văn hóa cao, chỉ có quen biết mới xin được vào làm ở cửa hàng bách hóa hay cửa hàng thực phẩm.

Từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX đến nay, cơ cấu kinh tế xã hội đã thay đổi: kinh tế tư nhân phát triển, các ngành nghề dịch vụ, nhiều nghề mới xuất hiện... Nhu cầu xã hội thay đổi nhanh nhưng việc đào tạo ngành nghề thì thay đổi chậm. Rồi ào ào các trường có thêm những ngành mới: luật ư, maketinh ư, tin học ư, rồi hàng loạt trường mới ra đời: ngân hàng, ngoại ngữ tin học, ngoại thương, du lịch... rồi con cái gia đình khá giả ùn ùn đi nước ngoài học về thời trang, quản lý nhà hàng khách sạn, truyền thông... Toàn những ngành/ngề HOT nên HÚT các bạn trẻ lao vào học. Mục tiêu đầu tiên và rất rõ ràng: học những ngành dễ kiếm tiền, không quan trọng sẽ làm việc trong hay ngoài nhà nước; rồi mục tiêu ở mức cao hơn: học để mở công ty hay để tiếp tục quản lý công ty của gia đình; học để làm cho công ty nước ngoài hay ở lại nước ngoài làm việc. Học những ngành có thu nhập cao lúc này phần lớn là những ngành kinh tế.

Những mục tiêu này khiến các bạn trẻ phải nỗ lực nhiều hơn trong học tập vì phải có kiến thức thật sự của mình, phải giỏi ngoại ngữ (yếu điểm của thế hệ trước), giỏi về những kỹ năng sống; các bạn phải năng động hơn,

bản lĩnh hơn vì trước mắt là môi trường cạnh tranh về công việc. Và nhiều bạn đã thành công do kịp thời thích ứng và đáp ứng môi trường sống mới.

Những mục tiêu này cũng khiến nhiều bạn trẻ luôn bị sức ép từ sự kỳ vọng của gia đình, người thân, việc “chạy sô” học thêm từ thời phổ thông đến những năm đại học, chưa kể phải đi làm thêm lấy tiền trang trải cuộc sống, lấy kinh nghiệm để có thể dễ dàng hơn chút khi đi xin việc. Cũng từ lúc này việc phân biệt nam nữ với ngành nghề đã có sự thay đổi, nữ có khả năng kiếm việc làm nhiều hơn trước, thậm chí nhiều nghề chỉ tuyển “nữ có ngoại hình”.

Từ nhiều năm nay, những ngành xã hội nhân văn, kể cả sư phạm, bị xếp vào cuối bảng lựa chọn, nguyên nhân đơn giản: khó xin việc làm, mà có việc thì lương thấp, lương thấp... thì khó sống, khó lập gia đình, khó thăng tiến... nói chung là khó đủ thứ. Thậm chí, bạn trẻ nào muốn học những ngành này cũng... khó ăn khó nói với gia đình, với bạn bè.

Tóm lại, tuy có “hướng nghiệp” nhưng vẫn là “hướng” các bạn trẻ vào những “nghịệp” từ nhu cầu xã hội, từ nhu cầu vật chất của cuộc sống. Mặc nhiên cả xã hội, nhà trường, gia đình đều coi “kiếm tiền” là quan trọng nhất của việc chọn ngành nghề, tuy rằng luôn dạy các em hô những khẩu hiệu đầy vẻ giáo dục lý tưởng. Sở thích cá nhân, năng lực bẩm sinh, xu hướng tự nhiên... của mỗi con người hầu như bị bỏ qua, không được tôn trọng. Đây chính là một di chứng của xã hội “bao cấp” chỉ thấy đám

đông mà không biết từng cá nhân. Cá tính, sở trường cá nhân không có điều kiện vận dụng vào nghề nghiệp vì không được phát hiện, có khi còn phải quên đi, dẹp bỏ vì phải sống cho người khác. Không hiểu sao tôi lại liên tưởng đến những em bé bẩm sinh thuận tay trái luôn bị người lớn gò ép sử dụng tay phải “như mọi người”, một sự cưỡng ép tưởng là mang lại điều tốt nhưng thật ra là “giết chết” sự riêng biệt độc đáo của mỗi người.

Quay trở lại chuyện nghề của tôi. Khi nghe câu hỏi trên, tôi thật tình trả lời:

Nghề nào cũng có những đặc thù riêng. Hầu hết những người theo nghề khảo cổ, nam hay nữ, đều do yêu thích công việc này, và khi đã theo nghề rồi thì quen dần và chấp nhận những khó khăn vì đó là “nghề” của mình. Nhưng không thể phủ nhận, làm nghề nào cũng cần có tố chất phù hợp nghề đó. Với nghề khảo cổ là sự say mê những chuyến đi, tỳ mĩ trong công việc và cần có tính đồng đội cao. Nếu bạn nào thích nghề khảo cổ thì cứ theo học đi, đây là một ngành học rất thú vị! Thú vị vì được đi nhiều nơi, trải nghiệm nhiều. Ông bà mình đã dạy “đi một ngày đàng học một sàng khôn” mà. Riêng các bạn nữ thì yên tâm, phụ nữ làm khảo cổ không ai lo lắng vì chuyện “ế chồng” cả, và thực tế hầu như đều có gia đình. Đừng nghĩ khảo cổ là lúc nào cũng bụi bặm xấu xí. Tuy có vất vả thật đấy nhưng các bạn nữ làm khảo cổ vẫn “điệu” và rất nữ tính, tất nhiên không phải “điệu” lúc đang ở công trường khai quật.

Khuyên ai theo một nghề nào đó giống như mình đang “làm mai làm mối” vậy. Tôi không cho rằng một công việc hấp dẫn là công việc nhàn nhã hay kiếm được nhiều tiền. Quan trọng là các bạn hãy tự hỏi mình yêu thích nghề nào, vì sao? Mỗi nghề có sự hấp dẫn riêng cũng như khó khăn riêng, nếu thích thú thì cứ làm và đừng nghĩ, đừng cho rằng mình phải “hy sinh” vì nghề nghiệp - cũng như khi kết hôn với người mình yêu đâu ai gọi đó là “hy sinh”, phải không? Nghề nào cũng vậy, nếu mình làm tốt công việc dù nhỏ thì mình đã “được” thêm nhiều thứ: thỏa mãn sự ham mê, có thêm kiến thức, thêm hiểu biết, cuộc sống sẽ phong phú hơn, và quan trọng nhất là mình được sống thật với chính con người mình.

Sài Gòn 15.1.2014

Cùng con đọc sách mỗi ngày

Thiên hạ giờ cú kêu ca: bọn trẻ không biết đọc sách, bọn trẻ chỉ biết mạng miếc chả biết sách vở là gì, bọn trẻ toàn đọc truyện tranh sách ngôn tình linh tinh... tóm lại là “hiện nay văn hóa đọc xuống cấp”.

Thế nhưng có bao giờ người lớn tự hỏi, chúng ta đã dạy con trẻ đọc sách như thế nào?

Xưa nay thường là ru con ngủ bằng ca dao, truyện thơ, bằng kể chuyện cổ tích... những gì ta được nghe hồi nhỏ đến lượt mình sẽ lại “mẹ kể con nghe” (đến bài học lịch sử mà còn “*anh kể em nghe chuyện Mỹ Châu...*” nữa là). Thói

quen của chúng ta là người lớn nói - trẻ em nghe, người lớn dạy - trẻ em (phải) nghe. Người lớn, nếu có đọc sách, thì dạy lại trẻ em những gì mình biết từ sách vở, và trẻ em, tiếp nhận qua sự truyền đạt của người lớn, bằng cảm quan và bằng cả thái độ của người lớn. Thói quen này vô hình trung làm cho trẻ thụ động tiếp nhận, rồi lười suy nghĩ, rồi... chỉ biết nói theo, nói lại những gì đã được/bị nghe. “Truyền miệng” có lẽ là đặc điểm mang tính truyền thống nhất và quan trọng của “truyền thông” nước ta, từ phạm vi trong gia đình đến ngoài xã hội (“di chúng” là cái loa phường còn hiện diện ở những đô thị mà Internet đã trở thành “một phần tất yếu của cuộc sống”).

Thay vì “kê” ta hãy đọc sách cho con nghe, mỗi ngày. Khi nghe đọc chuyện, trẻ sớm biết được rằng từ ngữ trong sách vở tương ứng với ngôn ngữ nói, đồng thời cũng làm quen với cách diễn đạt của sách vở. Ngôn ngữ của trẻ sẽ phong phú và chính xác hơn. Một cuốn cẩm nang về cách đọc nhận xét: *“Mỗi lần trẻ nghe đọc, một thông điệp thú vị được truyền đến não chúng. Thậm chí có thể gọi đó là một cách quảng cáo giúp trẻ liên tưởng đến những điều thích thú khi nhìn thấy sách báo”*. Nhiều bậc cha mẹ đã nhận thấy, khi con trẻ ham thích theo dõi câu chuyện cha mẹ đọc cho nghe thì chúng càng muốn “tự đọc” nhanh hơn, và nhiều trẻ còn muốn tự mình viết ra những câu chuyện. Việc học chữ của trẻ vì vậy trở nên nhẹ nhàng và đầy hứng thú. Đồng thời, khi đọc sách cùng trẻ, sự trao đổi, đối thoại với trẻ còn giúp chúng ta khám phá ra nhiều

điều thú vị, đó là sự cảm nhận thế giới tự nhiên một cách trong sáng và bất ngờ của trẻ, sự hồn nhiên và lòng tốt một cách bản năng của trẻ đối với những vấn đề xã hội giúp người lớn nhìn lại mình và sống tốt hơn. Đọc sách cùng con không chỉ để giúp trẻ khám phá thế giới xung quanh mà còn giúp trẻ khám phá ra chính mình: sở thích, khả năng, xu hướng... Qua đó cha mẹ hiểu hơn tính cách của con, giúp việc ứng xử với con trẻ phù hợp hơn.

Ngoài việc tăng cường tình cảm trong gia đình thì việc “đọc sách cùng con” còn mang lại một điều quan trọng: thiết lập và củng cố mối liên hệ gần gũi, gắn bó một cách “bình đẳng” giữa người lớn và trẻ nhỏ, bởi vì ta có thể “áp đặt” cho trẻ những gì ta biết từ kinh nghiệm từ sự từng trải, nhưng trong thế giới biến đổi từng giờ với vô vàn kiến thức mới thì ta và trẻ phải cùng khám phá, tự học, hay là học lại, và đôi khi, chính chúng ta cũng học được nhiều điều từ trẻ. Việc “tự đọc” là trẻ chủ động khám phá, tiếp nhận, tìm hiểu, nhận xét, phê phán... từ đó sớm hình thành tính tự chủ trong suy nghĩ và hành xử. Có vô vàn lợi ích mà sách vở mang lại cho trẻ con nói riêng và con người nói chung, tùy từng giai đoạn đời người mà sự lựa chọn hay cần thiết những thể loại sách khác nhau. Đọc sách cũng cần tạo được sự hứng thú và thói quen từ nhỏ, khi lớn lên trẻ sẽ dễ dàng đọc được sách tri thức, kỹ thuật, sách chuyên ngành - những loại sách “khó đọc” nhưng rất cần thiết cho sự trưởng thành về trí tuệ và hữu ích cho quá trình làm việc.

Nhiều gia đình trẻ ở đô thị ngày nay đã có thói quen “đọc sách cùng con” vào buổi tối, trước khi cho trẻ ngủ. Phòng ngủ của trẻ cũng có giá sách nhỏ bên cạnh các loại đồ chơi, trẻ cũng được dạy biết giữ gìn sách vở cũng như đồ chơi, quần áo. Trẻ còn biết tự mình tiết kiệm tiền để mua sách. Tuy nhiên, làm cách nào để duy trì thói quen này thì không chỉ cần sự cố gắng của các bậc cha mẹ mà còn cần sự hỗ trợ từ những người “làm sách”. Ngoài việc xuất bản nhiều sách hay và quảng bá rộng rãi của các nhà xuất bản, nếu mỗi nhà sách có được một nhân viên chuyên phụ trách “góc sách cho trẻ” để có thể giới thiệu, hướng dẫn chọn lọc sách phù hợp cho từng lứa tuổi khi phụ huynh đi mua sách... thì chắc chắn, việc đọc sách cho trẻ sẽ thuận lợi hơn rất nhiều.

Văn hóa đọc phải được hình thành từ thời thơ ấu, nhưng là do người lớn tạo ra và khuyến khích con trẻ. Văn hóa đọc - nói cho cùng là việc học LÀM NGƯỜI. Nếu văn hóa đọc “xuống cấp” thì trước hết, người lớn phải tự trách mình.

Sài Gòn 5.6.2014

Di sản văn hóa - vốn xã hội của cộng đồng

Một thành phố văn minh hiện đại bao gồm những công trình thể hiện sự giàu có, đa dạng của di sản văn hóa chứ không chỉ là những công trình thể hiện sự “giàu có” về kinh tế. Việc *ý thức hóa* các giá trị từ *di sản vật thể* và *phi vật thể* thông qua các công trình nghiên cứu khoa học hay chính sách của nhà nước cần thật sự trở thành ý thức của thị dân, những động thái *cần và đủ* để có được sự lưu tâm cần thiết đối với các nhà quản lý đô thị trong việc hoạch định đường lối thích hợp để gìn giữ di sản văn hóa.

Thách thức lớn nhất đối với TP. Hồ Chí Minh là khẳng định được đặc trưng và bản sắc văn hóa của mình trong quá trình lịch sử và sự phát triển liên tục hướng đến thành phố hiện đại trong tương lai. Tuy nhiên do trình độ quản lý đô thị chưa tốt, nhận thức không đầy đủ về di sản văn hóa thời thuộc địa, quy hoạch phát triển thành phố chưa mang tầm chiến lược... dẫn đến việc thu hẹp các công viên, tận dụng tất cả khuôn viên của các kiến trúc cổ, cảnh quan tự nhiên bị thay thế bởi các công trình dân sinh phần nhiều là “tự phát”.

Đô thị hóa ào ạt làm cho rất nhiều giá trị của đô thị vốn có sẽ mất đi. Áp lực sinh lợi kinh tế tức thời và sự thiếu khôn ngoan tinh táo, thiếu tầm nhìn xa trong hoạch định chính sách, quy hoạch đô thị tất dẫn tới việc khai thác triệt để đất đai khu vực trung tâm của đô thị cũ. Quá trình này tại các nước đang phát triển như Việt Nam dưới áp lực toàn cầu hóa cả về địa - kinh tế lẫn áp lực của “nghệ thuật kiến trúc hiện đại” mang lại cái lợi trước mắt (cho một nhóm người) nhưng đồng thời đã xóa bỏ linh hồn văn hóa và làm biến mất bản sắc văn hóa của các đô thị.

Những năm vừa qua đã có một số dự án bảo tồn di sản văn hóa đô thị được tiến hành. Về nghiên cứu cơ bản có cuộc Tổng điều tra di sản văn hóa thành phố; Khảo sát những di sản đã được công nhận cấp quốc gia, cấp thành phố, nghiên cứu đề xuất danh sách 180 công trình cần bảo tồn, ban hành Quy chế bảo tồn cảnh quan kiến trúc đô thị về việc lập Dự án bảo tồn di sản văn hóa có

việc Phối hợp với Trung tâm dự báo và nghiên cứu đô thị vùng Lyon (Cộng hòa Pháp) - PADDI điều tra nghiên cứu bảo tồn khu vực trung tâm thành phố, phối hợp với một cơ quan tư vấn của Tây Ban Nha điều tra nghiên cứu bảo tồn khu vực Chợ Lớn. Trong các Quy hoạch chung toàn thành phố đến năm 2025, quy hoạch đô thị khu trung tâm 930 ha do công ty Nikken Seikei Nhật Bản thiết kế, quy hoạch khu đô thị mới Thủ Thiêm do công ty tư vấn Pháp thiết kế... đều lưu ý và đặt vấn đề bảo tồn di sản văn hóa lên hàng đầu.

Tất cả những nghiên cứu và dự án đều nhằm một mục tiêu: Bảo tồn di sản gắn với việc phát huy giá trị di sản qua du lịch văn hóa, đưa cộng đồng tham gia và trực tiếp được lợi từ việc bảo tồn di sản thông qua việc nâng cao kiến thức và sự hiểu biết cho người dân. Xây dựng cho cư dân nếp sống Văn minh đô thị là một yếu tố quan trọng làm cho người dân có ý thức bảo tồn di sản văn hóa, đồng thời với việc đào tạo nguồn nhân lực quản lý văn hóa đô thị có tri thức và kỹ năng.

Khi các đô thị đang vùn vụt phát triển, thay đổi hàng ngày thì giá trị di sản văn hóa có giúp người dân, giúp nền kinh tế “sinh lợi” hay không?

Di sản văn hóa cần được coi là một loại “vốn xã hội”, có giá trị văn hóa - tinh thần đồng thời cũng có giá trị kinh tế - vật chất. Giá trị kinh tế của di sản văn hóa cần nhìn nhận trong một phạm vi rộng, tầm vĩ mô chứ không chỉ là nguồn lợi của một gia đình hay một ngành nghề.

Cần lưu ý là “lợi nhuận” từ việc khai thác giá trị di sản văn hóa không phải lúc nào và ở đâu cũng là “tiền tươi thóc thật” mà khai thác vừa phải, cũng như mọi nguồn tài nguyên khác.

Kinh nghiệm của nhiều đô thị, nhiều quốc gia trong việc khai thác “lợi nhuận” từ di sản văn hóa là:

- Tạo dựng hình ảnh cảnh quan cho khu vực di sản văn hóa, nơi lưu giữ những giá trị kiến trúc, nghệ thuật, lịch sử, văn hóa đặc thù của một thời. Nơi đây giữ vai trò truyền tải thông điệp của quá khứ đến hiện tại, thông điệp của cộng đồng cư dân đến những cộng đồng khác. Sự tồn tại của di sản trong cảnh quan phù hợp góp phần làm tăng giá trị của cả khu vực và là điểm nhấn cho cả vùng.
- Tăng cường không gian công cộng để tổ chức các sinh hoạt cộng đồng, qua đó truyền tải ý nghĩa và giá trị di sản đến với cộng đồng, tạo thói quen và ký ức cho cộng đồng về di sản văn hóa.
- Phát triển du lịch địa phương, các dịch vụ cho du lịch, các nghề thủ công, sinh hoạt văn hóa, lễ hội, thậm chí cả lối sống nếp sống của cộng đồng cũng là một sản phẩm du lịch.
- Gia tăng giá trị bất động sản tại khu vực di sản văn hóa, bởi sự thu hút khách du lịch và phát triển hoạt động thương mại dịch vụ cho du lịch. Ngày nay khu

vực trung tâm đô thị, nơi lưu giữ đậm đặc các giá trị văn hóa còn mang lại cho bất động sản giá trị kinh tế cao hơn gấp nhiều lần, vì chủ nhân ở đó không chỉ là người giàu có mà còn là người có ‘đẳng cấp’ cao về văn hóa.

Vẫn có thể sửa sai, làm lại những kiến trúc, cảnh quan giá trị hay đẹp của văn hóa đô thị do ngẫu nhiên hay cố ý sai phạm trong quy hoạch, xây dựng, quản trị... nhưng phải tuân thủ nguyên tắc khoa học của việc phục dựng hay tôn tạo, trùng tu. Và luôn nhớ mục đích là lưu lại cho thế hệ sau những giá trị văn hóa đích thực chứ không phải những “giá trị” mới được tạo dựng, lắp ghép, xa lạ với lịch sử tồn tại của di sản văn hóa. Không bảo tồn di sản văn hóa tức là đang xóa bỏ lịch sử đô thị.

Các cơ quan truyền thông có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc ngăn ngừa và cứu vãn giá trị di sản văn hóa. Đó là nhờ chức năng phản ánh, thông tin kịp thời những kiến thức tri thức khoa học mới về di sản văn hóa; phản ánh ý kiến nhiều chiều (người dân, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà đầu tư...) khi có một sự việc vi phạm hay phá hoại di sản văn hóa. Khi cần có tiếng nói “trái chiều” để bảo vệ di sản văn hóa thì báo chí, truyền thông có trách nhiệm kêu gọi dư luận xã hội chú ý và lên tiếng.

Sài Gòn 14.11.2014

Di sản văn hóa phi vật thể - đừng để biến dạng

Cho đến nay Việt Nam đã có tám di sản Văn hóa được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại: Nhã nhạc cung đình Huế (2003), Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên (2005), Dân ca quan họ Bắc Giang và Bắc Ninh (2009), Ca trù (2009), Hội Gióng ở Đền Phù Đổng và đền Sóc (2010), Hát xoan (2011), tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương - Phú Thọ) (2012) và mới đây là Đờn ca tài tử Nam Bộ (ngày 05/12/2013).

Trong khoảng vài chục năm nay, các chính sách văn

hóa của UNESCO mang lại cho thế giới sự quan tâm đến việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là ở các quốc gia Châu Á và Thái Bình Dương. Việc UNESCO công nhận nhiều loại hình di sản đã làm cho kho tàng văn hóa của nhân loại ngày càng phong phú, đa dạng, đồng thời tạo ra những nỗ lực liên tục trong việc bảo tồn di sản, và nâng cao thu nhập từ du lịch cho những nước đang phát triển.

Tuy nhiên, việc hàng loạt di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) được UNESCO vinh danh nhưng không đi cùng thái độ cương quyết, mạnh mẽ trong việc đưa ra những khuyến cáo về việc khai thác tràn lan và không đúng hướng, những cảnh báo về tác hại của sự biến đổi môi trường văn hóa đối với việc bảo tồn di sản văn hóa, cùng với những biện pháp “chế tài” nếu như những khuyến cáo này không được lưu ý và thực hiện. Chính điều này đã làm nên tình trạng ở nhiều nước đang phát triển và chậm phát triển, Di sản văn hóa như những chiếc bong bóng nhiều màu sắc rực rỡ, nhanh chóng phồng to khi được bơm lên và có thể chúng bay lên, nhưng sẽ xẹp dần, chưa kể nếu lỡ chỉ một mũi kim chạm vào chiếc bong bóng ấy sẽ vỡ toang!

Giá trị của những di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam được UNESCO công nhận là điều không thể bàn cãi, nhất là đối với một quốc gia có năm mươi tư tộc người với những nền văn hóa đặc sắc như Việt Nam. Tuy nhiên vấn đề đặt ra ở đây là, sau ồn ào của lễ hội đón tẩm

bằng công nhận “Di sản văn hóa thế giới” thì những di sản này được bảo tồn và bảo vệ như thế nào? Sau nhiều lễ hội khác mà trong đó những di sản văn hóa này được “sân khấu hóa” để trình diễn một cách xa lạ với ngay cộng đồng sáng tạo và lưu truyền nó... thì không gian văn hóa chứa đựng và lưu truyền “di sản văn hóa” đang hàng ngày bị biến đổi ra sao? Đó chính là những câu hỏi mà những người thực sự quan tâm không thể không đặt ra.

Ai cũng biết, di sản văn hóa phi vật thể tồn tại phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức và hành vi của các chủ thể sáng tạo văn hóa và chủ sở hữu di sản, nếu chủ thể sáng tạo văn hóa và chủ sở hữu di sản là một cộng đồng cư dân, thì ý chí, khát vọng, nhu cầu, thậm chí lợi ích của họ có tác động không nhỏ đến sự tồn vong của di sản văn hóa phi vật thể. Yếu tố quan trọng nhất đối với sự tồn tại và giá trị của di sản văn hóa phi vật thể thể hiện ở ảnh hưởng, vai trò và tác động của nó trong đời sống cộng đồng. Di sản văn hóa phi vật thể chỉ thực sự có giá trị khi nó được người dân tiếp nhận, nuôi dưỡng và trở thành một bộ phận không thể tách rời của bản lĩnh văn hóa và đời sống tinh thần của mỗi thành viên.

Đơn cử, gần đây có tin tỉnh Bạc Liêu đã chi gần 2000 tỷ đồng cho việc tổ chức Lễ hội Đờn ca tài tử Nam Bộ và xây dựng một số công trình văn hóa như Khu lưu niệm nhạc sĩ Cao Văn Lầu, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật, Nhà hát “nón lá”... Không thể phủ nhận vai trò của những thiết chế văn hóa trên trong việc “bảo tồn và phát huy giá trị”

di sản văn hóa, tuy nhiên, chức năng đó cũng là mục tiêu là lâu dài và chỉ thực hiện được nếu Đờn ca tài tử Nam Bộ “sống khỏe, sống đẹp” trong môi trường đã sản sinh ra nó: thiên nhiên, con người và văn hóa Nam Bộ. Thử hình dung, sau Lễ Đón nhận danh hiệu “Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại” một cách hoành tráng ở TP. Hồ Chí Minh, bằng Festival cũng rầm rộ không kém ở Bạc Liêu, nhiều tỉnh Nam Bộ đã xây dựng tour du lịch “về miệt vườn nghe đờn ca tài tử”, rồi việc “tận dụng” di sản văn hóa để phục vụ cho bất kỳ lễ/hội, phong trào nào của địa phương... Đờn ca tài tử đang được bay lên bằng tất cả những động thái đó nhưng thực sự hiệu quả ra sao? Người dân được tạo điều kiện sống như thế nào để họ có thể lưu giữ, duy trì sinh hoạt văn hóa này? Đồng thời họ được hưởng lợi như thế nào từ việc lưu giữ và quảng bá cho di sản văn hóa của chính họ? Liệu di sản văn hóa có bị biến dạng không khi phải phục vụ nhu cầu hàng ngày của nhiều đối tượng du khách khác nhau? Những cuộc biểu diễn đờn ca tài tử trên sân khấu chứ không phải trong những sinh hoạt dân già đám hiếu đám hỉ ở làng quê, những bài ca được sáng tác theo “phong trào” với những lời ca khô cứng, sáo rỗng chứ không phải những lời ca mộc mạc sinh động do những nghệ nhân “hát cương” quanh mâm cơm, trên bộ ván gõ với ly trà chén rượu, trên ghe xuống mờ khói bếp cà ràng, từ câu chuyện sinh hoạt đời thường... Đừng để kiểu trình diễn sân khấu hóa “giết chết” cái hồn nhiên chân thật rất mực “Nam Bộ” của đờn ca tài tử.

Vài năm trước đây vào ngày Hội Lim người ta còn tổ chức cho những 3500 người nam phụ lão ấu cùng “đồng ca” quan họ thì hồi ôi, người yêu quan họ đến mấy cũng phải thốt lên *quan họ ở chúng em ra về...* và sau này nhiều người chua xót nói: *muốn nghe quan họ đừng về Hội Lim.* Bảo tồn quan họ đâu chỉ là việc nhiều người biết hát quan họ? Bảo tồn quan họ còn là bảo tồn không gian văn hóa quan họ, từ cảnh quan lễ hội làng quan họ đến phương cách trình diễn. Bảo tồn di sản văn hóa mà mang nặng tư duy hình thức như theo phong trào, kiểu như xác lập một “kỷ lục Guinness” không biết để làm gì hay những cuộc bầu chọn không thực chất, thì sẽ chỉ phát sinh những việc làm hủy hoại di sản văn hóa mà thôi.

Đó chính là những mũi kim tiềm ẩn trong môi trường văn hóa làm cho Di sản của chúng ta trở nên “mong manh”, dễ bị tổn thương và không thể bay cao, bay xa. Tiếc thay nhiều nhà “nghiên cứu” và quản lý văn hóa dường như không mấy quan tâm đến những “mũi kim” như thế đang hiện diện ngay trong công việc của chính họ.

Sài Gòn 7.5.2014

Đa dạng để có sức đề kháng

Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử - văn hóa đã nhận định rằng, trong số các quốc gia ở Đông Nam Á, Việt Nam có thể coi là quốc gia chịu ảnh hưởng văn hóa Hán *mạnh nhất*. Tất nhiên sự hấp thụ văn hóa Trung Quốc của Việt Nam không giản đơn là kết quả của thời kỳ một nghìn năm “Bắc thuộc” hay là hệ quả tất yếu của giao lưu tự nhiên do gần gũi về địa lý “núi liền núi sông liền sông”. Thực tế quá trình “tiếp biến văn hóa” diễn ra phức tạp hơn nhiều.

Trên đại thể, quá trình giao lưu giữa Văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Quốc diễn ra trong một thời gian rất dài và chịu sự chi phối của tình thế chính trị nên luôn ở hai trạng thái: bị đồng hóa và chống đồng hóa, giao lưu tự nguyện và giao lưu cưỡng bức. Mức độ và cường độ của các trạng thái này khác nhau ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử. Có thể thấy rằng những thành tựu của văn hóa Việt Nam có được từ sự giao lưu với văn hóa Trung Quốc chính là quá trình tiếp nhận và sáng tạo, chọn lọc những gì phù hợp, đồng thời sắp xếp lại những giá trị văn hóa theo quan niệm văn hóa bản địa. Vì vậy có thể hiểu như là quá trình “Việt hóa” các yếu tố văn hóa Trung Quốc.

Nghiên cứu văn hóa Đông Nam Á nhiều học giả đã nhận xét: Đông Nam Á = Hoa + Ấn, với hàm nghĩa phía Bắc Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa còn phía Nam chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ. Điều này cũng đúng với Việt Nam. Ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc không đồng đều giữa các vùng lãnh thổ: phía Bắc “nặng” hơn, sâu hơn phía Nam, do một nghìn năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, từ sau thế kỷ X sự mô phỏng mô hình nhà nước Trung Hoa được các triều đại nhà nước quân chủ Đại Việt đẩy mạnh, thể chế các triều đại phong kiến Đại Việt xây dựng theo “hình mẫu” của Trung Quốc - một quốc gia có nền văn minh vào loại sớm và lớn thế giới. Trong khi đó khu vực phía Nam từ thế kỷ XV trở về trước, với nhà nước Chăm Pa (khu vực miền Trung), nhà nước Phù Nam (một phần ở Nam Bộ)

chịu ảnh hưởng của văn hóa và thể chế nhà nước Ấn Độ lâu dài và sâu sắc hơn, giống như nhiều quốc gia khác ở Đông Nam Á. Sự ảnh hưởng này nhạt dần rồi mất đi khi nhà nước “vương quyền kết hợp với thần quyền” kiểu Ấn Độ không còn tồn tại, văn hóa khu vực này trở về với các yếu tố văn hóa truyền thống của Đông Nam Á.

Do hoàn cảnh lịch sử mà sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đối với năm mươi tư tộc người của quốc gia Việt Nam cũng khác nhau, trong đó người Việt (Kinh) thể hiện sự tiếp biến với văn hóa Trung Quốc tuy chỉ là “lớp phủ bên ngoài” nhưng khá dày, như nhiều nhà nghiên cứu đã minh chứng. Việc giao lưu với văn hóa Trung Quốc của người Việt (Kinh) diễn ra trong một thời kỳ dài khoảng hai nghìn năm vừa hòa bình vừa chiến tranh, khởi nghĩa chống lại sự xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc. Từ thế kỷ XV, cuộc Nam tiến của chúa Nguyễn rồi triều Nguyễn trong đó người Việt (Kinh) là chủ thể, văn hóa của các tộc người phía Nam vốn chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ dần dần được phủ một lớp văn hóa Việt (Kinh), một cách tự nhiên do sự cộng cư của/với người Việt. Sau “500 năm như thế” ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc ở vùng đất phía Nam vẫn mỏng hơn so với phía Bắc, văn hóa các tộc người phía Nam luôn là sự hòa trộn những yếu tố văn hóa dân gian bản địa và sự cởi mở “không từ chối” tiếp nhận những yếu tố văn hóa khác, mặc dù có thể nhận thấy văn hóa (người) Việt vẫn là chủ đạo.

Ngoài ra, lưu dân người Việt và người Hoa di cư xuống phía Nam thời các chúa Nguyễn đã mang theo nhiều yếu tố văn hóa truyền thống. Phần lớn là nông dân, thương nhân, thợ thủ công, số ít là tầng lớp quan lại người Hoa “bài Thanh phục Minh”, vì vậy những yếu tố văn hóa dân gian Việt, Hoa được duy trì trong làm ăn, trong đời sống dân thường nên dễ dàng giao hòa với văn hóa Chăm, Khmer và các tộc người khác, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Nam Bộ. Văn hóa Đại Việt ở phía Nam (của các chúa Nguyễn) là sự hòa hợp của các nền văn hóa Việt - Chăm - Hoa nên phần nào thoát khỏi tư tưởng coi mô thức văn hóa Trung Hoa là “chuẩn mực”.

Theo chiều dài lịch sử và chiều rộng của lãnh thổ, có thể hình dung nền văn hóa Việt Nam như một “cơ thể sống” mà văn hóa của những tộc người những vùng miền qua nhiều giai đoạn lịch sử trở thành hệ thống mạch máu nuôi sống nền văn hóa một cách mạnh khỏe để có thể chống lại và vô hiệu hóa những “virus văn hóa lạ”, không phù hợp. Quá trình tiếp nhận (những) yếu tố văn hóa “ngoại sinh” cũng giống như việc tiêm chủng “vắc xin” làm tăng sức đề kháng của văn hóa dân tộc. Để duy trì sức mạnh của văn hóa dân tộc cần thiết phải “giữ gìn và phát huy bản sắc” đồng thời phát huy được tính đa dạng vốn có của các cộng đồng người, các vùng miền, sự phong phú của từng cá nhân. Đó là chủ thể sáng tạo ra văn hóa dù cộng đồng hay cá nhân là tộc người đa số hay thiểu số, nhờ vậy cho đến nay nền tảng xã hội Việt Nam vẫn

là các giá trị, truyền thống, tập quán văn hóa bản địa, những yếu tố quan trọng định hình nên bản sắc dân tộc Việt Nam.

Không thể phủ nhận những giá trị tích cực mà văn hóa Trung Quốc đem đến cho văn hóa Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau. Tuy nhiên, một nền văn hóa mà hàng trăm năm chỉ có một “hình mẫu”, một “chuẩn mực” trong thế giới chuyển biến và rộng mở từng ngày thì không tránh khỏi sự trì trệ, lạc hậu, chưa kể là “hình mẫu” đó ngày nay cũng bộc lộ quá nhiều nhược điểm - như cuốn sách *Người Trung Quốc xấu lậu* nổi tiếng của nhà văn Bách Dương đã vạch ra. Mặt khác, thừa nhận tính đa dạng của văn hóa truyền thống cũng cần công nhận sự đa dạng của văn hóa đương đại để tránh được sự “độc quyền văn hóa” trong một quốc gia đa tộc người, đồng thời cũng hạn chế sự “độc quyền” tiếp nhận một loại “vacxin văn hóa” nào đó. Khi biết tiếp nhận thêm nhiều hình mẫu chuẩn mực mới thì văn hóa luôn được sáng tạo và phát triển, hành trang mang tới tương lai là những di sản văn hóa thực sự quý giá chứ không chỉ là những mảnh vụn bộn bề của quá khứ.

Sài Gòn 31.5.2014

Đừng để lại một di sản chấp vá

Gần đây có nhiều sự việc phản ánh một thực trạng đáng báo động: nhiều di tích cấp Quốc gia, cấp tỉnh thành xuống cấp nghiêm trọng, có di tích đã trở thành phế tích hoặc có nguy cơ “biến mất” do hư hỏng nặng mà không có kinh phí sửa chữa, trùng tu. Thực trạng này làm nảy sinh một câu hỏi: Trong những năm gần đây, tốc độ và số lượng di tích được công nhận ở các cấp, nhất là di tích cấp Quốc gia, tỷ lệ thuận hay tỷ lệ nghịch với số lượng các di tích được bảo tồn và phát huy giá trị tốt?

Hỏi tức là đã trả lời. Nhiều chuyên gia đã chỉ ra nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên chính là việc ồ ạt công nhận di tích ở các cấp. Việc công nhận di tích Lịch sử Văn hóa các cấp đang trở thành “phong trào”, số lượng quá nhiều, do đó nhiều di tích chưa thực sự có giá trị tiêu biểu. Hệ thống di tích được công nhận cấp quốc gia phải phản ánh đặc trưng lịch sử - văn hóa quốc gia, vì vậy cần nghiêm túc xem xét giá trị các mặt của di tích. Nếu quá “tham” về số lượng thì không một quốc gia nào có đủ nguồn lực để bảo tồn tất cả “di sản văn hóa”.

Di tích Lịch sử Văn hóa nếu có giá trị địa phương (làng, xã, liên làng), khi nâng lên tầm quốc gia, vùng miền thì để xứng với danh đó sẽ phải trùng tu tôn tạo, tổ chức quy mô “hoành tráng” hơn, vô hình chung gán cho di tích những giá trị ảo từ nội dung đến hình thức kiến trúc, trang trí... Khi không đủ kinh phí nhà nước để bảo tồn hay trùng tu, thậm chí dưới danh nghĩa trùng tu để làm mới di tích, thì địa phương thường huy động các nguồn kinh phí khác. Tuy nhiên “chủ đầu tư” thường có vai trò quyết định chứ không phải là các nhà khoa học, trong việc bảo tồn trùng tu di tích như thế nào. Tình hình kéo dài như vậy làm cho các di tích dù cấp nào cũng dần dần trở nên giống nhau ở xu hướng ngày càng “hoành tráng” thậm chí không còn nhận ra yếu tố truyền thống nữa. Như vậy là đã làm cho di tích trở nên thật giả lẫn lộn về giá trị, về nội dung...

Thế nhưng, ở một góc độ khác thì những di tích thực sự có giá trị lại đang không được bảo tồn trùng tu một

cách xứng đáng. TP. Hồ Chí Minh có hai di tích di tích khảo cổ học cấp Quốc gia nổi tiếng là Di tích mộ chum Giồng Cá Vồ (xã Long Hòa, huyện Cần Giờ) và Di tích Lò gốm cổ Hưng Lợi (P.16, quận 8). Đây là hai di tích đại diện cho hai thời kỳ lịch sử - văn hóa của thành phố. Di tích Giồng Cá Vồ khai quật năm 1994, là loại hình di tích mộ táng bằng chum gốm còn nguyên di cốt và nhiều đồ tùy táng quý giá, thuộc nền văn hóa khảo cổ Đông Nai niên đại khoảng 2500 năm cách ngày nay. Từ nhiều năm nay di tích này đã được Sở Văn hóa Thể thao Du lịch lập phương án tiếp tục khai quật và lập bảo tàng tại chỗ để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - du lịch phối hợp với vùng du lịch sinh thái Cần Giờ. Tuy nhiên đến nay dự án vẫn chưa tiến triển được mặc dù Sở Văn hóa Thể thao Du lịch và huyện Cần Giờ rất tích cực bàn tính và tham khảo ý kiến các nhà khoa học để có thể đưa ra phương án phù hợp nhất. Điều đáng ghi nhận là Giồng Cá Vồ đã được huyện Cần Giờ đền bù đất để giải tỏa, bảo vệ di tích. Nhưng với đặc điểm là di tích mộ chum nằm dưới lòng đất nên nếu để càng lâu thì các chum này càng hư hỏng nặng hơn, không thể bảo tồn được di cốt và đồ tùy táng trong đó. Chúng ta có nguy cơ mất một di tích khảo cổ học có giá trị đặc biệt quý hiếm đối với khảo cổ học Việt Nam và Đông Nam Á.

Với Lò gốm cổ Hưng Lợi - di tích hiếm hoi của “Xóm lò gốm Sài Gòn xưa”, niên đại khoảng thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, thì gặp khó khăn khác là việc đền bù đất đai

cho người dân không được nên mặc dù được khai quật và công nhận là Di tích Lịch sử Văn hóa quốc gia từ 1998, tới nay di tích này trở thành “phế tích” đúng nghĩa. Giá trị của di tích đã giảm đi rất nhiều khi mà không được bảo tồn, trùng tu, bị lấn chiếm và hầu như rất khó khăn cho việc tham quan, tìm hiểu nghiên cứu... Do không được bảo vệ và bảo tồn trùng tu kịp thời nên giờ đây di tích bị hư hỏng rất nặng. Cứ thế này chỉ vài năm nữa di tích sẽ bị “xóa sổ” vì không còn ai biết đến.

Với một đô thị ba trăm năm và vùng đất ba nghìn năm như Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh thì những di tích khảo cổ học được phát hiện và khai quật ngày càng hiếm hoi do quá trình đô thị hóa rất nhanh và rộng khắp. Không bảo tồn tốt những di tích này thì chính chúng ta đang xóa bỏ một phần lịch sử quan trọng của thành phố.

Để bảo tồn di tích thực sự có hiệu quả cần bắt đầu lại từ việc rà soát hệ thống di tích cấp quốc gia, sau đó là di tích cấp tỉnh thành - với những tiêu chí thực sự khoa học và đặt trong bối cảnh của phát triển kinh tế - xã hội, của đời sống cộng đồng đang có nhiều biến đổi để có thể xem xét công nhận đúng với giá trị thực sự tiêu biểu của từng di tích. Nếu cứ công nhận tràn lan và bảo tồn không đến nơi đến chốn như hiện nay thì có lẽ thế hệ sau sẽ nhận lại từ chúng ta một di sản văn hóa chấp vá, loang lổ và mục nát.

Sài Gòn 30.5.2014

Gia tài để lại

Gần đây trong một số hội thảo về Bảo tồn di sản văn hóa đã có những tham luận đề cập đến nội dung giáo dục về di sản văn hóa cho lớp trẻ, ngoài ý nghĩa để thế hệ trẻ hiểu biết về giá trị của di sản văn hóa còn là việc giáo dục ý thức bảo vệ, bảo tồn di sản văn hóa. Và người ta luôn nhấn mạnh vai trò của giới trẻ trong việc bảo tồn di sản văn hóa... trong tương lai.

Cũng vậy, trong nhiều lĩnh vực khác, lớp trẻ luôn được người lớn trao cho một vai trò rất quan trọng. Từ chuyện nhỏ như tuân thủ Luật giao thông, không xả rác nơi công cộng... cũng được dạy trong trường học để các em hiểu

và làm theo, và còn để “làm gương” cho cha mẹ nữa. Bởi không hiếm trường hợp cha mẹ chở con cái trên xe máy vô tư vượt đèn đỏ, đậu sai làn đường quy định, hay ngồi trên xe hơi thản nhiên vứt rác xuống đường phố. Những lúc đó một câu hỏi, một lời nhắc nhở của con trẻ “sao ba mẹ lại làm thế, cô giáo con dạy không được làm như vậy” sẽ có tác dụng làm cho phụ huynh nhớ lâu hơn và “tự giác” thay đổi thói quen tùy tiện. Những việc lớn hơn như bảo vệ môi trường, bảo tồn động vật hoang dã, bảo vệ tài nguyên khoáng sản... đến những việc quan trọng nhất là bảo vệ đất nước và làm sao để nước ta “có thể sánh vai với các cường quốc năm châu”... đều luôn được nhắc nhở, tuyên truyền, vận động và phát động thành phong trào trong lớp trẻ.

Đúng thôi, vì lớp trẻ là tương lai của mỗi gia đình, của cả đất nước. Tuy nhiên, nếu trong mỗi gia đình, nhiều người đã cố gắng, bằng mọi cách, để lại cho con gia tài vật chất to lớn: nhà cửa, đất đai, tài khoản ngân hàng nước ngoài, địa vị cao... hoặc để lại cho con gia tài tinh thần là tri thức to lớn và nhân cách giúp con thành người tử tế, thì ở tầm “vĩ mô”, thế hệ chúng ta để lại cho con cháu những gì, khi giao cho chúng trách nhiệm bảo vệ, bảo tồn và phát triển?

Như trường hợp Di sản văn hóa chẳng hạn, muốn lớp trẻ yêu quý và bảo vệ di sản văn hóa thì trước hết chúng ta phải bảo tồn, gìn giữ tốt những di sản cha ông để lại, đồng thời tạo ra những di sản mới, thực sự mang giá trị

văn hóa truyền thống và cả giá trị văn hóa của thời đại. Vậy nhưng chỉ cần qua những gì báo chí phản ánh trong thời gian gần đây, chúng ta hãy tự hỏi đã để lại những di sản văn hóa như thế nào cho thế hệ tương lai?

Thế hệ sinh ra từ những năm 1950, 1960 đã được tin tưởng giao trách nhiệm “làm cho dân tộc ta vẻ vang sánh vai các cường quốc năm châu”. Lời gửi gắm hơn nửa thế kỷ rồi vẫn tiếp tục được gửi đến thế hệ mai sau? Trong mỗi gia đình, có khi nào ta nghĩ rằng, ta đang hướng con cái thực hiện bằng được... ước mơ của chính chúng ta, qua việc chọn ngành nghề, qua thái độ sống và có khi cả việc hôn nhân - gia đình? Đừng “Vẽ đường hươu chạy”, đúng quá, vì những “con hươu” ngày nay đủ khả năng tự tìm đường mà đi, và việc của chúng ta là hãy chỉ ra những cái bẫy những bụi gai... mà chính chúng ta đã mắc phải, để “hươu con” biết đường mà tránh không lặp lại sai lầm ấy. Khi trao cho lớp trẻ quyền tự quyết định cuộc đời chính là chúng ta thể hiện sự tin tưởng, tôn trọng và đánh giá cao vai trò của lớp trẻ một cách thật sự, chứ không phải bằng những lời “có cánh”.

Người xưa có câu chuyện: một người cha sắp mất đã trăng trối “cha để lại vàng cho các con ở ngoài thửa ruộng”. Sau khi ông mất mấy người con ra sức cày cuốc tìm vàng. Nhưng tất nhiên không tìm thấy vàng mà được một vụ mùa bội thu. Những người con hiểu ra giá trị của ruộng đất, từ đó gìn giữ và chăm chỉ cày cấy trên mảnh ruộng cha ông để lại. Cũng từ đó họ trở nên giàu có.

Đời con cháu có được “vàng” là của cải vật chất, “vàng” là nhân cách, tinh thần hay không... phụ thuộc vào việc thế hệ đi trước đã để lại những gì, thế hệ sau sẽ làm gì để xứng đáng và phát triển hơn những tài sản đó. Như vậy cả hai thế hệ đều có vai trò và trách nhiệm rõ ràng.

Đừng đặt lên vai thế hệ sau những trách nhiệm quá lớn với tương lai, khi mà chính chúng ta còn chưa làm tròn trách nhiệm với ngày hôm nay.

Sài Gòn 2.7.2014

“Kinh tế vỉa hè” và văn minh đô thị

Những việc làm thuộc loại hình “kinh tế phi chính thức” có mặt ở đô thị Sài Gòn ngay từ lúc đô thị được hình thành và ngày càng phát triển mạnh mẽ, đa dạng do nhu cầu của đời sống đô thị. Vào cuối thế kỷ XIX ở Sài Gòn - Bến Nghé, sự thành lập những nhà máy, công sở, cơ sở dịch vụ công như bệnh viện, trường học... tuy số lượng không nhiều nhưng cũng đủ để hình thành một tầng lớp xã hội “làm công ăn lương” theo những quy định “hành chính” về giờ giấc và nhiều yếu tố khác. Có thể coi đây là tầng lớp “thị dân” -

cư dân sống ở đô thị và làm những nghề nghiệp của đô thị, và do đó, có lối sống đô thị, khác với lao động ở nông thôn. Khu vực “kinh tế chính thức” này tập trung ở khu trung tâm - quận 1, quận 3 hiện nay. Còn lại các khu vực khác của Sài Gòn - Chợ Lớn phát triển các ngành nghề dịch vụ, thương nghiệp, vùng Gia Định chủ yếu là nông nghiệp, hình thành khu vực kinh tế “phi chính thức”. Đặc điểm này xuyên suốt sự phát triển của đô thị Sài Gòn từ cuối thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX.

Những năm đầu thế kỷ XXI, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ ở thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút triệu người từ các tỉnh thành khác đến lập nghiệp và mưu sinh. Phần nhiều là nông dân hoặc thanh niên chưa được đào tạo nghề, không có vốn hoặc ít vốn, họ tham gia vào khu vực kinh tế phi chính thức cùng với tầng lớp “dân nghèo thành thị”, bằng những công việc như buôn bán nhỏ lẻ, hàng rong, dịch vụ, lao động thủ công, chuyên chở bằng xe thô sơ... Địa bàn làm việc của họ, có thể nói khái quát, là “ngoài trời” gồm lòng lề đường, các công trường, chợ búa... Khu vực kinh tế này ngày càng mở rộng, phong phú đa dạng về loại hình, cách thức hoạt động, góp phần đáng kể cho sự phát triển kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Có thể nhận biết một số đặc điểm xã hội của loại hình lao động khu vực kinh tế “phi chính thức”:

- Nguồn gốc phần lớn là từ nông thôn mới lên, hoặc sống ở thành phố chưa lâu. Trước đây thường được gọi

chung là “dân nghèo thành thị”, hiện nay dùng khái niệm mới “người nghèo đô thị”. Điều kiện sống còn thiếu thốn về vật chất và ít có điều kiện tham gia những sinh hoạt văn hóa tinh thần. Địa bàn cư trú thường ở các huyện ngoại thành, quận vùng ven, hay trong một số khu vực của các quận nội thành.

- Không được đào tạo nghề nghiệp và ít có điều kiện tiếp cận cơ hội đào tạo nghề nghiệp, ngay cả trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế.

- Số lượng phụ nữ tham gia vào khu vực kinh tế này khá lớn, từ “buôn gánh bán bưng” đến giúp việc nhà, giúp việc trong quán xá, làm những việc nặng nhọc như thợ hồ, xe ôm... Họ có một trách nhiệm mang tính “thiên chức”, đó là luôn hy sinh, chịu thiệt thòi vì gia đình.

- Nền kinh tế chủ yếu của Việt Nam là nông nghiệp. Với đặc trưng cơ bản của cơ cấu thời gian mang tính thời vụ, vì vậy thời gian “nông nhàn” cũng là thời gian người nông dân tận dụng để kiếm thêm thu nhập từ hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, lên thành phố kiếm việc làm thêm là khá phổ biến. Ngoài ra, hiện nay tình trạng đất đai bị thu hồi, giải tỏa, đền bù... để lập các khu chế xuất, khu công nghiệp, cũng là nguyên nhân để người nông dân “ly hương” đổ lên thành phố.

Tuy những ngành nghề kinh tế “phi chính thức” là một bộ phận gắn bó hữu cơ với kinh tế đô thị nhưng đây đó vẫn còn những quan niệm chưa đúng về lao động nhập

cư. Sự đánh giá của nhiều “người thành phố” đối với “dân nhập cư, dân hàng rong, trẻ đường phố” vẫn có phần xem thường, thương hại, thậm chí còn bị coi là nguyên nhân chính làm cho thành phố chưa có nếp sống “văn minh đô thị”.

Những năm gần đây, thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhiều trung tâm để phân tán mức độ tập trung; Tuy nhiên quá trình cải tạo khu đô thị cũ chưa hình thành các khu vực thương nghiệp lớn mà vẫn hình thành trên mặt tiền các con đường chính. Ở các đô thị mới quy hoạch khu hành chính, trường học, chợ, cửa hàng... không theo “ô vuông bàn cờ” - đặc trưng của đô thị hiện đại mà cũng phân tán theo các trục đường. Cho nên làm việc gì người dân cũng phải “xuống đường”, “văn hóa mặt tiền” trở thành “đặc trưng” mới của đô thị Việt Nam, từ thành phố lớn đến thị trấn hẻo lánh.

Ở các thành phố như Hà Nội, Hồ Chí Minh, nếu phương tiện giao thông công cộng phát triển, tiện lợi, phù hợp nhu cầu, tạo điều kiện cho người dân có thói quen sử dụng xe công cộng thay vì xe cá nhân, nhu cầu “mua bán nhanh tiện lợi” sẽ chuyển đến các đầu mối giao thông như bến tàu xe, trạm xe bus, ga xe điện ngầm, bãi giữ xe hơi... Tức là những trung tâm mua bán, dịch vụ... sẽ được thiết lập ở đó. Tuy nhiên, trong khi chờ đợi có được hệ thống “giao thông đô thị” hiện đại, bằng cách nào hạn chế sự tiêu cực của “kinh tế vỉa hè” đến nếp sống văn minh đô thị? Nên chăng cần tổ chức những con đường, khu vực

theo ô phố - đặc thù quy hoạch đô thị, để vừa giải quyết nhu cầu sinh sống của người bán, người mua, vừa đảm bảo mỹ quan và trật tự đô thị, vừa bảo tồn được nét độc đáo, cần thiết gìn giữ và có thể khai thác nó như một di sản văn hóa phi vật thể. “Văn minh đô thị” sẽ có bộ mặt mới.

Thành phố Hồ Chí Minh đang xây dựng thành phố văn minh hiện đại. Không thể không bắt đầu từ yếu tố kinh tế: các ngành nghề của dân cư, loại hình kinh tế cần được phát triển cân đối, đảm bảo quyền lợi của nhân dân, đồng thời gìn giữ được những đặc trưng văn hóa riêng có của thành phố. Trong việc này vai trò quản lý và điều phối của Nhà nước là chủ đạo. Là một đặc trưng của các đô thị Việt Nam, việc làm - kinh tế phi chính thức và vấn đề người nhập cư cần được nhìn nhận xem xét ở một góc độ lịch sử - văn hóa sâu rộng hơn, ngoài góc độ kinh tế, để nhìn nhận mặt tích cực và có những giải pháp hữu hiệu tích cực cho vấn đề này cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững cho thành phố.

Sài Gòn 8.12.2014

Sân chơi cho trẻ ở đô thị

"**S**ân chơi" với lứa tuổi nhi đồng - theo quan niệm truyền thống - chủ yếu có chức năng giúp phát triển thể lực và bước đầu phát triển trí lực, ví dụ các trò chơi giúp nhận biết hình dáng, màu sắc, chất liệu, chức năng, sự khéo léo, tự bảo vệ...

Với lứa tuổi thiếu niên "sân chơi" hiện nay không chỉ là "cái sân" - khoảng không gian thật mà còn là không gian ảo, qua đó chủ yếu phát triển trí lực và nhiều khi các em có sự hiểu biết vượt quá lứa tuổi. Mặt khác sân chơi là không gian ảo đã làm hạn chế việc tiếp xúc của các em

với những hiện tượng xã hội, sống trong không gian ảo làm cho trẻ em thiệt thòi vì thiếu sự hiểu biết thực tế... Các em có thể tăng cường thể lực bằng cách luyện tập trong các phòng GYM hay phòng thể thao trong trường học, nhưng nên coi hoạt động này là sự bổ sung thể lực và phát triển năng khiếu, sở thích chứ không thể thay thế cho việc tiếp xúc với thiên nhiên và sinh hoạt, chơi thể thao ngoài trời. Trẻ em chỉ chơi trong nhà thì chưa đủ để các em phát triển toàn diện.

Ở nhiều khu đô thị, cả cũ và mới, trẻ em hầu như không có sân chơi riêng của mình, hoặc nếu có thì quá đơn điệu, không an toàn, chưa đáp ứng nhu cầu hiện nay. Chưa kể là những đồ chơi, trò chơi được xây dựng lắp đặt ở khắp nơi đều giống nhau, không phân biệt nông thôn thành thị, không phân biệt khu vực đó trẻ em có nhu cầu như thế nào?

Vì sao có tình trạng này?

Đầu tiên là do quan niệm cũ về nhu cầu vui chơi của trẻ em: chỉ là “chơi”, trò chơi đơn giản, đồ chơi “cho có”. Người lớn (và người có trách nhiệm) thiếu sự hiểu biết về nhu cầu của trẻ em đô thị (thiếu tư duy về thị dân và sinh hoạt thị dân của người quản lý đô thị). Nguồn kinh phí hạn hẹp nên khi xây dựng sân chơi như vậy có thể đạt “thành tích” cho các cấp có trách nhiệm nhưng không mang lại hiệu quả thực sự.

Thứ hai, trong quy hoạch đô thị, nhà đầu tư thường tận dụng triệt để đất đai để xây dựng công trình, không

dành cho công trình công cộng như công viên, khu vui chơi của trẻ, thư viện, sân thể thao hay nhà văn hóa... Nhu cầu cao về nhà ở đô thị làm nhiều khu vực được quy hoạch biệt thự nhà vườn, quy hoạch công trình công cộng... đã bị phân lô bán nền, mặt khác nhà đầu tư nặng về lợi nhuận mà không quan tâm đến việc phục vụ nhu cầu cộng đồng. Ở đây là việc thực hiện quy hoạch đô thị hay chỉnh trang một khu vực, nhà quản lý có làm đúng, làm hết trách nhiệm không. Để có những không gian công cộng, trong đó có sân chơi của trẻ, cần có tư duy và sự điều hành của nhà quản lý thực sự hướng đến cộng đồng cư dân đô thị.

Thứ ba, từ góc độ người dân: có những bậc cha mẹ không quan tâm đến việc tạo cho con em khoảng sân chơi trong ngôi nhà của mình, không coi việc chơi của trẻ là hoạt động có ích, nhiều người đơn giản chỉ coi việc cho trẻ em chơi là để mình rảnh rỗi làm việc khác. Do đó họ không đòi hỏi khu vực mình ở phải có sân chơi, khoảng không cho trẻ; không dành thời gian để chơi cùng với trẻ. Từ đó không có tiếng nói chung của cộng đồng về việc này.

Thứ tư, ở hầu hết các trường học chỉ có khoảng sân chung cho nhiều hoạt động của trẻ em, mà chủ yếu là để các em tập trung “nghe” thầy cô nói! Hầu như không có trường học nào được xây dựng bên cạnh công viên hoặc cảnh quan tự nhiên, không gian của trường là không gian mở, công viên và cảnh quan tự nhiên sẽ là sân chơi tuyệt

vời cho học sinh. Giờ tan học khi cha mẹ đón con cũng là giờ chơi của trẻ, thời gian thư giãn của cha mẹ sau một ngày làm việc, ngắm nhìn trẻ em vui chơi ngoài trời người lớn như được trở về tuổi thơ của chính mình.

Thứ năm, cần thay đổi quan niệm về “sân chơi” cho trẻ em. Không gian đô thị hiện đại cần có nhiều sân chơi với hình thức và chức năng mới: hướng dẫn trẻ em sử dụng thời gian rảnh rỗi một cách có ích. Do đó các thiết chế văn hóa công cộng như bảo tàng, thư viện... cũng đồng thời và cần tạo ra những “sân chơi” cho trẻ, vừa chơi vừa học, vừa giải trí vừa tìm hiểu tự nhiên, xã hội...

Không gian đô thị và vùng đang được đô thị hóa luôn phát triển theo hướng tách rời con người với thiên nhiên, trẻ em ở đô thị thiệt thòi vì thường phải “giam mình” trong những khối bê tông hoặc đắm mình trong thiên nhiên ảo trên Internet. Nếu người lớn quan tâm thực sự, hiểu nhu cầu của trẻ, và đừng quên cùng chơi với trẻ, thì chắc chắn đô thị sẽ không thiếu những sân chơi hữu ích cho trẻ.

Sài Gòn 2.6.2014

Thị hiếu thẩm mỹ của giới trẻ

Sài Gòn là một thành phố lớn có đặc trưng văn hóa nổi bật là sự cởi mở, giao lưu và dễ tiếp nhận các yếu tố văn hóa từ những vùng miền trong nước và từ nhiều nước khác. Trong quá trình hội nhập với quốc tế trên nhiều lĩnh vực, giao lưu văn hóa diễn ra dưới nhiều hình thức, Internet và truyền thông nói chung có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhận thức và thị hiếu thẩm mỹ của giới trẻ. Các loại hình nghệ thuật qua những phương tiện nghe nhìn hiện đại đã đáp ứng nhu cầu của giới trẻ từng ngày, từng giờ từng phút, tác động trực tiếp đến họ qua máy nghe nhạc cá nhân, điện thoại

di động, các loại máy tính cá nhân, truyền hình... Lĩnh vực thời trang cũng được truyền thông phản ánh hàng ngày, từ những tin nóng về các ngôi sao, diễn viên, người “mới nổi” đến những xu hướng thời trang thế giới luôn được cập nhật. Hình ảnh các “ngôi sao”, “hot girl” tràn ngập bìa sách báo tạp chí... Phim ảnh cũng đang là trào lưu mới của giới trẻ thành phố hiện nay.

Cần nhận thấy rằng “thị hiếu thẩm mỹ” không chỉ thể hiện qua lĩnh vực nghệ thuật (mặc dù đây là lĩnh vực nhạy cảm nhất của thị hiếu giới trẻ), mà còn ở nhiều lĩnh vực khác, nhất là trong môi trường đô thị đang trong quá trình xây dựng thành phố văn minh - hiện đại. Đó là thẩm mỹ trong xây dựng, trang trí nội thất nhà ở, quán cà phê, cửa hàng, tiệm ăn... và nhất là trong “ngôn ngữ giao tiếp”, “ứng xử văn hóa” của những cư dân đô thị. Muốn có một thành phố đẹp cần có những con người hiểu biết về cái đẹp, từ đó mới có thể gìn giữ những nét đẹp truyền thống và tạo dựng thêm những nét đẹp mới của thành phố.

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực của những tác phẩm nghệ thuật hay, đẹp, có tác dụng định hướng và nâng cao nhận thức thẩm mỹ cho giới trẻ thì không thể không nhận thấy nhiều ảnh hưởng tiêu cực của các phương tiện truyền thông đưa đến nhận thức thẩm mỹ lệch lạc mà phổ biến nhất là tạo nên vài “cơn sốt ảo” về giá trị văn hóa của một bộ phim, cuốn sách, một bài hát, nhất là tạo nên sự “sùng bái” một “ngôi sao đang lên”. Tuy tác hại có thể chưa nhận ra ngay nhưng dần dần sẽ làm giới

trẻ “miễn dịch” với “thẩm mỹ xấu”. Xây dựng thẩm mỹ tốt đẹp là quá trình lâu dài và khó khăn nhưng chỉ cần những tác động nhỏ hàng ngày cũng làm mất đi nhận thức về “cái đẹp thực sự”. Vai trò của truyền thông thực sự quan trọng trong trách nhiệm định hướng nhận thức thẩm mỹ cho giới trẻ hiện nay, nhất là các mạng xã hội và các hình thức hoạt động khác trên Internet.

Một cuộc điều tra khảo sát về việc sử dụng Internet của giới trẻ Sài Gòn trong độ tuổi từ 15-30 do Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ thực hiện được công bố hồi tháng 8-2012 đã cho ra một số kết quả khá thú vị.

Internet: kênh thông tin quan trọng về văn hóa nghệ thuật

Tỷ lệ xem thông tin văn hóa nghệ thuật trên Internet là một tỷ lệ cao, chiếm đến 98% số thanh niên được hỏi. Điều này cho thấy Internet là một kênh thông tin quan trọng về văn hóa nghệ thuật do ưu thế phổ cập, nhanh nhạy, không giới hạn dung lượng của nó. So sánh tỷ lệ quan tâm đến tin tức, thời sự trong nước và quốc tế là 89%, quan tâm đến đời sống xã hội chiếm tỷ lệ 86%, quan tâm đến mục giáo dục chiếm tỷ lệ 43%, quan tâm đến mục pháp luật chiếm tỷ lệ 40%...

Tuổi teen thích hóng chuyện bên lề

Có sự phân định rõ rệt trong lứa tuổi trên phương

diện tiếp cận lĩnh vực văn hóa nghệ thuật trên Internet. Ở độ tuổi từ 15 đến 20, tỷ lệ đọc các chuyên mục văn hóa nghệ thuật trên báo online là 56%, ở độ tuổi cao hơn, thì tỷ lệ cũng cao hơn, từ 21-25 tuổi là 67% và từ 26-30 tuổi là 73.5%. Trong khi đó tỷ lệ đọc tin tức văn hóa nghệ thuật trên các forum và blog lại đi theo một tỷ lệ ngược lại. Tuổi mới lớn lại thường xuyên đọc các forum và blog về văn hóa nghệ thuật với tỷ lệ cao là 78%; ở độ tuổi từ 21-25 là 65,3% và độ tuổi từ 26-30 là 48%.

Tiến hành phỏng vấn sâu thì được biết điều này do nhiều nguyên nhân. Ở độ tuổi từ 15-20, giới trẻ đặc biệt quan tâm đến những luồng thông tin không chính thống đăng tải trên các forum và blog, do ở đây thường xuyên đăng tải những chuyện bên lề, chuyện hậu trường của giới show biz. Ngược lại, ở độ tuổi lớn hơn thì thanh niên TP. Hồ Chí Minh lại quan tâm nhiều hơn đến những tờ báo online có tính chất chính thống và nghiêm túc. Họ thường đọc báo online để lấy tin tức và không bỏ qua chuyên mục văn hóa nghệ thuật. Như vậy việc quan tâm đến văn hóa nghệ thuật còn phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời gian chứ không chỉ là sở thích cá nhân.

Tuổi trẻ tràn ngập theo thần tượng

Khi được hỏi thông tin văn hóa nghệ thuật có tác động gì đến thị hiếu thẩm mỹ của cá nhân (cách ứng xử, nói năng, ăn mặc, trang điểm...) thì cũng có sự khác biệt theo lứa tuổi. Ở độ tuổi 15-20, chủ yếu bắt chước thần tượng

về cách ăn mặc, trang điểm, kiểu tóc... với tỷ lệ lên đến 65%. Ở độ tuổi 21-25, tỷ lệ này hạ thấp còn 36% và ở độ tuổi từ 25-30, tỷ lệ này còn 18%. Sự tác động của văn hóa nghệ thuật đến thị hiếu thẩm mỹ của công chúng trẻ giảm bớt dần theo lứa tuổi, khi mà nhân cách và thị hiếu riêng đã được khẳng định.

Internet tác động đến thị hiếu thẩm mỹ

Trả lời cho câu hỏi: Internet với tư cách là một phương tiện truyền thông có tác động đến thị hiếu thẩm mỹ về văn hóa nghệ thuật hay không, tác động như thế nào, đã có 88% khẳng định là có tác động, trong đó 63% cho rằng có tác động tốt, giúp rèn luyện thị hiếu thẩm mỹ của bản thân, phân biệt cái xấu, cái đẹp. Ngay cả khi luồng thông tin ào ạt đổ về dưới mọi hình thức, người đọc vẫn có thể phân biệt và cảm nhận được tốt xấu đúng sai.

Ca sĩ được hâm mộ hơn nhạc sĩ, nhà văn

Khi được hỏi về việc có thần tượng nào trong giới hoạt động văn hóa nghệ thuật không, câu trả lời cũng cho thấy sự đa dạng, phong phú trong cách nhìn nhận, đánh giá thần tượng. 71% chọn lựa thần tượng là ca sĩ nhạc trẻ Việt Nam, 69% chọn thần tượng là diễn viên điện ảnh nước ngoài, 62% chọn ca sĩ nhạc trẻ nước ngoài. Trong khi đó, tỷ lệ hâm mộ nhạc sĩ là khá thấp, chỉ có 9% và tỷ lệ hâm mộ nhà văn càng thấp hơn nữa, chỉ có 7%. Đặc biệt, tỷ lệ

hâm mộ các nhân vật trong sách cũng không cao, chỉ có 10%. Điều này chứng tỏ văn hóa nghe nhìn vẫn tác động mạnh đến thị hiếu của giới trẻ hơn là văn hóa đọc, do tính chất nhanh nhạy, dễ nhận thức, dễ tác động của các phương tiện nghe nhìn.

*

Nhìn chung, thị hiếu thẩm mỹ của giới trẻ Sài Gòn là khá phức tạp, phụ thuộc nhiều vào trình độ và lứa tuổi. Việc giáo dục thị hiếu thẩm mỹ là một quá trình không dễ dàng, nếu như không muốn nói là phải do nhiều yếu tố cùng kết hợp. Do đó, càng ngày chúng ta càng nhận thấy vai trò quan trọng của những nhà chuyên môn trong các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật trong việc phổ biến kiến thức (lý luận và thực tiễn), nghiên cứu và dự báo sự biến đổi của xu hướng thẩm mỹ vào đời sống xã hội, thông qua trên các diễn đàn, mạng xã hội hay các phương tiện truyền thông. Điều này hiện nay thực sự cần thiết, khi mà trong chương trình học tập ở nhà trường các cấp chưa có những môn học mang tính giáo dục thẩm mỹ. Tất nhiên, trong việc này còn có trách nhiệm của những người hoạt động văn hóa nghệ thuật và trách nhiệm của các cấp quản lý, lãnh đạo ngành văn hóa nghệ thuật.

Sài Gòn 28.12.2013

Thời sách trẻ

Hội sách TP. Hồ Chí Minh cuối tháng Ba kết thúc sau một tuần người đến xem, mua nườm nượp giữa cái nắng cuối mùa rực rỡ và và cái nóng không kém phần gay gắt.

Ở Hà Nội, hội sách cũng được tổ chức vào tháng Năm những ngày nồm cuối xuân, đường ướt nhà ẩm, người xem người mua vừa đủ ra không khí chào mừng Ngày sách Việt Nam lần thứ nhất.

Cả hai nơi, dù mua bán nhiều hay ít, người trẻ cũng là thành phần chính: độc giả trẻ, nhà văn trẻ, chủ đề sách trẻ, sách bestseller cũng của người viết trẻ... có cảm giác bây giờ là “thời sách trẻ”.

“Thời sách trẻ” cho ta biết giới trẻ viết gì và đọc gì, tức là những điều người trẻ muốn chia sẻ và quan tâm. Nó cũng đặt cho chúng ta những câu hỏi: vì sao người trẻ chưa/không có nhu cầu khác ngoài những gì đã viết, đã đọc? “Sách trẻ” - người trẻ viết cho người trẻ đọc - đã có từ lâu, nhưng “thời sách trẻ” như hiện nay liệu có tồn tại lâu không hay chỉ là trào lưu nhất thời?

Những cuốn sách bán chạy trong khoảng một năm nay của những tác giả trẻ, có thể nói phần nhiều là tác phẩm từ Mạng Ảo bước ra Đời Thực. Thế giới Sách trẻ cũng giống như thế giới Mạng. Có cuốn sách như một *status* bùng ra tức thời, người đọc cảm nhận ngay niềm vui nỗi buồn hay sự bức xúc bực mình của người viết... Nó tác động tức thời và người đọc có thể bày tỏ thái độ như *like* hay *comment* trên *Facebook*. Có cuốn sách lại như một *Note* mà người viết dày công suy nghĩ đắn đo khi đặt bút, người đọc có thể chưa vội *like* hay *comment*. Họ phải ngẫm nghĩ, phải đọc đi đọc lại rồi có khi bị thôi thúc tự mình cần viết ra một *Note* mới.

Tác giả cũng vậy. Có người viết bất cứ gì cũng hàng trăm *like* hàng chục *comment* nhưng có người thì không vậy, họ chỉ cần một nhóm bạn thân chia sẻ và trao đổi. Có người nổi tiếng từ những *status* hóm hỉnh mà sâu sắc thì cũng có người nổi tiếng từ những *note* “sến rện” chuyện tình đầy ắp cảm xúc mà ai cũng có một thời như thế.

Và cũng giống như trên *Facebook*... nhiều cuốn sách như những *status* “trôi về ngày cũ” đi vào lãng quên. “Độc

giả cũ có nhu cầu mới” để rồi những cuốn sách mới tác giả mới lại xuất hiện. “Văn học Mạng” với đặc trưng là sự tương tác của nó với bạn đọc giúp tác phẩm hoàn thành nhanh hơn và... bám sát thị hiếu người đọc hơn, một thời gần như bị coi là “vô giá trị” nay đang phát triển cùng với Internet, nhất là ở những đô thị lớn như Sài Gòn, Hà Nội.

Thị trường sách đã chuyên nghiệp hóa từ người viết đến nhà xuất bản đến nhà phát hành thì sách cũng là một loại sản phẩm của thị trường này. Sách bestseller hay longseller đều cần cho người đọc, chúng có giá trị khác nhau vì đáp ứng nhu cầu, sở thích khác nhau của từng “phân khúc” độc giả. Ngay từng người cũng có thể thích cả hai, lúc này lúc khác. Tại sao nhạc trẻ nhạc truyền thống nhạc thính phòng cùng tồn tại mà sách giải trí lại phải chịu cái nhìn “hạ cố” khi nó tồn tại cùng những kiệt tác văn chương hay sách tri thức khoa học? Trong xã hội người tiêu dùng “thường thường bậc trung” thường đông hơn người tiêu dùng cao cấp, nhu cầu về sản phẩm vật chất hay sản phẩm tinh thần cũng vậy.

“Văn hóa đọc” (tạm dùng khái niệm này, vốn là “lời nói” đã đi vào “văn bản”) được nhìn nhận từ hai khía cạnh: đọc bao nhiêu (số lượng người đọc và số lượng sách đọc); và đọc thế nào (đọc gì và đọc để làm gì). Có nhiều sách để đọc và biết chọn sách để đọc luôn đi đôi với nhau, “lượng” có chuyển thành “chất” hay không tùy thuộc vào chất lượng sách và cả chất lượng người đọc. Tuy nhiên, hiện nay nếu tác giả tác phẩm nào bán chạy thì được nhà

sản xuất (và đầu tư) lập tức đặt hàng để “đáp ứng nhu cầu độc giả”. Thị trường sách cũng có những sản phẩm “mốt” rồi nhanh chóng hết “mốt”, cũng có sản phẩm bán được đều đều nhưng chưa hẳn có giá trị “tuyệt vời”. Cho nên, để tạo nên những tuyệt tác không chỉ cần tài năng, bản lĩnh của nhà văn mà còn cần sự kiên nhẫn “chờ đợi” của nhà sản xuất và sự đòi hỏi ngày càng “khó tính” của người đọc nữa.

Trong khi chờ đợi những tuyệt tác thì chúng ta vẫn cần đọc. Thích “sách trẻ” hay “sách già” có gì khác nhau đâu, bởi vì ai đọc sách mà chẳng được sống thêm những cuộc đời mới.

Sài Gòn 14.4.2014

Chuyện chị Phụng

Lâu nay tôi không mấy cảm tình với phim tài liệu, bởi sự khô khan và tính “phong trào” của nó. Trước đây tại các rạp phim tài liệu thường chiếu “kèm” trước phim chính, đây là lúc người đi trẻ ra vào ồn ào nên không ai thực sự quan tâm đến những gì chiếu trên màn hình. Bây giờ người ta chiếu quảng cáo vào thời gian này, và cũng vậy, ít người để ý. Ngoài ra phim tài liệu hầu như chỉ chiếu trên TV, vào những dịp lễ lạt thì chiếu những phim cũ, chiến thắng thành công đột phá một thời... Phim mới thì vẫn “X, Y, Z... một chặng đường”, ca ngợi rạp khuôn một kiểu.

Ngày càng hiếm phim về thân phận con người hoặc đi thẳng vào những vấn đề lớn của xã hội mà có thể làm lay động, thức tỉnh người xem, như hai bộ phim *Hà Nội trong mắt ai* và *Chuyện tử tế* trước kia của đạo diễn Trần Văn Thủy.

Chuyến đi cuối cùng của chị Phụng, bộ phim tài liệu đầu tay của Nguyễn Thị Thắm đã làm tôi thay đổi quan niệm về phim tài liệu, và làm tôi phải giật mình vì nhận ra, dù đã có hiểu biết nhất định về những người thuộc “giới tính thứ ba” nhưng vẫn còn đó trong vô thức sự định kiến về họ. Trong phim này, họ là những-người-phụ-nữ.

Nếu từ những thước phim đầu người xem còn có gì đó phân vân gượng gượng khi nghe các nhân vật trong phim gọi nhau là cô là chị là em bằng cái giọng đặc trưng của họ, thì càng về sau những cô những chị ấy đã “thuyết phục” được người xem tin rằng họ là phụ nữ, không phải ở hình hài bên ngoài hay bằng điệu bộ “khác thường” mà chính ở sự chân thật. Họ thật sự nghĩ và tin mình và những người bạn cùng trong “gánh hát rong” là phụ nữ. Họ nhạy cảm với thái độ kỳ thị, đa cảm trong các mối tình thường không “có hậu”, họ sống tình cảm với bạn bè và dũng cảm chấp nhận số phận và hoàn cảnh, không che giấu thân phận của mình.

Cách đây không lâu tôi dự một cuộc hội thảo về chủ đề người đồng tính, song tính và chuyển đổi giới tính. Cuộc hội thảo đã có nhiều bạn trẻ thuộc “thiếu số” này đến dự, họ công khai và đàng hoàng khi nói về giới tính

(và xu hướng tình dục) của mình. Họ chỉ có một câu hỏi, cũng là một đòi hỏi: Vì sao sự khác biệt của chúng tôi lại là một “tội lỗi”, vì sao chúng tôi không được nhìn nhận như chính chúng tôi? Trong cuộc hội thảo này còn có nhiều bậc cha mẹ có con em thuộc cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển đổi giới tính (LGBT), họ đã chia sẻ câu chuyện đầm nước mắt về những xung đột gay gắt kéo dài trong gia đình họ, thậm chí có cả cái chết... để cho đến hôm nay, họ đã thừa nhận và chấp nhận rằng, con em họ có quyền được sống, được yêu, được hạnh phúc như số phận đã định, dù giới tính không như số đông trong xã hội.

Bộ phim *Chuyến đi cuối cùng của chị Phụng* đã chạm được vào tận cùng sự thật của một phần cộng đồng LGBT trong một đoàn hát rong kiêm hội chợ lô tô, một loại đoàn hát khá phổ biến ở những vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh. Bộ phim là câu chuyện giản dị về những người bình thường, hay “bất thường” trong mắt nhiều người. Cách cư xử, lời nói, suy nghĩ dù hài hước hay tỏ vẻ “anh chị”, thân nhiên hay đau đớn xót xa, những sinh hoạt đời thường của họ... dần dần, như cơn mưa rào trong phim, làm phai nhạt những định kiến, làm đẩy lên sự cảm thông với những con người dám sống như chính mình. Đoạn cuối phim, đám cháy trong đêm, cơn mưa gạch đá, tiếng gào khóc, vách tường cháy đen nổi bật trong ngập nhoạng bình minh, bàn chân chị Phụng ngập ngừng trên thềm nhà ngổn ngang... Người xem nghẹn thở, cảm giác

bất lực trước sự độc ác vì định kiến ngu dốt, vì tâm lý hành xử của đám đông bản cùng hiểu biết.

Cái nhìn vô định, tiếng hát khe khẽ bình thản, chịu đựng, như một thói quen của chị Phụng “*còn gì nữa đâu mà khóc với sầu, còn gì nữa đâu mà buồn với nhớ, thôi hết rồi thôi hết rồi...*” làm khán giả nghẹn ngào. Chị Phụng chị Hằng chết vì bệnh tật, đoàn hát tan rã... Những giọt nước mắt đã rơi vì đồng cảm, thương xót và thấu hiểu dành cho những người bất hạnh nhưng vẫn cố gắng đùm bọc nhau và kiếm sống một cách lương thiện.

Còn gì nữa đâu... vẫn còn đó trong tôi, và nhiều người xem, tôi tin thế, suy nghĩ nhân văn hơn về những con người không giống số đông. Chấp nhận sự khác biệt, tôn trọng và đối xử tử tế với những gì khác biệt nếu như nó không làm phương hại đến xã hội, câu chuyện của chị Phụng kết thúc rất buồn nhưng với chúng ta, nó chưa kết thúc...

Sài Gòn 9.12.2014

Đỗ Phấn - dăng đặc triền ký ức

Nếu như trong âm nhạc những bài hát về Hà Nội không bao giờ vắng mặt trong mọi giai đoạn lịch sử và đã tạo được dấu ấn riêng “bài ca Hà Nội” thì trong văn học, một thời gian dài thập kỷ 1960 - 1990 tác phẩm về đời sống đô thị Hà Nội khá thưa thớt. Phải từ khoảng đầu những năm 2000 đến nay có thể nói dòng văn học về “thị dân Hà Nội” mới tái xuất sau những tác phẩm nổi tiếng trước năm 1954. Diện mạo của Hà Nội và “người Hà Nội” nửa thế kỷ qua hiện ra như những nét chấm phá hay như bức tranh toàn cảnh, đậm nhạt mảng màu hay sắc sảo ký họa trong từng tác phẩm của

Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Ngọc Tiến, Nguyễn Trương Quý, Lê Minh Hà, Đỗ Phấn...

Với tôi, một người đã có trọn tuổi thơ ở Hà Nội nhưng đã sống xa Hà Nội gần bốn mươi năm, tác phẩm của họa sĩ, nhà văn Đỗ Phấn dù là tiểu thuyết, truyện ngắn hay tản văn thực sự là những triển ký ức dằng dặc khôn nguôi... Đời sống đô thị Hà Nội được ông khai thác ở hầu hết các tác phẩm, nhất là trong bộ sách năm cuốn mà Nhà xuất bản Trẻ phát hành gần đây.

Không gian Hà Nội trong tác phẩm của Đỗ Phấn chủ yếu là những con đường những ngôi nhà thuộc khu “phố cũ”, như trải theo tuyến đường tàu điện leng keng từ chợ Mơ qua chợ Hôm, đến Bờ Hồ rồi sang chợ Đồng Xuân - Bắc Qua, ta chỉ thấy thấp thoáng khu phố “Tây” với biệt thự bình lặng sau hàng rào, hàng cây xanh cao vút trên vỉa hè rộng rãi, lướt qua khu phố cổ nhộn nhịp cửa hàng buôn bán chật chội nhà cửa mà vẫn cố giữ vẻ phong lưu. Nhưng không gian Hà Nội của Đỗ Phấn phần nhiều là hai bên bờ sông Hồng. *“Thành phố hai bên bờ sông đã hòa làm một. Những tụ điểm ăn chơi thâu đêm suốt sáng đã tìm sang bờ bên kia tản mát vào các xóm làng. Những gánh gồng lam lũ nhếch nhác đã tràn sang bờ bên này len lỏi vào mọi góc ngách phố phường...”*. Dù nội đô hay ngoại thành, Hà Nội của Đỗ Phấn vẫn là một Hà Nội cũ, tù túng, có phần nhếch nhác nhưng vẫn còn gì đó nền nếp chín chu. Đôi lúc, đọc Đỗ Phấn tôi thấy không gian Hà Nội chỉ như một cây cầu Long Biên già nua cũ kỹ nhưng mặt cầu thân

câu đay dấu vết hư hỏng chấp vá, chật chội chen chúc các loại phương tiện giao thông thô sơ và hiện đại, dưới kia sông Hồng cũng cạn dòng trơ những bãi bồi... Vậy mà nói đến Hà Nội ai cũng nhớ cái dáng thanh tao, duyên dáng nhẹ nhõm của cây cầu trên trăm năm tuổi...

Thời gian Hà Nội trong những câu chuyện của Đỗ Phấn là giai đoạn Hà Nội đang phân vân, dùng dằng, có lúc vật vã chuyển từ đô thị cổ mang dáng dấp của “một cái làng lớn” sang đô thị hiện đại với cuộc sống không từ từ như vòng quay xe đạp mà hối hả xe máy thậm chí xe hơi. Giao thời cũ nhiều mới ít, cũ tràn lan mà mới đã lóe lên... Thời gian Hà Nội qua Đỗ Phấn cũng giống hết như những nhân vật chính của ông: người đàn ông trung niên, chưa đủ già để chiêm nghiệm, vẫn muốn thay đổi dáng vẻ bề ngoài từ trang phục đến lời ăn tiếng nói, nhưng cũng không còn trẻ trung để có thể thoải mái vứt bỏ bộ quần áo đang mặc vì không còn hợp *mode* hay dùng ngôn ngữ tuổi *teen* một cách tự nhiên... Thời gian Hà Nội qua Đỗ Phấn thậm chí uể oải cả trong những cuộc làm tình nóng bỏng. Thời gian trong cảm thức của những nhân vật của Đỗ Phấn dường như không phù hợp với thời gian vật chất của một Hà Nội có vẻ ngoài ngày càng trở nên xa và lạ với chính “người Hà Nội”.

Xuyên qua không - thời gian đó là người Hà Nội mà tác giả vẽ nên, những gương mặt đàn ông đàn bà, trẻ già đủ mọi nghề nghiệp... Diện mạo tính cách từng người cụ thể nhưng vẫn nhòe vào đám đông, có cảm giác như

ở câu chuyện nào tác giả cũng luôn băn khoăn “*những con người làm nên cuộc sống và bộ mặt phố phường. Họ là ai thế nhỉ???*”. Những người đàn bà trong câu chuyện của Đỗ Phấn ở lứa tuổi nào cũng nồng nhiệt yêu và dịu dàng dâng hiến... Thường thấy trong tiểu thuyết của Đỗ Phấn một “người đàn bà đẹp” chấp nhận mối tình nửa vời, quyết định rồi chủ động có con với người mình yêu và lẳng lẳng ra đi, tác giả nhìn theo họ như một giấc mơ và có phần lý tưởng thoát khỏi cuộc sống toan tính chi ly hàng ngày. *Văng mặt, Gắn như là sống, Chảy qua bóng tối...* không chỉ là tựa sách mà còn là số phận nhiều - người - Hà - Nội.

Dòng dặc triển sông mưa là cuốn tiểu thuyết của Đỗ Phấn viết cho những người cùng thế hệ từng có tuổi thơ ở Hà Nội. Ký ức, không, là nỗi nhớ trời dậy cồn cào qua từng trang văn đẹp và buồn như tranh Bùi Xuân Phái. Đỗ Phấn cho tôi nhớ về một Hà Nội của những cậu bạn trai cùng tuổi, luôn có cái vẻ ngơ ngác, chậm khôn hơn các cô bạn gái cùng lứa. Những cậu trai này hồn nhiên, chất “Hà Nội” ở họ trong trẻo tinh khôi hơn các bạn gái sớm khôn sớm biết điệu vì ý thức được vẻ đẹp và sự quyến rũ của mình. Với tôi, “con giai phố cổ” giữ được chất “Hà Nội” lâu hơn, đậm đặc hơn, chính vì họ không ý thức được rằng họ là “người Hà Nội”.

Trong cuốn tiểu thuyết *Văng mặt* có chi tiết rất thú vị, một gia đình tản cư mang theo cái tủ chè lâu đời. Cũng chẳng biết để làm gì nhưng dù khổ sở đến mấy cũng cố

gánh gồng mang theo... Đến nỗi cậu bé con phải nghĩ, cái tú chè chẳng có chức năng gì ngoài mỗi việc chứng tỏ gia đình mình thuộc đẳng cấp “có tú chè”. Sự tự trào hóm hỉnh nhưng nói được chính xác phong vị của nhiều “người Hà Nội”.

Sự tự trào “rất Đỗ Phấn” đậm đặc trong cuốn tản văn mới của anh - *Ngồi lê đôi mách với Hà Nội*. Những chuyện ăn mặc ở đi lại vẫn được coi là “thuộc phạm trù văn hóa vật chất” rất đổi bình thường thậm chí tầm thường nữa nhưng qua giọng văn hóm hỉnh của Đỗ Phấn bỗng hiện lên những nét “văn hóa tinh thần” của “phố cổ Hà Nội”: lối sống, cư xử, thái độ, giao tiếp, hiểu biết, thưởng thức... Quá khứ và hiện tại đan cài qua những so sánh liên tưởng bất ngờ về hình ảnh và những từ đa nghĩa khiến người đọc không thể không bật cười hoặc tủm tỉm cười mãi... Một thời bao cấp, một thời chưa “mở cửa” làm Hà Nội đã chật lại càng thêm hẹp. Chính trong cái chật và hẹp ấy, dưới ngòi bút Đỗ Phấn, Hà Nội hiện lên như dưới một cái kính hiển vi khổng lồ.

Bên cạnh đó là những trang viết của Đỗ Phấn về những chuyến đi với cảm xúc nhẹ nhõm tươi mới, dù đó là vùng núi cao hay nơi làng quê với những người dân còn rất nghèo khó. Dường như khi thoát ra khỏi chuyện “ngồi lê đôi mách” quần quanh Hà Nội con người ta trở nên phóng khoáng hơn, bỏ lại sau lưng những tí mĩ vụ vật thậm chí nhỏ nhặt hàng ngày... “người Hà Nội” cũng bao dung thể tất hơn chẳng?

Có lần tôi hỏi Đỗ Phấn, vì sao vài năm gần đây anh dồn dập cho ra đời nhiều tác phẩm văn học như vậy? Còn hội họa, thời gian và tâm sức nào anh dành cho nó? Đỗ Phấn trả lời: Cứ mỗi lần triển lãm tranh là một lần anh “mất đi” nhiều tác phẩm của mình. Sự trống rỗng như khi mất một đứa con, một người yêu, một tri kỷ làm anh phải viết để dịu lại... Những ghi chép, viết ngắn như những bức phác họa, ký họa để anh dựng nên bức tranh Hà Nội từ nhiều góc nhìn khác nhau trong những cuốn tiểu thuyết của mình.

Vì vậy, đọc sách của Đỗ Phấn cũng giống như xem tranh. Cùng chất liệu cùng bút pháp mà vẫn phải lúc nhìn “cận cảnh” lúc lại phải lùi xa, khi nheo mắt chăm chú khi mở to mắt bao quát cả bức tranh. Và cũng như hội họa, tác phẩm của Đỗ Phấn mang lại nhiều cảm xúc hơn là nội dung câu chuyện, bởi nó làm người đọc trở về với dáng đặc triển ký ức của tác giả, và của cả một thế hệ...

Hà Nội 9.2014 - 1.2015

Một người trẻ đi suốt ngàn năm

Tôi biết Trần Quang Đức qua Facebook từ vài năm trước, qua những bài viết khoa học ngắn gọn mà nhiều thông tin về lịch sử, về chữ Hán, Nôm... lĩnh vực khá gần với chuyên môn của tôi là khảo cổ học. Rồi vào một ngày tháng Ba ấm áp, lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau ở Hà Nội, cuộc trò chuyện xoay quanh công trình *Ngàn năm áo mũ* lúc ấy còn chưa được xuất bản.

Trần Quang Đức mang đến cho tôi nhiều bất ngờ thú vị.

Quen nhìn gương mặt khá già dặn của anh trên Facebook, tôi ngạc nhiên khi biết Trần Quang Đức còn

rất trẻ. Anh sinh năm 1985 tại Hải Phòng. Năm 2004 khi đang là sinh viên năm thứ nhất Đại học quốc gia Hà Nội, anh đạt giải nhất cuộc thi Cầu Hán Ngữ lần thứ 3 cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hán trên toàn thế giới. Nhận học bổng của Trung Quốc, anh theo học tại Đại học Bắc kinh và tốt nghiệp năm 2009. Năm 2010 Đức về nước làm việc, bắt tay nghiên cứu và viết công trình *Ngàn năm áo mũ*, cùng đó anh còn dịch sách văn học mà tác phẩm gần đây được nhiều bạn đọc yêu thích là *Trường An loạn* (nguyên tác của Hàn Hàn - một tác giả nổi tiếng của Trung Quốc cũng ở lứa tuổi 8x như Trần Quang Đức). Đến nay *Ngàn năm áo mũ* đã xuất bản và in đến 3500 bản, một con số đáng mơ ước của loại sách nghiên cứu khoa học. Như vậy là tốt nghiệp đại học chỉ mới ba năm nhưng Trần Quang Đức đã có một số “vốn” tác phẩm khá đầy đặn, điều mà nhiều người nghiên cứu có thâm niên trong các Viện, Trường cũng chưa có được.

Lịch sử và những vấn đề văn hóa Việt Nam là niềm say mê của Trần Quang Đức mà anh mới chỉ “giải tỏa” phần nào trong công trình *Ngàn năm áo mũ*. Dường như ngàn năm quá khứ luôn sống trong anh từ nguồn sử liệu phong phú, đa dạng mà anh đã tích lũy qua những năm đại học, thu nhặt trên những chặng đường đi về từ Bắc vào Nam. Đọc sách của anh đã thú vị bởi văn phong mang hơi hướng cổ văn nhưng rất dễ hiểu, gãy gọn, thậm chí còn mượt mà nữa. Nhưng còn thú vị hơn khi nói chuyện cùng anh. Phong cách sôi nổi và hóm hỉnh, nụ cười tươi của anh đã làm cho những tài liệu ghi chép khô khan trở

nên sinh động, anh phác dựng lại một sự kiện hay nhân vật lịch sử thì tất cả bỗng trở nên gần gũi như những con người những sự việc ta vẫn gặp hàng ngày. Nghe Trần Quang Đức kể về vua Trần Nhân Tông đối đáp với hoàng đế nhà Nguyên qua thư từ, cách hành xử rần mềm của ông với sứ thần Nguyên và đám hàng binh bại trận Ô Mã Nhi... mới thấy cái gọi là “bản sắc truyền thống” được thể hiện ngay trong mỗi sự kiện lịch sử và từ những nhân vật lịch sử. Do đó, lịch sử là một phần quan trọng của văn hóa dân tộc, ngược lại, văn hóa với tất cả góc nhìn đa chiều cho phép ta nhìn về lịch sử một cách toàn diện hơn.

Có thể nhận thấy Trần Quang Đức có được một nền học vấn chuyên môn vững chắc, nhờ vậy anh dễ dàng *link* những tư liệu từ lĩnh vực này qua lĩnh vực khác để tìm ra mối liên hệ sâu xa giữa chúng, từ đó nhận biết bản chất của hiện tượng lịch sử thể hiện qua yếu tố trang phục, nhất là trang phục cung đình. *Ngàn năm áo mũ* của anh còn là ngàn năm bảo vệ độc lập quốc gia, đồng thời cũng là ngàn năm tự chủ về văn hóa bằng phương thức Đại đồng mà Tiểu dị về văn hóa trong “thế giới” Á Đông Hoa hóa mạnh mẽ. Hướng tiếp cận lịch sử từ lĩnh vực mới mẻ qua sự mô tả và diễn dịch của Trần Quang Đức trong *Ngàn năm áo mũ* không chỉ nói về lịch sử trang phục (chủ yếu là trang phục cung đình), mà còn khơi gợi nhiều hơn các vấn đề lịch sử - văn hóa Việt Nam.

Trong buổi giao lưu với độc giả *Ngàn năm áo mũ* ở Cà phê thứ Bảy tại TP Hồ Chí Minh, bà Tôn Nữ Thị Ninh đã tỏ ý mong muốn Trần Quang Đức sẽ tiếp tục con đường

học vấn cao hơn, bởi vì những khả năng mà anh thể hiện, và vì anh còn rất trẻ! Với sức trẻ và sự say mê lịch sử văn hóa, Trần Quang Đức mang lại niềm hy vọng về thế hệ mới những người viết sử và những bộ sử được ghi chép một cách hiện đại, khoa học, trung thực nhưng đồng thời luôn hấp dẫn, giúp người đọc yêu thích hơn lịch sử nước nhà.

Có lần Đức nói với tôi: dịch sách văn học để “lấy ngắn nuôi dài” khi mà mức lương người mới vào làm việc nhà nước như Đức quá thấp; độc thân sống không đủ nữa là còn vợ, con. Nghiên cứu một công trình như *Ngàn năm áo mũ* mất ba năm mà thù lao tính ra mỗi tháng cũng chưa bằng lương cơ bản. Nhưng vẫn cần làm và phải làm, bên cạnh những bài tạp chí, tham luận khoa học mang tính hàn lâm dành cho người nghiên cứu, nếu công trình được xuất bản thì cần viết sao cho nhiều người thích đọc. Làm sao phải bán được sách, không bán được sách thì ai sẽ xuất bản sách này? Sách khoa học mà không ai đọc thì mình nghiên cứu cho ai, để làm gì?

Ấn sau nụ cười tươi và tính tình hồn hậu của Trần Quang Đức là một hướng đi đã được xác định rõ ràng: đưa khoa học đến với cộng đồng, bởi vì hiệu quả của nghiên cứu khoa học không chỉ ở kết quả đánh giá của giới nghiên cứu mà còn là của công chúng. Khi nhà khoa học góp phần nâng cao sự hiểu biết của xã hội cũng là lúc họ “hoàn lại” những gì họ đã nhận được từ xã hội.

Sài Gòn 25.9.2013

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỮ HỒN ĐÔ THỊ

ADN của một đô thị.....	6
Đi tìm tấm bản đồ chỉ đường.....	11
Từ ô cửa sổ máy bay.....	15
Cách nhau chỉ một giấc mơ.....	18
Chợ Tết.....	23
Có còn ai nhớ nhà đèn.....	27
Di sản đô thị Sài Gòn.....	32
Đô thị... của ai?	37
Đừng để thành phố cô đơn.....	41
Cảnh quan đường Tôn Đức Thắng.....	44
Gà trong thành phố	48
Giữ gìn hồn phố	52
Hàng cây lá xanh gần với nhau.....	56
Hoài cổ không phải là nệ cổ!.....	60
Nghịch lý đô thị.....	63
Nhớ Sài Gòn	67
Những ngôi biệt thự và những quán cà phê	72
Riêng tư... trên mạng?	77
Tạ ơn đất lành.....	81

Tàn mạn Sài Gòn cà phê	86
Tàn mạn về Tết đô thị.....	92
Tên đường phố - di sản văn hóa của đô thị... ..	96
Thị dân và văn hóa đô thị	100
Thương nhớ những cây cầu.....	106
Vẫn nhớ về cây xanh thành phố.....	110
Không gian nào để thở.....	113
Tháng Bảy còn mãi!.....	118

Phần II: NHỚ QUÊ

Đập búa vào tay.....	124
Đừng đánh mất giấc mơ.....	128
Giữ lễ	132
Hương miền Tây.....	136
Lệ có quyền rơi.....	141
Nhớ quê.....	145
Những cánh đồng vắng bóng nông dân	150
Nước mắt và nước chấm	155
Quê hương	158
Sách cũ.....	162
Về miền Tây, thương... ..	165
Vết cắt sâu đến sáu mươi năm.....	171
Vọng cổ trưa.....	176
Những giấc mơ lạc đường.....	180
Long Xuyên - êm à nhịp đời.....	184
Tháng Mười Hai yêu dấu	189

Phần III: GIA TÀI ĐỂ LẠI

Ảnh hưởng của mạng xã hội với giới trẻ.....	194
Chọn nghề hay nghề chọn	201
Cùng con đọc sách mỗi ngày.....	207
Di sản văn hóa - vốn xã hội của cộng đồng ...	211
Di sản văn hóa phi vật thể - đừng để biến dạng.	216
Đa dạng để có sức đề kháng	221
Đừng để lại một di sản chấp vá	226
Gia tài để lại	230
"Kinh tế via hè" và văn minh đô thị	234
Sân chơi cho trẻ ở đô thị.....	239
Thị hiếu thẩm mỹ của giới trẻ	243
Thời sách trẻ.....	249
Chuyện chị Phụng.....	253
Đỗ Phan - dăng dặc triển ký ức	257
Một người trẻ đi suốt ngàn năm	263

Cách nhau chỉ một giấc mơ

Nguyễn Thị Hậu

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập và sửa bản in: NGUYỄN TRƯƠNG QUỲ

Bìa: KIM DUẤN

Trình bày: VÕ BÁ HOÀI LINH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: hophubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: 08 35261001 - Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn



Cách nhau chỉ một giấc mơ chính là mơ ước của mỗi người Sài Gòn làm sao giữ gìn hồn phố thị, là ký ức nhớ quê của những người miền Tây xa xứ, là tự vấn của thế hệ đi trước đã để lại gia tài văn hóa gì cho thế hệ sau.

Bạn có thể cùng mơ ước một điều gì đó với nhiều người khác, nhưng một giấc mơ, ngay cả về điều đó, thì nó chỉ là của riêng bạn mà thôi. Ký ức và những giấc mơ là tài sản quý giá của ta không ai có thể lấy đi được. Miễn là đừng đánh mất giấc mơ...



www.ybook.vn/ebook

nxbtre.com.vn